

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ VỚI TRIỀU ĐÌNH TỰ

ĐỨC Tác giả: Nguyễn Đình Đầu

Biên Khảo

NXB Trẻ

Ebook: **Cuibap**

Nguồn Text: **cailubietdi**

Lời Tựa

Năm 2011, Đức giám mục Vinh - Nguyễn Thái Hợp có thiện ý muốn tổ chức kỷ niệm 140 năm (1871-2011) ngày qua đời của nhà yêu nước Nguyễn Trường Tộ ngay tại quê hương và phần mộ ở Xã Đoài, huyện Nghi Lộc, thành phố Vinh nay. Nhiều học giả đã tán thành và gửi bài tham luận. Rất tiếc năm 201 là năm có nhiều vấn đề nhạy cảm mà vấn đề Nguyễn Trường Tộ nằm trong số đó! Nên không có gì để kỷ niệm Nguyễn Trường Tộ cho đáng với một nhân vật lịch sử lớn như ông.

Tôi cũng được vinh dự đóng góp một báo cáo nhỏ. Đó là bài *Giả như kế hoạch đánh úp Gia Định của Nguyễn Trường Tộ được thi hành!*^[1]. Tất nhiên, không có tọa đàm hay nghi thức kỷ niệm thì bài này không được ra mắt quý bạn đọc.

Sau ngày 30.4.1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, giới Công giáo thành phố Hồ Chí Minh thường biểu lộ lòng mến quê hương với bài ca rất phổ biến *Trước khi là Công giáo tôi là người Việt Nam*. Công giáo hay không, đều là người Việt Nam, đều có nghĩa vụ và quyền lợi của một công dân trung thành với tổ quốc dân tộc.

Thiền nghĩ Nguyễn Trường Tộ là nhân vật Công giáo nêu tấm gương yêu nước tuyệt vời ấy ngay từ thời "trung quân ái quốc", trong một giai đoạn lịch sử cực kỳ phức tạp và đen tối. Ông đã điều trần *Tự do tôn giáo*^[2] là quyền thiêng liêng, nhưng nhiệm vụ phụng sự đất nước cũng là bất khả kháng. Ngay từ khi Công giáo truyền vào Việt Nam hơn 400 năm trước, một sáng kiến thần học đã lập thuyết *Tam phụ* tức phải tôn kính ba cha: Trời, (thượng phụ). Vua (trung phụ) và đấng sinh thành (hạ phụ). Như vậy, càng kính Chúa và hiếu hạnh thì càng phải "trung quân ái quốc". Lý thuyết đâu có trái nghịch với thực tế! Trong một điều trần, Nguyễn Trường Tộ giải thích về thuyết *Tam phụ* rất minh bạch và hấp dẫn, trước khi sáng tác điều trần *Ngôi vua là*

quý, chức quan là trọng^[3]. Tuy nhiên, với tư cách một thường dân tha thiết tới vận mệnh dân tộc, Nguyễn Trường Tộ đã đề đạt lên triều đình Tự Đức những bài học lịch sử và thời sự quốc tế nhằm canh tân xứ sở và cứu nguy dân tộc.

Nhân dịp kỷ niệm này, tôi đã mạo muội viết một số bài trên tuần báo *Công giáo và Dân Tộc* ngõ hầu giới thiệu Nguyễn Trường Tộ như một tấm gương ái quốc chói sáng cho tín hữu chúng tôi. Từ xưa đến nay đã có nhiều học giả hay tác giả viết về Nguyễn Trường Tộ. Tôi đã học hỏi được nhiều, song tôi không thể trích dẫn hết các điều trần và những nhận xét sâu sắc của quý vị. Tôi chỉ dám lựa chọn một góc nhỏ: *Nguyễn Trường Tộ với triều đình Tự Đức (1861-1871)* và đặc biệt sử dụng tư liệu tổng hợp về Nguyễn Trường Tộ của Trương Bá Càn^[4] cùng bộ chính sử *Đại Nam thực lục chính biên*^[5].

Chúng ta đều biết khoảng giữa thế kỷ XIX, sau khi thôn tính được nhiều thuộc địa trên thế giới, đế quốc Pháp khởi công xâm chiếm nước ta và các tiểu quốc thuộc quyền bảo hộ Việt Nam ở Đông Dương, với lý do Việt Nam không tôn trọng tự do tôn giáo! Ngày 19.6.1988, Tòa thánh phong hiển thánh cho 117 tín hữu, mà dưới ba triều Minh Mạng - Thiệu Trị - Tự Đức có tới 111 vị (58+3+50) tuần tử trong thời gian từ 1833 đến 1862. Đó là những năm Pháp đem tàu chiến và quân lực đến uy hiếp và đánh phá Việt Nam. Tín hữu hy sinh thực sự vì trung thành với đức tin, nhưng chính quyền cấm đạo và tàn sát tín hữu có lẽ vì lý do chính trị hơn tín ngưỡng. Tôi đã cố giải thích khúc mắc này qua tập sách nhỏ *Tiểu sử Cha Khâm - Đặng Đức Tuấn*^[6].

Dẫu chỉ lựa chọn nghiên cứu vấn đề ở một góc hẹp và đa phần là trích dẫn các tư liệu chính xác, nhưng chúng tôi vẫn thành thực xin quý độc giả nhắc nhở cho biết những gì còn sai nhầm hay thiếu sót. Xin trân trọng cảm ơn.

Cuối thu năm 2012
Nguyễn Đình Đầu

Danh nhân Nguyễn Trường Tộ qua đời ngày 22.11.1871, đến nay đã 142 năm. Lịch sử đã ghi nhận ông là một sĩ phu bày mưu tính kế giải phóng dân tộc từ buổi đầu Pháp xâm chiếm nước ta và đạo đạt phương lược canh tân xứ sở trước cả thời Nhật với Minh Trị Thiên Hoàng.

Nguyễn Trường Tộ sinh năm 1830, con cụ lang Nguyễn Quốc Thủ, tại thôn Xã Đoài nay thuộc huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Xã Đoài là thôn theo đạo Công giáo từ lâu đời. Năm 1846, giáo phận Vinh

(nguyên gọi là Tây Đàng Ngoài) được thành lập với Giám mục tiên khởi là Gauthier Hậu. Ngài liền lấy Xã Đoài làm trụ sở. Khi ấy Nguyễn Trường Tộ 16 tuổi đã thông thạo nho học với tứ thư ngũ kinh, với sử sách Đông phương và đất nước, lại được mệnh danh là "trạng Tộ". Ông mở trường dạy học tại gia. Đức cha Hậu biết ông Tộ là người tài đức, liền mời ông làm thầy dạy các chủng sinh của giáo phận. Đồng thời ông Tộ cũng nhờ cậy Đức cha Hậu, học thêm tiếng Pháp và nghiên cứu nền văn minh Tây phương cùng lịch sử đổi thay của các quốc gia

trên thế giới, kể cả sự tiến bộ về khoa học và kỹ thuật.

Tình hình đạo đời đương thời hầu như thúc bách Nguyễn Trường Tộ trau dồi thêm nhiều kiến thức: Năm 1833 Minh Mạng ban hành chỉ dụ cấm đạo khắc nghiệt sau vụ nổi loạn Lê Văn Khôi mà khi tái chiếm thành Gia Định bắt được cố Marchand Du cùng một số ít giáo dân ở trong. Dưới thời Thiệu Trị nối ngôi từ 1841 đến 1847, việc cấm đạo được nới nhẹ hơn. Tuy nhiên, từ khi Tự Đức lên ngôi năm 1848, nhiều nước Tây phương kể cả Hoa Kỳ, nhất là Pháp, đến xin mở cửa giao thương. Pháp xin thêm trả tự do cho các vị thừa sai Tây phương và cho truyền giáo. Đôi lần Pháp đem cả chiến thuyền đến thị oai. Tự Đức thấy đó là mưu đồ đế quốc xâm chiếm nước ta, nên càng bế quan tỏa cảng và ráo riết cấm đạo.

Năm 1858, Pháp kết hợp với Tây Ban Nha - nước có nhiều giáo sĩ ở giáo phận Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Bình...) - đem chiến thuyền đến đánh phá Cửa Hàn (Đà Nẵng) và tìm đường ra chiếm kinh đô Huế. Tự Đức liền ra chỉ dụ trăm quyết hết giáo sĩ kể cả bản quốc và phân sáp toàn thể giáo dân. Đức cha Hậu (Gauthier) - giám mục đại diện Tông tòa coi sóc giáo phận Vinh và Nguyễn Trường Tộ đành phải sang Hồng Kông lánh nạn. Đây cũng là dịp Nguyễn Trường Tộ xuất dương để mắt thấy tai nghe những hiện tượng lớn lao làm thay đổi tình hình thế giới. Ông đọc thêm "tân thư" mà Trung Quốc dịch thuật từ sách tiến bộ Tây phương. Ông được tiếp xúc và đàm đạo sâu sắc với giới thức giả Đông phương và Tây phương kể cả mục sư Tin Lành tân tiến. Ông kiểm nghiệm giữa kiến thức đã thấm thía với thực tế diễn biến đương thời. Tất nhiên ông đặc biệt chú ý đến những gì liên quan đến đất nước và con người Việt Nam. Có lẽ ông cũng có dịp tham quan Tân Gia Ba và Pê-năng. Hai nơi này đều là thuộc địa của Anh giống như Hương Cảng và là những trung tâm giao thương quốc tế bắt đầu phát triển theo mô hình tư bản Tây phương. Ông cùng Giám mục Hậu trở về Sài Gòn năm 1861.

Chúng ta biết rằng năm 1858 Pháp và Tây Ban Nha đánh phá Cửa

Hàn, nhưng thất bại, nên năm sau tức 1859 kéo quân vào Nam xâm chiếm thủ phủ Gia Định (Sài Gòn). Suốt hai năm từ đầu năm 1859 đến đầu năm 1861, Pháp chịu nhiều khốn đốn mới chiếm đóng được một phần nhỏ Sài Gòn vì phải rút quân sang Trung Hoa chinh chiến. Khi chiến tranh giữa Trung Hoa và liên quân Anh - Pháp chấm dứt, Đô đốc Charner đem một đội quân hùng hậu tới đánh phá đại đồn Chí Hòa do thống tướng Nguyễn Tri Phương chỉ huy, rồi mở rộng thêm nhiều khu chiếm đóng. Charner đã mời Giám mục Hậu về Sài Gòn, Nguyễn Trường Tộ cũng về theo. Charner nhận ông Tộ làm thông dịch

viên. Ông làm việc này với tâm ý lèo lái sự việc cho có lợi về phía Việt Nam trong cuộc thương nghị hòa bình. Nhưng ngày 16.12.1861, Bonard hung hãn đánh chiếm Biên Hòa; ngày 7.1.1862 đánh chiếm Bà Rịa. Ông Tộ không mong gì ở hòa cuộc nữa và thôi làm từ dịch cho Pháp. Ông vẫn ở Sài Gòn, ngấm ngấm liên lạc với quan chức đang có trách nhiệm giải quyết vấn đề hòa hay chiến tại đây, nhằm mục đích thông tin xác thực để giải quyết tình huống có lợi cho Việt Nam. Nhân tiện ông giúp xây cất tu viện Dòng thánh Phaolô (số 4 Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh nay), bắt đầu tháng 9.1862 và hoàn tất ngày 18.7.1864. Giáo sĩ Le Mée kể lại như sau:

"Đức Giám mục Gauthier và Linh mục Croc đã đem theo một nho sĩ Đàng Ngoài, tên là Lân (tức Nguyễn Trường Tộ), với trí thông minh hiếm có. Được gợi ý và được thúc đẩy bởi sự nhiệt tình và tận tụy của giám mục mình, nho sĩ Đàng Ngoài này, vì tình yêu Thiên Chúa, đã nhận đứng ra đốc suất công việc. Trước kia ông có ở Hồng Kông ít lâu và trong thời gian ngắn ngủi tại thuộc địa này của người Anh, ông đã thấy được cách thức và thể loại kiến trúc của châu Âu. Thời đó ở Sài Gòn chưa có một công trình nào làm kiểu mẫu. Với đề án của tu viện và nhà nguyện do Nữ tu Benjamin (Bề trên) cung cấp, ông ta đã phác họa được một họa đồ phối cảnh chung và thực hiện công trình nhờ sự cộng tác của các công nhân người Việt Nam. Chính ông đã phải vẽ sơ đồ của tháp chuông và tự mình trông nom công việc một cách rất cẩn thận; chính ông đã hoàn thành nhiều phần khác của công trình. Mỗi ngày người ta thấy ông có mặt ở công trường và để ý tới từng chi tiết. Phải thú nhận là nếu không có ông thì không thể thực hiện được một công trình như vậy vào một thời điểm mà ở Sài Gòn chưa có thợ cũng như chưa có nhà thầu"^[7].

Suốt 11 năm, từ đầu năm 1861 khi ở Hồng Kông về Sài Gòn đến cuối năm 1871 lúc qua đời, Nguyễn Trường Tộ đã đệ đạt nhiều văn

thư và điều trần tới các thượng quan lo nhiệm vụ chiến hay hòa với Pháp, tới Lục bộ triều đình cùng cả Cơ mật viện. Tiếc thay nhiều văn bản đã mất mát. Nay chỉ còn 58 di thảo hay điều trần^[8]. Chúng tôi tạm chia ra hai phần:

1. Thời gian chuẩn bị (1861 - 1865) chỉ có 7 di thảo.
2. Thời gian hợp tác (1866 - 1871) có 51 di thảo.

1

Thời gian chuẩn bị hay chờ đợi

Ngày 25.2.1861, Đô đốc Pháp Charner và đại tá Tây Ban Nha Palanca đem quân đến phá đại đồn Chí Hòa. Thống tướng Nguyễn Tri Phương phải lui binh. Triều đình cử Nguyễn Bá Nghi tới thay thế. Pháp đề nghị với Nguyễn Bá Nghi thương thuyết ngưng chiến. Phía Việt Nam do dự nần ná. Ngày 10.4.1861, Pháp chiếm đóng kinh Bảo Định (từ Tân An đến Mỹ Tho). Ngày 12.4.1861, Đô đốc Page chiếm Mỹ Tho. Đến đây, những điều kiện thương thuyết của Charner tương đối còn nhẹ, thí dụ chỉ muốn được giao thương trong toàn quốc Việt Nam và đòi một thương điểm vĩnh viễn giống Hồng Kông hoặc Tân Gia Ba. Nguyễn Trường Tộ liền gửi tới Nguyễn Bá Nghi một văn thư:

"Nay có đánh họ cũng không đi, hòa họ cũng không đi. Họ chỉ xin mình một miếng đất mà thôi. Nếu cứ cương quyết không cho, họ sẽ lập mưu cướp hết, từ khách quay lại làm chủ, như thế là tiếc một mảnh đất mà đem cả nước trao cho họ. Nếu biết rằng họ đã đến là không đi, họ ỷ thế vào những nước khác, thì đánh với họ tức là mất cái lớn không đáng mất mà còn tỏ ra mất đó là vì bất lực, không hợp tình, không kêu nài gì được, chi bằng hòa mà mất cái nhỏ không thể không mất mà còn tỏ ra mình ngoại giao biết điều và là việc hợp tình hợp lý có hơn không?..."

Nhượng một tấc đất mà nhân dân được lợi vô cùng. Như thế chẳng phải là làm việc chung cho thiên hạ đó sao? Người xưa cũng làm như thế thôi. Không thể bỏ cách đó mà theo khác được. Thế là xoay chuyển một cái mà kẻ sống người chết đều chịu ơn, thật là sáng rõ, rõ như ánh sáng lửa rọi, chẳng còn hình tích gì đáng nghi nữa cả. Dân đã yên, sau sẽ khiến kẻ hiền tài vượt biển sang các nước lớn học

cách đánh trận giữ thành, học tập trí xảo của thiên hạ, giao thiệp với họ lâu dài, mới biết lường sức đo tài, biết hết tình trạng của họ. Học cho tinh vi mới sinh kỹ xảo, rất mực kỹ xảo mới mạnh, bấy giờ sẽ dưỡng uy sức nhuệ, đợi thời hành động, mất ở phía Đông thì lấy ở phía Tây cũng chưa muộn gì"^[9].

Triều đình Huế không chịu điều đình. Ngày 20.11.1861, Charner bàn giao quyền hành cho Đô đốc Bonard. Ngày 9.12.1861, Bonard đánh chiếm Biên Hòa. Ngày 1.2.1862, thiết lập trại giam ở Côn Đảo. Ngày 28.3.1862, Bonard đánh chiếm Vĩnh Long. Sau đó Bonard đề nghị lập hòa ước nhưng với những điều kiện nặng nề hơn Charner nhiều. Sử *Thực lục* ghi:

"Nguyên soái Phú Lãng Sa là Phó Na (Bonard) sai Xuy Mông chạy tàu máy vào cửa biển Thuận An... để đưa thư bàn về việc hòa"^[10]. Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành, Lâm Duy Thiếp "lấy việc cho sứ đi là phải". "Thư đưa nói ba việc là: một là đặt toàn quyền; một là bồi trả quân nhu; một là đưa trước 10 vạn quan tiền để làm tin... Vua nói: Tạm thời khuất mình, tạm thời chịu phí, mà có thể cứu được quân dân, không bị mất đất đai thì nên lắm. Duy sợ không tiếp tục mãi được thì việc quân lại dấy lên, thành ra không được việc gì. Đến như việc đặt toàn quyền, đến lúc ấy mà không thể nói được, nếu theo họ thì có nước cũng như không, đã chịu nhục mà đòi đòi chịu tai vạ..."^[11].

Sử *Thực lục* ghi tiếp: "*Khi ấy Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp xin đi. Lại chuẩn cho sung làm chánh phó sứ toàn quyền đại thần đề nghị về việc hòa. Lại sai đình thần bàn định đại ý về điều ước, vua sửa định rồi trao cho. Đình thần bàn định khá kỹ về 14 điều do Pháp đề nghị. Tự Đức phán bảo rằng: "Về khoản đạo giáo công hành, quyết không thể cho được. Nếu không được đúng thì chỉ được theo như lần trước đã nghĩ: đến thì phải trình, ở thì phải có nơi. Nam Kỳ thì chỉ một xứ Gia Định, Bắc Kỳ thì Nam Định hoặc Hải Dương một xứ mà thôi... Đến như địa hạt Gia Định, Biên Hòa, Định Tường chỉ cho ở đấy buôn một hai nơi mà thôi; nếu không dùng được thì chỉ đến chuộc là cùng". Trước khi sứ đoàn ra đi, chỉ thị còn nói: "Những khoản nào chưa có dự nghĩ, thì việc nhỏ mọn nên chiếu lẽ mà làm cho ổn thỏa, còn việc quan trọng to lớn thì lấy lẽ mà tranh biện. Nếu họ nghe theo thì thôi, họ không nghe thì kiếm lời thoái thác để ngừng hoãn lại, đợi được báo cáo sẽ làm cho họ sợ thế"*^[12].

Ngày 24 tháng 4 năm Nhâm Tuất, sứ đoàn Phan Thanh Giản, Lâm

Duy Thiếp đi thuyền Loan Thoại vào Gia Định. Trong sứ đoàn có linh mục Đặng Đức Tuấn làm thông ngôn. Ngày 9 tháng 5 (dương lịch là ngày 5.6.1862) là ngày ký hòa ước. Phía đối phương có Đô đốc Bonard đại diện nước Pháp, đại tá Palanca - Gutierrez đại diện Tây Ban Nha. Aubaret dịch giả *Gia Định Thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức làm thông ngôn (Cố Trường Legrand de la Liraye và Trương Vĩnh Ký chỉ làm thông ngôn ở vòng ngoài về phía Pháp).

Ngày 26.5.1862, sứ đoàn Việt Nam tới Sài Gòn, đại diện ba nước trao đổi ủy nhiệm thư trên chiến hạm Le Duperré đậu ở bến sông đầu đường Đồng Khởi nay. Sau đó là hội nghị diễn ra tại Trường Thi (Nhà Văn hóa Thanh niên, 4 Phạm Ngọc Thạch, Q.1 hiện tại). Đối phương đòi những điều kiện quá đáng, linh mục Đặng Đức Tuấn kể lại:

Phan - Lâm đòi Tuấn hỏi han:

"Tây xin nhiều quá, Tuấn bàn làm sao?"

Tuấn rằng: "Ông lớn lượng cao,

Đòi bồi thì chịu, đừng giao tỉnh thành.

Ý tôi thời vậy đã đành,

Mặc lượng quan lớn quyền hành chủ trương"^[13].

Ngày 9 tháng 5 năm Nhâm Tuất tức ngày 5.6.1862, ba bên ký kết một hòa ước rất bất lợi cho ta.

Sử *Thực lục* ghi rõ: "*Khi sắp đi, vua rót rượu của vua dùng ban cho. Rồi dụ rằng: đất đai quyết không thể nào cho được, tà giáo quyết không cho tự do tuyên truyền. Kịp khi hai viên ấy (Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp) đến Gia Định, bèn đem đất ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa nhường cho Tây dương, lại nhận số bạc bồi quân phí đến 400 vạn đồng, ước tính đến 280 vạn lạng bạc) và lập nhà giảng đạo, mở phố thông thương, gồm 12 khoản... Vua nói: thương thay con đồ của lịch triều, nào có tội gì? Rất là đau lòng! Hai viên này không những là người có tội của bản triều mà là người có tội của nghìn muôn đời vậy!... (Đình thần) xin bắt tội. Vua nói: bây giờ há có người hiền tài nào mà đổi hết được dư. Bèn cho Thanh Giản lãnh tổng đốc Vĩnh Long, Duy Thiếp lãnh tuần phủ Thuận Khánh cùng với tướng nước Phú Lãng Sa biện bác để chuộc tội"^[14].*

Kết quả hòa ước Nhâm Tuất như vừa kể rất tai hại cho Việt Nam; khác xa với sự phân tích tình thế và mong đợi của Nguyễn Trường Tộ trình bày trong *Di thảo số 1* Bàn về những tình thế lớn trong thiên hạ (Thiên hạ đại thế luận) ^[15]. Đọc kỹ nội dung Di thảo này, chúng ta sẽ biết đây là văn kiện mà Nguyễn Trường Tộ viết trước khi có hòa ước Nhâm Tuất (5.6.1862), chứ không phải là "tháng 3-4 năm 1863". Xin

trích dẫn khá đầy đủ Di thảo này:

"Tôi là Nguyễn Trường Tộ, bề tôi nước Đại Nam đã từng trốn ra nước ngoài xin đem những điều mà tôi đã biết và thấy một cách chính xác về sự thế trong thiên hạ, mạo tội kính bẩm..."

Ngày nay các nước phương Tây, đã bao chiếm suốt từ Tây nam cho đến Đông bắc, toàn lãnh thổ châu Phi cho tới Thiên Phương, Thiên Trúc, Miến Điện, Xiêm La, Tô Môn Đáp Lạp, Trảo Oa, Lữ Tống, Cao Ly, Nhật Bản, Trung Quốc và các đảo ở ngoài biển, kể cả Tây châu, không đâu là không bị họ chẹn họng bắm lưng... Ở trên lục địa, tất cả những chỗ nào có xe thuyền đi đến, con người đi qua, mặt trời mặt trăng soi chiếu, sương mù thấm đọng thì người Âu đều đặt chân tới, như tầm ăn cá nuốt...

Đến như địa thế Trung Hoa chiếm 1 phần 3 Đông phương, nhân số đến 360 triệu, uy thế lẫy lừng, ai cũng phải thần phục họ cả, thế mà từ thời Minh về sau, người Tây phương vượt biển sang Đông, hai bên đánh nhau, thân chất thành đống, sau phải giảng hòa không biết bao nhiêu lần. Còn như ta là một xứ nóng, gần kề Quế hải (Biển Đông), là trạm nghỉ chân của người Tây phương trên đường sang Đông...

Mới đây, người Pháp thừa thế đánh xong tỉnh Quảng Đông, đã đưa quân tinh nhuệ xuống phía Nam, làm Đà Nẵng thất thủ...Người Pháp đến đây, một là hỏi ta vì sao giết hại giáo sĩ, hai là hỏi vì sao không chịu giao thiệp, ba là xin ta cắt cho một vài chỗ để làm đường giao thương như các nước thường làm. Lúc đầu họ không có ý đi cướp nước ngoài. Nếu những yêu sách của họ được thỏa mãn, họ sẽ chấm dứt những hành động gây hấn...

Hiện nay quân Pháp đã chinh cư thành Gia Định và các phủ huyện thuộc hạt, họ đào kinh đắp lũy trừ kế lâu dài để tỏ ra không chịu đi, như hổ đã về rừng, rồng đã xuống biển. Bây giờ như ta muốn cố thủ thành trì đợi cho họ tê liệt thì thật chẳng khác nào muốn quét sạch lá rừng, tát cạn nước biển. Không hòa mà chiến, khác nào như cứu lửa đổ thêm dầu, không những không cứu được mà còn cháy nhanh hơn nữa.

Tôi thường nghiên cứu sự thay thế trong thiên hạ mà biết rằng hòa với Pháp là thượng sách. Hơn nữa ở châu Âu việc võ bị chỉ có nước Pháp là đứng hạng nhất, hùng mạnh nhất không thua ai cả... Thật đúng như sách Doanh hoàn chí lược đã chép vậy.

Nếu như ngày kia Pháp đưa quân đến thì việc vượt biển cũng như đi trên đất bằng, trèo non như đi trên đường bộ. Nước ta tựa núi kề

biển, địa thế như một con rắn dài. Nếu họ dùng hỏa thuyền chia nhau đánh cắt các tỉnh dọc bờ biển, lại cho các tàu đậu ngoài cửa sông lớn để triệt sự vận tải đường biển của ta, lại cho một đạo quân đóng giữ ở Hoàn Sơn để chặn đường tiếp tế bằng đường bộ và cắt đường qua lại của đội quân Cần Vương, rồi lại đổ bộ tiến đánh các chỗ xung yếu...

Quân lính của ta lại chuyên dùng gươm dao gậy gộc, không thạo súng ống, dù phục binh gài bẫy, nhưng trận đồ như vậy chỉ hợp cho những tình thế không cấp bách, chỉ đánh được gần chứ không đánh được xa... Hơn nữa họ đã lão luyện chiến trận, những phương pháp của Đông

phương như dụ địch, kiêu binh, địa lôi, hỏa công, sập hầm, thuốc độc họ đều biết cả... Huống chi việc thắng bại lại do ở nhuệ khí. Họ từ xa đến dần thân vào chỗ chết với khí thế một ra đi là không trở về...

Theo binh pháp, muốn cố thủ phải có hai điều kiện: một là thành trì, hai là nhân tâm. Lúc địch mới đến thì phải gấp rút chặn những chỗ xung yếu mà đuổi nó đi. Nếu kẻ địch đã thọc sâu vào cứ điểm, thì phải có thành cao hào sâu để hãm kẻ địch mệt mỏi. Đó là thượng sách. Ngày nay quân Pháp có hỏa thuyền để vận tải thì việc vượt muôn dặm cũng bằng chèo một mái chèo mà thôi... Nếu cần lắm thì phải gửi giấy xin quân Anh đóng ở Ấn Độ, Hương Cảng, Thượng Hải... thì sớm chiều là có thể đến nơi để giúp. Lại có quân của Y Pha Nho ở Lữ Tống (Phi Luật Tân) đến dồn sức tấn công...

Hiện nay tình hình trong nước rối loạn. Trời thì sinh tai biến để cảnh cáo, đất thì hạn hán tai ương, tiền của sức lực của dân đã kiệt quệ..., trong Triều đình quần thần chỉ làm trò hề cho vui lòng vua, che đậy những việc hư hỏng trong nước, ngăn chặn những bậc hiền tài, chia đảng lập phái khuynh loát nhau;... ngoài ra các tỉnh thì quan tham lại những xưng hùng xưng bá... bòn rút mỡ dân, đục khoét tủy nước... Như thế loạn không phải chỉ từ bên ngoài mà ở ngay trong nước vậy...

Sự thể hiện nay chỉ có hòa...

Dân sẽ yên, sau sẽ khiến kẻ hiền tài vượt biển sang các nước lớn học cách đánh trận giữ thành, học tập trí xảo của thiên hạ, giao thiệp với họ lâu dài, mới biết lường sức đo tài, biết hết tình trạng của họ. Học cho tinh vi mới sinh kỹ xảo, rất mực kỹ xảo mới mạnh, bấy giờ sẽ dưỡng uy sức nhuệ, đợi thời hành động, mất ở phía Đông thì lấy lại ở phía Tây..."[\[16\]](#).

Chúng tôi trích dẫn tóm tắt *Di thảo số 1* và thiển nghĩ đây là một dị bản của điều trần *Hòa từ* được đệ đạt từ năm 1861 hoặc đầu năm

1862, nghĩa là trước khi ký kết hòa ước Nhâm Tuất (5.6.1862) rất bất lợi cho ta. Tư tưởng chiến hay hòa là tư tưởng của thời kỳ Âu Tây đem quân đi chiếm thuộc địa khắp thế giới. Lấy tư tưởng ngày nay mà phê bình thì không thích đáng. Lời nhận định nặng nề của Nguyễn Trường Tộ về tình hình nội bộ của ta, tỏ ra ông là người sáng suốt và cương trực. Thật đáng suy nghĩ!

Trong *Hòa từ* cũng như trong *Thiên hạ đại thế luận*, Nguyễn Trường Tộ viết khi Charner "đã chinh cư thành Gia Định và các phủ huyện thuộc hạt" với ý đồ "hỏi một là tại vì sao giết hại giáo sĩ, hai là hỏi vì sao không chịu giao thiệp, ba là xin ta cắt cho một vài chỗ để làm đường giao thương như các nước thường làm". Đó là khoảng đầu năm hay giữa năm 1861. Cuộc nghị hòa chưa thực hiện. Ngày 29.11.1861, Charner trao quyền cho Bonard; viên này đánh chiếm nốt các tỉnh miền đông Nam Kỳ và cả Vĩnh Long. Triều đình thấy nguy cơ lan rộng đành chấp nhận hòa đàm. Bonard đặt điều kiện hòa ước nặng nề hơn Charner. Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp nhờ ký hòa ước Nhâm Tuất (5.6.1862), mặc dầu có góp ý "không giao tỉnh thành" của linh mục Đặng Đức Tuấn. Vì có điều liên can đến lịch sử Giáo hội tại Việt Nam, chúng tôi xin tạm dịch lời mở đầu với 12 điều của hòa ước.

2

Nội dung hòa ước 1862

Ngày hôm nay, Hoàng đế nước Pháp là Napoléon III, Nữ hoàng nước Tây Ban Nha là Isabelle II và Quốc vương nước An Nam là Tự Đức nhiệt tình mong ước rằng hiệp ước hoàn hảo nhất từ nay chi phối giữa ba nước Pháp, Tây Ban Nha và An Nam, đều muốn cho tình hữu nghị và hòa bình giữa ba nước không bao giờ tan vỡ.

(Nhằm mục đích ấy có Đô đốc Louis-Adolphe Bonard đại diện Hoàng đế Pháp, Đại tá Don Carlos Palanca Gutierrez đại diện Nữ hoàng Tây Ban Nha, và Thượng thư Phan Thanh Giản, Thượng thư Lâm Duy Thiếp đại diện Quốc vương Tự Đức cùng đồng thuận về các Điều của hiệp định hòa bình và thân hữu này).

Điều 1: Kể từ nay sẽ có nền hòa bình vĩnh cửu giữa Hoàng đế nước Pháp, Nữ hoàng Tây Ban Nha một bên và Quốc vương An Nam

một bên; tình hữu nghị cũng sẽ trọn vẹn và vĩnh cửu giữa công dân ba nước, bất cứ họ ở đâu.

Điều 2: Công dân hai nước Pháp và Tây Ban Nha sẽ có thể thi hành việc thờ phượng đạo Kitô trong nước An Nam và công dân của nước này bất cứ ai muốn gia nhập và theo đạo Kitô sẽ được tự do không bị ngăn cản; nhưng không ai được ép uổng theo đạo những người không muốn theo.

Điều 3: Toàn thể ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường (Mỹ Tho) và Côn Đảo sẽ hoàn toàn theo hòa ước này thuộc chủ quyền trọn vẹn của Hoàng đế nước Pháp.

Ngoài ra thương nhân Pháp sẽ được tự do buôn bán và lưu thông bằng bất cứ tàu thuyền nào trên sông Mêkông và tất cả chi lưu của sông này; cũng sẽ như vậy đối với chiến hạm Pháp đi thanh tra trên sông này và tất cả những chi lưu.

Điều 4: Một khi hòa bình tái lập, nếu một nước ngoài muốn được trao cho một phần đất đai An Nam - hoặc bằng gậy hấn, hoặc bằng hiệp ước - thì Quốc vương An Nam sẽ thông báo trước cho sứ thần Pháp để đệ trình trường hợp xảy ra ngõ hầu Hoàng đế Pháp được hoàn toàn tự do trong việc có trợ giúp hay không Vương quốc An Nam. Nhưng nếu trong hiệp ước với ngoại quốc có vấn đề trao nhượng đất đai, thì việc trao nhượng ấy chỉ có thể hợp thức hóa bằng sự chấp thuận của Hoàng đế Pháp.

Điều 5: Công dân đế quốc Pháp và vương quốc Tây Ban Nha có thể được tự do thương mại trong ba hải cảng Đà Nẵng, Ba Lạt và Quảng Yên. Công dân An Nam cũng được tự do thương mại trong các hải cảng Pháp và Tây Ban Nha theo đúng luật pháp hiện hành.

Nếu một nước ngoài giao thương với An Nam, thì công dân nước ngoài ấy không được biệt đãi hơn công dân Pháp và Tây Ban Nha...

Điều 6: Khi hòa bình tái lập, nếu có vấn đề gì quan trọng phải thương thảo, thì ba nhà vua sẽ cử đại diện thương thuyết tại một trong ba thủ đô... Điều 7: Khi hòa bình tái lập thì sự hận thù hoàn toàn không còn.

Vì thế Hoàng đế Pháp sẽ chấp thuận một cuộc đại xá cho các công dân dù quân sự hay dân sự của vương quốc An Nam từng tham chiến và tài sản bị tịch thu của họ sẽ được giải tỏa. Quốc vương An Nam cũng sẽ tổng đại xá cho những công dân mình từng đầu hàng và theo Pháp, đại xá cho những người ấy và cả gia đình họ.

Điều 8: Quốc vương An Nam phải trả một chiến phí là bốn triệu đôla trong vòng mười năm.

Sẽ được trừ đi số tiền mười vạn quan đã đưa trước rồi. Vương quốc An Nam không có tiền đô-la, vậy mỗi đô-la tính là 72 phần 100 của lạng bạc. Điều 9: Nếu một kẻ gian phi, trộm cướp hay phản loạn An Nam vi phạm trộm cướp hay phá rối trật tự trong phần lãnh thổ thuộc Pháp, hay nếu công dân Âu châu nào phạm pháp trốn sang lãnh thổ An Nam, thì lập tức chính quyền Pháp thông tin cho chính quyền An Nam biết để cố bắt giữ kẻ phạm pháp và trao cho chính quyền Pháp.

Cũng xử xử như thế đối với kẻ gian phi trộm cướp hay tạo loạn người An Nam sau khi phạm tội chạy trốn sang địa hạt Pháp.

Điều 10: Cư dân ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên có thể tự do buôn bán trong ba tỉnh thuộc Pháp tuân theo luật lệ hiện hành; nhưng việc chuyên chở binh lính, khí giới, đạn dược hoặc lương thực giữa ba tỉnh đó với Nam Kỳ thì phải duy nhất đi qua đường biển.

Tuy nhiên, Hoàng đế Pháp chấp thuận việc chuyên chở như thế vào Cao Miên thì qua Mỹ Tho gọi là Cửa Tiên, với điều kiện là chính quyền An Nam phải báo trước cho Đại diện Hoàng đế để nhận lãnh giấy thông hành. Nếu không theo đúng thủ tục đó và việc chuyên vận thâm nhập không có giấy phép, thì phương tiện chuyên chở cùng đồ đạc chuyên chở sẽ bị bắt giữ và đồ đạc bị tiêu hủy.

Điều 11: Tỉnh thành Vĩnh Long vẫn bị chiếm giữ bởi quân đội Pháp tới khi có lệnh mới, song không ngăn cản hoạt động của quan chức An Nam. Tỉnh thành này sẽ được trả về Quốc vương An Nam ngay khi nhà vua làm cho ngưng hết sự phản loạn do chính lệnh của nhà vua hiện còn tồn tại trong hai tỉnh Gia Định, Định Tường, và khi các thủ lĩnh phản loạn ra đi tạo cho xứ sở yên ả và khuất phục đúng như một xứ sở thanh bình.

Điều 12: Mỗi vị Thượng quan toàn quyền của ba nước sẽ báo cáo lên Quốc trưởng mình và kể từ hôm nay ngày ký hiệp ước này trong thời hạn một năm, sau khi ba vị Quốc trưởng xem xét và phê chuẩn hiệp ước, thì nghi thức chuẩn nhận sẽ được tiến hành tại thủ đô vương quốc An Nam.

Các Đại diện Toàn quyền tương ứng kể trên đây cùng ký tên và đóng dấu vào hiệp ước này để làm tin.

Làm tại Sài Gòn, năm 1862 ngày 5 tháng 6.

Năm Tự Đức thứ 15, tháng 5, ngày 9.

Đã ký

Bonard, Carlos Palanca,

Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp^[17]

Mười hai điều khoản hiệp ước tai hại cho tiền đồ Việt Nam như vậy nên Tự Đức đau đớn than rằng: "Thương thay cho con đồ của lịch triều, nào có tội gì? Rất là đau lòng! Hai viên này không những là người có tội của bản triều mà là có tội với nghìn muôn đời vậy!".

Việc hòa đàm được thực hiện do chính vua Tự Đức và triều thần đồng ý trong hoàn cảnh: "Nguyên soái Phú Lãng Sa là Phô Na (Bonard) sai Xuy Mông chạy tàu máy vào cửa biển Thuận An... để đưa thư bàn về việc hòa. Phan Thanh Giản, Trần Tiến Thành đem việc tâu lên. Vua hỏi, đình thần và bọn Trương Đăng Quế đều lấy việc cho sứ đi lại là phải"^[18]. Tuy nhiên, kết quả điều đình là hiệp ước Nhâm Tuất tai hại quá đỗi. Tự Đức cùng đình thần cả phe chủ hòa lẫn phe chủ chiến đều tức tởm công sửa chữa...

Trong 12 điều của hiệp ước Nhâm Tuất (5.6.1862) chỉ có điều 2 quy định vấn đề tôn giáo: "Công dân hai nước Pháp và Tây Ban Nha sẽ có thể thi hành việc tôn thờ đạo Kitô trong nước An Nam và công dân của nước này bất cứ ai muốn gia nhập và theo đạo Kitô sẽ được tự do không bị ngăn cản; nhưng không ai được ép uống theo đạo những người không muốn theo"^[19].

3

Nguyễn Trường Tộ bàn về tự do tôn giáo

Trước khi có hiệp ước, Tự Đức ra chỉ dụ bắt giết tất cả giáo sĩ Công giáo và bắt "phân sáp" toàn thể giáo dân chia ra các làng lương dân để kiểm soát và khống chế. Khi có hiệp ước, tất nhiên các giáo sĩ ngoại quốc và giáo dân vui mừng. Tuy thế vẫn còn những giáo sĩ bản quốc và tín hữu sĩ phu, tiêu biểu hơn cả là linh mục Đặng Đức Tuấn và nhân sĩ Nguyễn Trường Tộ cho rằng đế quốc Tây phương chỉ lấy có cấm đạo để xâm chiếm nước ta, mặc dầu việc cấm đạo là có thật. Cho nên linh mục Đặng Đức Tuấn đề nghị với Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp "Đòi bồi thì chịu, đừng giao tỉnh thành" khi ký hiệp ước Nhâm Tuất^[20]. Còn Nguyễn Trường Tộ đệ đạt lên triều đình Tự Đức

bản điều trần *Bản về tự do tôn giáo* (Giáo môn luận) ngày 29.3.1863 với nội dung chủ yếu như sau:

"Trộm nghĩ rằng cái đức lớn của trời đất là sự sống. Sống là gì? Là làm cho muôn vật đều được bảo toàn thiên tính của nó. Vì vậy mà trên trời có sao sáng mây đẹp thì cũng có gió lớn mưa to; dưới đất có lúa tươi thóc tốt thì cũng có cỏ xấu sâu độc. Tuy tốt xấu khác nhau nhưng đều được sinh nở không cái nào bị hại. Như vậy mới sáng tỏ cái đại toàn của trời đất. Chứ cái gì đẹp thì tô bồi, cái gì xấu thì dẹp bỏ, cái gì hay thì che chở, cái gì dở thì hủy hoại thì không làm sao thấy được cái vĩ đại, cái kỳ diệu của tạo vật..."

Vua đối với dân, xem bề ngoài tuy có tôn ty khác nhau, nhưng bề trong cũng cùng một lẽ sinh thành của tạo vật mà thôi. Tạo vật đối với muôn loài, các việc ăn nghỉ ham muốn đều được theo xu hướng của nó, không cưỡng ép phải làm khác đi cái điều nó yêu thích hay hòa đồng với cái điều nó không ưa. Vì vậy cho nên tuy sống chung lộn với nhau mà vẫn thành đại quan của vũ trụ, không có gì khác. Nếu như muôn loài phản lại cái đức hiếu sinh không chịu theo thiên tính tự nhiên mà đi tàn hại lẫn nhau, lấy lớn ngược đãi nhỏ, hạp nhỏ chống lại lớn thì chẳng bao lâu sẽ bị tiêu diệt. Đó chẳng phải là điều tối kỵ của tạo vật hay sao?

Vua đối với dân, là người thay trời mà chặn dắt, theo ý trời mà hành động. Dân sinh ở trên đời, tuy tiếng nói khác nhau, sự yêu chuộng khác nhau, kẻ xứ lạnh người xứ nóng khác nhau, đến hay đi, nghịch hay thuận, miễn sao biết trung hiếu là được cần gì phải câu nệ hình tích bên ngoài mà không xét đến cái gốc ở trong tâm, cưỡng ép phải giống nhau để gây ra rối loạn? Vì thế các bậc thánh vương sửa đổi luật pháp mà không thay đổi tập tục, sắp đặt việc chính trị mà không thay đổi cái gì vốn đã thích nghi cuộc sống...

Xét ra đạo Công giáo vào nước ta từ thời Lê. Trước tiên các giáo sĩ Bồ Đào Nha đến giảng đạo ở tỉnh Hưng Yên, tiếp đến có các giáo sĩ người Pháp, người Y Pha Nho, được nhiều người tin theo. Lúc bấy giờ giáo dân và những người trong ba đạo (Phật, Lão, Khổng) tuy tín ngưỡng khác nhau nhưng vẫn ân ái tiếp đón nhau, lễ nghĩa đối đãi nhau, năng lui tới với nhau không có gì hiềm nghi, đều là con dân của nước nhà mà thôi. Từ khi ban hành lệnh nghiêm cấm thì mới sinh ra ghen ghét kỳ thị nhau, do ghen ghét kỳ thị nhau mới sinh ra tội lệ. Từ đấy giáo dân bị phiền nhiễu đến nỗi phải lưu ly thất sở mà mắc vào vòng hình phạt. Nước vốn trong, có quấy lên mới bị đục, nếu ngừng thì chốc lát sẽ trong trở lại.

Giáo dân cũng là người trong nước, đều là người cả, cũng là dân của trời, sự ăn ở có liên quan nhau, vui buồn liên quan nhau. Lẽ nào bên này động mà bên kia lại yên được sao? Một nước ví như một thân thể. Một chỗ bị đau thì toàn thân cũng không yên. Một cục thịt thừa, một ngón tay đeo thật hết sức vô dụng thế mà cắt bỏ đi thì đau, huống chi là tay chân hữu dụng! Trời đất đối với các hành tinh, một nước đối với dân chúng, sự liên quan lệ thuộc duy trì cũng một lẽ như nhau. Nếu trên trời có một hành tinh bị động, các hành tinh khác cũng nhân đó mà có chút biến đổi, huống chi dân là gốc của một nước, dân bị tao động lẽ nào nước không sinh họa loạn? Không thấy Thượng đế là chúa tể cai trị các nước cũng như vua là chúa tể trị vì một nước đó sao? Các nước khác nhau rất xa về ngôn ngữ, phong tục và sự ưa chuộng, nhưng Thượng đế cũng lấy một lẽ mà đối chung cả vạn vật khiến tất cả đều thuận theo trật tự, đều thỏa ý nguyện, không bắt tất cả phải giống hệt nhau. Có thể mới sáng tỏ cái tài năng lớn, cái uy quyền trọng và cái độ lượng rộng rãi. Trong một nước, tuy nhân dân có phân chia nhà cửa khác nhau, nhưng vua cũng chỉ lấy một quyền mà thống trị dân chúng, lấy một trí mà liên kết muôn dân, khiến dân tình đều được yên ổn, hành động tuy khác nhau nhưng đều lương thiện, chí hướng khác nhau nhưng đều đáng quý cả. Như thế thì chẳng những không tổn hại về mặt chính trị mà còn cho thấy cái tài khéo trong việc trị nước nữa...

Từ xưa đến nay trên mặt đất lớn lao này có nhiều đạo khác nhau đã được thành lập ở nhiều nơi. Đạo Công giáo khởi từ Tiểu Tây, Hồi giáo khởi từ Thiên Phương (Ả Rập), Phật giáo khởi từ Thiên Trúc (Ấn Độ), Tây Tạng có Lạt Ma tọa sàng, Trung Quốc có Nho, Mặc, Trang, Lão. Phàm nơi nào có dấu chân người đặt đến thì các tôn giáo cũng theo người mà truyền vào. Hễ nước nào có thanh danh văn vật, xứ nào có giao thông trù mật thì người theo đạo đông đúc. Nước càng thịnh vượng thì tôn giáo càng nhiều. Nước đã man thì tôn giáo ít. Lấy tôn giáo nhiều hay ít mà xem nước ấy có hưng thịnh hay không thì thấy tôn giáo nhiều, nước càng hưng thịnh...

Từ xưa đạo Công giáo đã phát hưng ở miền Tây phương Đông, miền Nam phương Bắc, miền Đông phương Tây, nhất thống toàn thịnh như Đại Tàn (tức La Mã), tung hoành cát cứ như nước Mông Cổ và những nước rộng đến năm, sáu nghìn dặm la liệt như sao trên trời, bày bố khắp như quân cờ, vua tướng ở các nước ấy quyền quý, thông minh, hùng hổ đều nổi dậy mưu hại giáo đồ. Hơn 300 năm nay, số giáo dân bị giết hại, thống kê số người có tên họ bị chôn ở nhà đá có

đến trên mười triệu người; còn những người vô danh khác bị vùi lấp như kiểu giáo dân ở Biên Hòa (của ta) thời không kể xiết. Lúc bấy giờ như ở hai nước Pháp, Ý Pha Nho, số giáo dân bị độc hại cũng hàng hà sa số. Nhưng giết một người thì có nghìn người theo, giết mười người thì có vạn người theo thêm. Vua tướng các nước đã không tiêu diệt nổi đạo, mà trái lại được đạo cảm hóa. Vì sao vậy? Vì phạm vật gì có sức lớn mà lại có gốc nguồn thì càng bị quấy rối di động càng xuất hiện mãi mãi không cùng. Như nước và lửa, có ai có thể múc hết nước, dập tắt hết lửa?

Đạo Công giáo đã thịnh hành từ Đại Tây, Tiểu Tây rồi dần dần chuyển qua Đông nam. Và đã 300 năm nay cũng bị các nước ở đây ngăn trở sát hại như ở phương Tây trước kia. Thế mà người theo đạo ngày càng đông. Theo thống kê ở Trung Quốc thời Minh đạo đã có hơn 60 vạn. Còn như người nước ta, Nhật Bản, Cao Ly, Miến Điện, Thiên Trúc, Ba Tư, Tây Tạng, Hung Nô, Lữ Tống và các đảo ở ngoài bể thì không kể trong số này. Càng cấm mà người theo càng đông là vì sao vậy? Vì rằng tạo vật quý trọng sự sống vô cùng, thường hay phù trợ những người bị mưu hại.

Giáo dân cũng do tạo vật sinh dưỡng và đạo giáo cũng do tạo vật bảo dưỡng, hưởng chi giáo dân cũng chỉ là một thành phần của nhân dân trong nước? Trong số đó nếu có kẻ bội nghịch chẳng qua cũng chỉ một phần nghìn phần trăm mà thôi, tại sao không minh xét, mà cứ đổ riết cho tất cả là nghịch? Do đó mới coi những người theo đạo vô luận lớn bé trẻ già, trung nịnh trí ngu điều đáng xua đuổi sát hại như chim non chuột thối.

Nói tóm lại, bất kỳ trong đạo giáo nào, hễ ai phản nghịch loạn thường đều là người đắc tội trong tôn giáo, cứ áp dụng hình pháp không tha để cho đạo giáo được trong sạch. Còn ai yên phận tuân theo pháp luật thì để cho họ tự nhiên có hại gì đâu? Đồng hành mà không nghịch nhau là được, cần gì bắt phải nhất tề những cái mà tạo vật không thể nhất tề, cũng không cần thiết phải nhất tề, để làm tổn thương hòa khí? Kính mong đại nhân ra sức hồi thiên đem lòng hiếu sinh bắc cầu cho kiến qua để được cùng với trời đất góp phần ích dụng. Nói một tiếng khiến giáo dân được mang ơn một phần"^[21].

Bài viết về *Tự do tôn giáo* của Nguyễn Trường Tộ cách nay 150 năm, mà chúng ta thấy như theo đúng giáo lý của Công đồng Vatican II, đồng thời thấm nhuần tinh thần hội nhập văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Nguyễn Trường Tộ nhiệt thành "trung quân ái quốc", nhưng với tư cách một thần dân trưởng thành, ông đã trình bày và yêu cầu

thực thi Tự do tôn giáo để tăng cường đoàn kết quốc gia ngõ hầu chống ngoại xâm và canh tân đất nước.

Ảnh hưởng của bản điều trần *Tự do tôn giáo* không trực tiếp ngay, nhưng Tự Đức cũng thừa nhận "giáo dân đều là con đở của triều đại", và từ đây nhà vua cùng toàn thể triều đình chỉ còn nỗ lực lo toan vấn đề "giảm thiểu bồi thường chiến phí và chuộc lại ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường đã mất".

4

Nguyễn Trường Tộ trần tình thành khẩn

Sau khi ký hòa ước Nhâm Tuất tháng 5 năm trước, thì "tháng 2 (năm sau) sứ thần của hai nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho là bọn Phô Na (Bonard), Bờ Lãng Ca (Palanca)"^[22] đến kinh đô Huế, điều đình việc chiếm cứ ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, việc trả lại Vĩnh Long và việc bồi thường chiến phí (!). "Vua hỏi Thanh Giản thư của họ dịch ra chữ Hán thế nào? Thừa rằng:... hai nước ấy đều chỉ có một bản chữ Tây dương thôi, nay muốn dịch ra, thì họ cũng có dư một bản, kính chép ở sau giấy này đều có đóng ấn kiểm giáp lại của hai tướng... Vua nói... nếu một chiều nghe họ cả, chẳng hóa ra bán nước ư? Vua bảo Trương Đăng Quế rằng: nên đưa ra đình thần họp bàn cho chu đáo, đừng chuyên nghe Thanh Giản, Duy Thiếp mà đến lỡ việc"^[23].

Trong thời gian triều đình ký kết và thi hành hiệp ước Nhâm Tuất, Nguyễn Trường Tộ có những nhận định tình thế đáng chú ý nhân dịp đệ đạt *Bài trần tình* (tháng 5.1863) mà chúng tôi xin trích dẫn rộng rãi như sau:

"Tôi thuở bé không được dạy bảo, lớn lên lưu lạc nhiều nơi, nhưng những hoài bão và việc làm của tôi có chỗ khác hơn người.

Từ bé tôi đã thận trọng trong việc giao du, thích yên tĩnh, đối với tất cả những sự cầu danh, lấn lướt, giành công, tham lợi tôi đều coi như mây bay nước chảy. Vả lại, tôi không ham thích kinh doanh, không thích chuyện vợ con, đoạn tuyệt với hai cạm bẫy tài sắc...

Đến lúc đạo sắp bị diệt, tôi qua sông vượt biển để giữ lấy cái chân lý. Tuy nhiên đến các nước ngoài, trước mặt những người quyền quý,

lời nói việc làm của tôi đều giữ thể diện cho nước mình. Nếu ai làm nhục đến các bậc công khanh nước ta, tôi đều biện bác ngay không chút sợ sệt... tôi biện bác ngang nhiên, tỏ rõ tài năng của mình tán dương rất mực những điều sở trường của nước mình và che đở những điều sở đoản...

Kịp đến lúc người Pháp gây hấn với ta, tôi đã cực lực chối từ lời mời của họ. Nhưng sau nghĩ rằng tình thế nước ta hiện nay tạm hòa là thượng sách.

Vì chưa đủ sức chống chọi được với họ, cho nên, phải uốn nắn mà theo họ. Như thế may ra góp được một phần nhỏ đối với việc bàn hòa. Nỗi khổ tâm của tôi phải uyển chuyển để được chu toàn thật không bút mực nào tả được. Như thế thì tuy sống cảnh giang hồ mà lòng vẫn lo tưởng đến nơi lăng miếu Triều đình...

Sau đó rồi đại đồn Chí Hòa thất thủ, người Pháp giao cho tôi giữ việc giấy tờ. Tôi thật như mũi tên nằm trên lòng cung. Thế nhưng lời lẽ trong các giấy tờ, một bên tôi gọi là "quan binh", một bên tôi gọi là "triều binh". Hễ có những lời thô bỉ nhục mạ, tôi đều sửa lại cho được trang nhã nghiêm chỉnh, không khi nào dựa thế mà quên đại nghĩa. Người xưa ở trong hàng trận mà không thất lễ vua tôi. Chỉ chừng đó cũng đã được bề trên yêu quý. Còn tôi đang ở trong lòng địch, không quyền không thế, chúng tác uy tác phúc trên đầu mà giữ được lễ nghĩa như thế lẽ nào lại không hơn những người xưa đó hay sao? Hơn nữa tôi còn làm trung gian điều hòa hai bên, để giảm bớt sự hà khắc gay gắt của kẻ địch, để cứu giúp nhân dân khỏi vòng nước lửa. Đối với những người chịu sự giúp đỡ kín đáo đó, tôi cũng không lấy đó làm điều ơn đức. Mỗi khi thấy các quan của Triều đình bị nhục, tôi coi họ như cha mẹ mình mà âm thầm tỏ lòng cung kính, an ủi, tìm cách sắp xếp cách cư xử, để tránh sự ngược đãi của kẻ địch. Nhưng tôi cũng phải khéo léo không để lộ dấu tích, sợ kẻ địch sinh nghi. Việc này xin hỏi quan lãnh binh thì biết rõ. Nếu như người khác ở địa vị ấy sẽ hoạnh hợ cầu lập công, thêm dầu thêm lửa, xui địch giết hại, để thỏa mãn thù hằn. Còn tôi, tôi vẫn nghĩ tới luân thường đạo lý, không dám ôm lòng phẫn nộ, để tổn thương danh phận...

Sau đó khâm sai Nguyễn Bá Nghi đại nhân đến bàn việc hòa hiếu. Tôi vui sướng không biết bao nhiêu mà kể. Thường khi gặp phái viên ở trên tàu, tôi giả vờ chỉ trời chỉ đất như nói những chuyện không đâu, mà thực ra ở trong có vô số những mật thuyết cơ mưu, mong phái viên nghe được mà đem về chuyển đạt. Tức như đảng giặc Quảng Yên lúc ấy tuy chưa phát lộ...

Còn như các hòa ước của hai bên trao đổi hàng chục lần thì trong chữ Pháp có chỗ nào nhục mạ không khiêm tốn, tôi đều bỏ hết không dám viết ra. Còn những công văn có lý thẳng lời hay có ích cho việc nước tôi đều dịch rất rõ ràng đầy đủ. Lúc ấy hòa ước tuy chưa thành nhưng tướng Charner cũng đã dần dần có thái độ hòa dịu, đã chịu bớt cho số bạc bồi thường và giảm số đất phải nhượng. Chẳng may, có một bận tôi có việc phải đi xa, quan Pháp vớ được một đạo công văn giao cho viên giám đốc người Pháp nhờ một người Hoa phiên dịch, trong có mấy khoản nói về việc treo giải thưởng cho những người chém được quân và quan Pháp. Tướng Pháp thấy thế, liền cho là Triều đình giả hòa. Tôi tuy đã nhiều lần giải thích, nhưng trong giấy lại có ghi ngày tháng làm căn cứ nên không thể làm sao được, trong lòng lấy làm lo ngại. Do đấy tướng Charner chán nản thất vọng thu xếp về nước...

Tôi nghĩ rằng thời kỳ khôi phục nước nhà đã có xác chứng ở bốn bể, dự tính được ở tương lai. Đi theo con đường nào mới được? Con đường phải theo không thể tìm ở trong nước mà phải tìm ở trong thiên hạ. Như trong tờ bàn về việc nên hòa năm xưa, tôi đã mật trình với Nguyễn đại nhân rằng: một là mình phải khéo léo ngăn chặn đừng để họ tìm có sinh sự làm lan rộng ra; hai là hãy thông thả sắp đặt đợi lúc họ sơ hở; ba là để dân thư thái củng cố sức lực. Như đoạn cuối trong bài có nói: Dân đã yên rồi thì sau sẽ đưa những người tài hiền đi ra bốn bể để học tập các nước lớn những phương pháp tấn công, phòng thủ, phân tán, tập hợp. Ở chung với họ lâu ngày thì mới đo lường các đức tính, các lực lượng mà biết tình trạng của họ. Học được tinh thông rồi mới có kỹ xảo. Kỹ xảo giỏi thì mới mạnh, dưỡng uy sức nhuệ đợi thời mà hành động. Như thế thì tuy mất miền Đông mà lấy được miền Tây cũng chưa lấy gì làm muộn...

Xem mấy việc trên đủ biết dụng tâm sâu kín của tôi như thế nào. Nay ở Gia Định, những người ở trong tình cảnh đáng lo sợ, trừ các thuộc quan nhỏ của Triều đình ra, chỉ có mình tôi mà thôi. Vì lúc trước tôi có đi với người Pháp, bắt buộc dĩ phải làm cái việc thân ở Hán tâm ở Hàn. Về tình tuy không thẹn, nhưng ai thấu rõ nguồn cơn? Xưa nay những người sa chân lỡ bước lưu lạc tha hương cũng nhiều. Tuy sống ở đất khách nhưng người nào chả có gốc, ai lại vong tình cố quốc được. Về sau cũng có người nhân đây lập công, cũng có người suốt đời sống lưu lạc, nhưng cả hai đều không tránh được công luận để án lại nghìn thu... Bởi thế những kẻ sĩ khi gặp cảnh trái ngang, thường thường thân bại danh liệt, lưu lạc không về, luống đem chí khí uất ức

lâm ly mà vùi chôn nơi cát vàng cỏ úa mà thôi. Đấy chính là sự thể của tôi ngày nay. Cảnh ngộ tuy có khác nhưng bản lĩnh của tôi không vì hoàn cảnh mà đổi dời. Nương thân nơi cửa người nhưng thể quyết không bày mưu cho họ...

Từ lúc tôi lớn lên, bước chân ra xứ khác, chẳng được Triều đình biết đến, thế mà không sợ phạm tội, quên mình là kẻ hèn mọn dám nói đến việc cao xa, chẳng trách hiềm nghi dám trình bày lợi hại. Như thế thật là ngạo mạn.

Ở Triều đình tôi không có địa vị, yến tiệc tôi không dự. Những việc trọng đại tôi không có liên quan gì, thế mà không biết giữ mình sống bấp bênh theo chúng là hơn. Huống chi ở trong vòng của quân địch mà lại ôm chí khác. May ra dẫu thành công cũng không tránh khỏi sự chê bai. Như trường hợp

vợ cũ của Mãi Thần quay đầu trở về xin chịu tội. Cho dù lượng bể bao dung cũng chưa chắc không khỏi có điều lo ngại về sau. Lỡ ra lòng người khó chắc, sa cơ bại lộ thì thân chịu một mình, nào ai biết đến. Thế thì tội gì mà làm như vậy?

Xưa nay những kẻ trung thần nghĩa sĩ, ai chẳng muốn đem tài ra giúp nước. Nhưng một mai việc không thành bị dèm chê thì thân danh bại hoại sự nghiệp tiêu tan. Huống gì tôi ở vào hoàn cảnh khó biện bạch, dễ bị nghi kỵ, mà lại làm việc vượt ngoài phạm vi của mình, không biết giấu tên che dạng để cầu toàn thân lại còn đem thân hèn mọn hiến dâng ý kiến. Một giọt nước bỏ ích gì cho núi sông? Sao mà ngu vậy!

Vì tôi là kẻ tự biết rõ mình, thấy mình một cách chính xác, bao nhiêu những việc thế tình nham hiểm, hoạn hải ba đào không việc gì không biết, nên mới cam tâm chịu ba tội ấy. Chuốc lấy mối lo không phải thuộc phận sự của mình, ôm lấy những việc khó làm, chí đó mới có thể giữ được. Người xưa xét người không xét ở thành bại mà xét ở chỗ có hay không có tấm lòng. Có lòng mà gặp thời đắc dụng là điều may. Có lòng mà gặp phải trắc trở luân lạc, là điều không may. Có lòng mà gặp thời không tốt, đến phải cô quạnh không chốn nương thân lại còn mắc tội, là điều rất không may. Nhưng nếu lấy điều khoan dung nhân hậu mà xét, thì nhìn vào làm lỗi của một người có thể biết được lòng nhân hậu của người đó. Huống chi tôi nay như con cá voi ở giữa bể, trong gia đình không hệ lụy vợ con, ngoài xã hội không lo bị kềm chế, thế mà biết nhớ về cố đô, căm giận quân thù. Cho dầu một ngày kia may mà thành sự, tôi vẫn biết khó tránh khỏi lời dị nghị mà yên thân được. Hơn nữa tôi cũng biết rõ rằng tội trước khó chuộc và kẻ có

tài thì dễ rước lấy tai ương. Tôi vốn là người hiểu sâu đạo giáo. Việc đời được mất vinh nhục tôi đều xem như ngoại vật, chỉ cần bảo toàn lấy cái điều rất quý ở nơi mình là đủ rồi...

Xưa, Đông Phương Sóc dâng thư tỵ tiến cử mình, toàn khoe khoang những tài năng bản lĩnh của mình không hề giấu diếm tí nào. Tôi tuy khô hài hoạt kê không bằng Phương Sóc nhưng thâm hiểu nhân tình thế thái, biết rõ điều lợi hại, những đạo lý cao xa, những điều bí ẩn tinh vi, so với Phương Sóc còn có phần hơn, cho nên không sợ ghen ghét nghi ngờ cứ nói ra hết thảy, để thấy rằng kẻ sĩ trong thiên hạ không bị ràng buộc thì cách cư xử của họ thường vượt ra ngoài khuôn sáo. Thế thì không nên lấy cái luận đoán thường tình mà câu thúc họ, để rồi khiến cho họ cũng sẽ chết già trên mặt biển, cũng buồn thảm như những người xưa mà thôi.

Cúi xin đại nhân lấy quan niệm cao cả rộng lượng mà vượt ra ngoài những xét đoán hẹp hòi, thương kẻ vong thân bất hạnh này, bỏ qua những hình tích bề ngoài mà xét thấu tâm lòng thành của tôi. Nếu như đại nhân vui lòng nhận những lời lẽ vụn vặt này, tôi kính xin dâng mấy bài Thiên hạ phân hợp đại thế luận, Tế cấp luận, Giáo môn luận,... để cho ngậm nước nơi vũng chân trâu nhờ sông ngòi có thể chảy thấu ra biển cả. Được thế thì nước đó qua trăm dặm may ra có thể giúp ích được ít nhiều. Như thế, tôi dầu chết vùi nơi chốn mường mọi cũng tỏ được tấm lòng không quên nguồn gốc.

Muôn nhờ ơn. Kính bái". ^[24]

Bài trần tình được đệ đạt lên thượng thư Trần Tiến Thành ngày 26 tháng 3 năm Tự Đức 16 tức ngày 13.5.1863, nghĩa là sau hiệp ước Nhâm Tuất (5.6.1862) và sau cả cuộc họp giữa Bonard-Palanca với triều đình Huế (tháng 2 năm Tự Đức 17). Bài trần tình có tính cách tâm sự và một số ý kiến thời sự, nhưng không có ảnh hưởng gì tới việc ký kết và thi hành hiệp ước Nhâm Tuất. Văn bản này cũng cho biết những thông tin quan trọng, thí dụ tin "khi đầu Charner đòi một số điều kiện tương đối nhẹ, nhưng sau Bonard đòi những điều kiện nặng hơn nhiều".

Sứ đoàn Phan Thanh Giản đi Pháp mưu cầu chuộc lại ba tỉnh

Khoảng tháng 5 hay tháng 6.1863, Tụ Đức "sai Hiệp biện Đại học sĩ Phan Thanh Giản, Lại bộ tả tham tri Phạm Phú Thứ, Án sát Quảng Nam Nguyễn Khắc Đản đi sang sứ Tây Dương"^[25] tức đi Pháp, nhằm mục đích "phải nhất thiết đòi Pháp trao trả lại phần đất chiếm đóng cho bằng được. Trường hợp họ từ chối thì phải kéo dài thời gian lưu trú tại Paris, để đợi cơ hội thích hợp nhất, khởi đầu cuộc thương lượng mới. Cố gắng tạo dư luận thuận lợi cho chúng ta tại Pháp, cũng phải nỗ lực làm cho các nhân vật trong chính phủ Pháp mềm lòng đối với số phận của vương quốc chúng ta"^[26].

Trước khi sứ bộ Phan Thanh Giản lên đường đi Pháp, "vua Tụ Đức chảy nước mắt đoái bảo các quan rằng: đất đai ấy, nhân dân ấy, là công lao của triều trước hợp tập mở mang để lại, nay nên đồng tâm giúp việc đừng để thẹn cho ta, đừng để lo cho ta. Lại dụ các sứ thần rằng: quốc thư nên đệ tới Quốc trưởng, chớ để cho người đương sự lấp liếm đi"^[27].

Sứ đoàn Phan Thanh Giản tới Pháp ngày 13.9.1863 và được vua Napoléon III tiếp kiến trọng thể tại điện Tuileries - Paris ngày 5.11.1863 để nhận quốc thư. "Trong thư Tụ Đức yêu cầu xét lại một số điều khoản của hòa ước (Nhâm Tuất), đối với ông quá nặng nề và khó lòng kham nổi, đặc biệt là điều khoản liên quan tới việc nhường đất... Nhà vua đề nghị, để đổi việc chuộc lại ba tỉnh, phía Việt Nam sẽ nhường thành Sài Gòn, một địa điểm nào đó do người Pháp chọn lựa trong tỉnh Định Tường, bên ngoài thành Mỹ Tho, cảng Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Biên Hòa và đảo Côn Lôn. Về phần chiến phí, nhà vua yêu cầu hoặc giảm bớt tổng số tiền, hoặc nói rộng thời hạn bồi hoàn. Như vậy không có việc mua lại (rachat) ba tỉnh, mà chỉ xin chuộc lại (restitution)"^[28].

Vua Napoléon III chấp thuận việc soạn thảo một hiệp ước mới và trao nhiệm vụ cho Classeloup-Laubat (Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa) cùng

Drouyn de Lhuys (Bộ trưởng Ngoại giao) làm đề án: hai vị Bộ trưởng lại yêu cầu Aubaret chấp bút.

Gabriel Aubaret sinh năm 1825 tại Montpellier Pháp, vào hải quân năm 1841, là người có năng khiếu ngôn ngữ, biết tiếng Ả Rập, Hoa và Việt; đã tham dự trong quá trình soạn thảo hiệp ước Nhâm Tuất (5.6.1862). Ngày 28.12.1862, Aubaret tâm sự:

"Chúng ta cai trị bằng khủng bố, và tất cả chúng ta đều trở nên xấu xa trong mắt người Annam. Chúng ta tuyệt đối chỉ sống bằng sợi dây treo cổ và súng đạn. Dưới con mắt người Pháp, tôi cảm thấy ở đây tôi trở thành một thuộc hạ xấu xa, sự tàn bạo xảy ra hằng ngày làm tôi phát điên: theo tôi vào thời đại chúng ta đang sống, thời gian cứ thế trôi đi giữa những cuộc đánh chiến bất công, và ở đó, chúng ta trở thành kẻ đàn áp những dân tộc hòa hiếu, mà chẳng đem lại cho họ chút ơn huệ nào. Nhân danh việc giáo hóa, chúng ta lại mang đến cho họ thuốc phiện và cờ bạc. Ý tưởng đạo đức nhỏ nhoi nhất không bao giờ được đưa vào bất cứ lời khuyên nào, mục đích của chúng ta là tiền bạc, và lúc ấy, giống như đảng cướp, chúng ta cứ thế lấn chiếm một đất nước mà chúng ta không biết cách cai trị.

Phải thú thật rằng tính nết tôi hoàn toàn trái ngược với tất cả những cái đó: tôi sung sướng với vai trò viết lách, chứ không phải một nhà cai trị, dù sao đi nữa, ở cương vị này, tôi không phải phán xét và kết tội những con người khốn khổ đã tử đạo vì lòng yêu thương đất nước mình. Chúng ta đã lạm dụng sức mạnh một cách bất công nhất. Chúng ta sẽ không phải chịu một hình phạt khủng khiếp nào đó hay sao? Anh không thể hình dung ra được nỗi đau đớn khủng khiếp, sự buồn nản mà chúng ta đã gây ra trên một vùng đất heo hút, xa lạ với chúng ta, vì nó được gọi là Nam Kỳ. Chắc chắn Thiên Chúa sẽ cân nhắc giữa những lương dân bất hạnh, có nếp sống hiền hòa, biết tuân phục tập quán cố hữu, và những kẻ tự xưng là Kitô hữu, nhưng còn không biết cách dựng một nhà nguyện khiêm tốn nhất"^[29].

6

Aubaret đề nghị hiệp ước mới cho chuộc lại ba tỉnh

Với sự chuyên nghiệp và não trạng như thế, Aubaret phải phác thảo cho xong bản hiệp ước mới vừa có lợi cho Pháp vừa có thể cho Tự Đức chấp nhận. Sứ bộ Phan Thanh Giản từ chối tham gia ý kiến, viện dẫn lý do không có thẩm quyền. Sứ bộ rời nước Pháp ngày 10.11.1863. Hiệp ước mới coi như chính phủ Pháp đã thông qua. Còn

"Aubaret xuống tàu ở cảng Marseille ngày 29.1.1864 đi Bangkok, để nhận nhiệm sở Lãnh sự Pháp tại thành phố này... Dự kiến tới kinh đô Việt Nam vào tháng 4, nhưng bệnh đau mắt nặng đã giữ chân ông ở Singapore thêm một tháng... Mãi đến ngày 24.5.1864, Aubaret mới tới Sài Gòn, và phái đoàn đi Huế ngày 14.6.1864... Thực ra Aubaret ở Huế từ ngày 15.6.1864 tới ngày 20.7.1864. Cuộc thương thảo chính thức bắt đầu từ ngày 23.6.1864 và chấm dứt bằng việc ký kết ngày 15.7.1864 hai hiệp ước Chính trị và Thương mại"^[30].

Bản dự thảo Hòa ước mới do một mình Aubaret soạn, tuy có tham khảo ý kiến của sứ đoàn Phan Thanh Giản, nhưng đều bị khước từ vì lý do chưa có chỉ thị của Tự Đức. Aubaret cứ cho là bản dự thảo đã có sự đồng ý của sứ đoàn Phan Thanh Giản (!), nên đề nghị chỉ thương thuyết trên dự thảo này. "Thực vậy chúng ta biết là Phan Thanh Giản cùng với hai phó sứ và bồi sứ, Phạm Phú Thứ và Nguyễn Khắc Đản, đi sứ ở Pháp về, mang theo một bản dự thảo Hòa ước, thay thế cho Hòa ước 5.6.1862. Theo dự thảo Hòa ước mới: Pháp trả lại cho Việt Nam ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và chỉ giữ lại một vài địa điểm làm nơi buôn bán. Ngược lại triều đình Huế phải trả cho Pháp một khoản tiền bồi thường rất lớn hằng năm. Phái bộ Phan Thanh Giản phải lưu lại Sài Gòn từ 11 đến 17 tháng 2 năm Tự Đức 17, tức từ 18 đến 24 tháng 3 năm 1864, trong lúc chờ tàu trở về Huế"^[31].

Sử *Thực lục* ghi rõ lập trường và hoạt động ứng phó với hiệp ước mới như sau: Tháng 5 năm Giáp Tý, "Viên toàn quyền sứ thần nước Phú Lãng Sa

là Hà Ba Lý (Aubaret) đến kinh định lại hòa ước. Sai Phan Thanh Giản sung chức Toàn quyền chánh sứ, Trần Tiễn Thành và Phan Huy Vịnh sung làm Phó sứ để hội bàn. Trước đây (1863), sứ thần là bọn Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản sang Tây (nói việc chuộc lại ba tỉnh) trở về đem hai bức thư của hai nước Phú Y nói về việc tục ước và việc buôn bán, tiến trình... Một khoản nói ta muốn chuộc lại ba tỉnh, họ cũng thuận nường, nhưng phải cắt bỏ 8 xứ (192 xã thôn) giao về nước ấy... Một khoản: đưa giả số bạc chuộc trong hạn ba năm, mỗi năm 50 vạn đồng... Một khoản... đặt quan lãnh sự... Một khoản: đạo trưởng, đạo dân tùy nơi lập nhà thờ...

"*Vua (Tự Đức) đem tờ ước thư và các bản đình nghị, sai trung sứ đến hỏi Trương Đăng Quế (khi ấy đã về nghỉ việc). Đăng Quế tâu nói: Trong tờ hòa ước, chỗ quan trọng nhất duy khoản thứ 2 về việc cắt bỏ giới hạ ba tỉnh, cho họ đóng ở các xứ ấy, và khoản thứ 19 số bạc bồi thường chia làm hạn năm, hai khoản ấy mà thôi... Xin khi Toàn quyền*

họp bàn, nên y như ta đã định, cố giữ bền lòng, chớ bị họ làm lay động, cứ lấy lễ là dân nghèo của ít làm có nói, hoặc không thấy họ cự lại, may ra việc ta được xong...

Bọn Toàn quyền sứ là Phan Thanh Giản tâu nói: nhiều lần cùng Hà Bá Lý bàn về hai khoản cắt đất và bồi bạc, viên ấy đã có châm chước... Còn các khoản khác, gián hoặc cũng có sửa đổi lại 1, 2 điểm mà thôi, vâng mệnh đi làm việc không có công trạng gì, thực biết phụ lòng ủy thác. Nay đình thần có kế gì diệu hơn, có thể khiến cho viên ấy, phải nghe lời. Xin chỉ bảo cho biết hoặc nhờ ơn kén lấy 1, 2 người giỏi giang gánh vác công việc ấy, ngõ hầu người mới địa vị cao, khiến cho kẻ kia kính phục mà nghe lời.

Vua lại giao xuống cho đình thần duyệt bàn. Bọn thân phiên đại thần phúc tâu: Các công việc ấy thực cũng khó nói, nghĩ ra cũng không có kế gì khác. Ba vị đại thần toàn quyền ấy, ngôi thứ và đức vọng, các quan ở trong triều không ai hơn được, và lại có kinh nghiệm làm việc, xin nên giao cho làm việc ấy từ trước đến sau. Vua nghe lời...

Khi ấy, sứ giả của nước Phú đến kinh đã lâu, bọn Toàn quyền đại thần mấy lần bàn nói mà sứ nước Phú cứ một niềm theo như trong bản hòa ước mới. Cấp sự trung ở 6 khoa, Khởi cư chú, Viện Tập hiền, các thuộc viện ở Bộ, Viện, Quán, Các đều dâng mật sớ nói là tục ước rất có quan ngại, không bằng hãy giữ theo ước cũ (Nhâm Tuất với 12 khoản), còn việc chuộc lại ba tỉnh, đợi sau sẽ hay. Vả lại sứ thần nước ta sang Tây khi bắt đầu khâm mạng phải đi (1863), không cho được có toàn quyền, nếu có ý kiến gì, cũng phải đợi triều đình châm chước, thế mà không biết nói thế nào, để sứ nước kia khi đến, chỉ một mực theo bản ước mới, sự thể đã đến như thế, nếu có thiếu sót sai lầm, xin do bọn sứ thần phải chịu trách nhiệm.

Vua bèn bảo bọn Phan Thanh Giản rằng: ba người bọn người nên biết công luận không bằng lòng đâu, phải hết sức làm việc, cốt sao cho không thẹn hổ và không nhầm lỗi mới được..."[\[32\]](#).

Khi hai đoàn sứ giả đồng ý xong bản hòa ước mới về các sứ vụ chuộc lại ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường; vấn đề bồi thường chiến phí; vấn đề truyền giáo; vấn đề giao thông thương nghiệp,..., "Toàn quyền sứ thần là bọn Phan Thanh Giản cùng sứ nước Phú là Hà Bá Lý đem sắc văn trao đổi cho nhau. Sứ nước Phú xin vào từ biệt trước mặt vua về nước, sai đem các phẩm hàng gửi tặng vua nước ấy. Vua ngự điện Cần Chánh. Hà Bá Lý và hai viên thuộc quan (Duval, Cuverville) tới sân làm lễ ba lần cúi đầu. Vua cho vờ lên điện, cho

ngồi và ban nước trà. Vua nói: gửi lời thăm Quốc chúa được mạnh khỏe, từ nay đến trăm năm về sau, mọi việc đều được tất cả"^[33].

Sau đó, Aubaret viết trong *Tiểu sử*: "Tôi đã được Tự Đức tiếp kiến riêng, cuối cùng tôi thấy tận mắt nhân vật mà chỉ các quan lại cao cấp được phép nhìn trong các buổi thiết triều. Tôi trò chuyện rất lâu với nhân vật quyền uy Phương Đông này, và phải thú nhận, tôi trở về với ấn tượng rất tốt đẹp về ông. Người nhà ta tương đối không có hiểu biết thiết thực về đất nước này, nên không thể hình dung một biến chuyển tinh thần tương tự trong một cỗ máy như vậy là điều rất hiếm hoi, tôi phải nói điều này, đó là một cảm xúc rất hiếm kỳ khi tiến tới cạnh ngai vàng đồ sộ, mà bọn trần tục không bao giờ dám ngược mắt nhìn"^[34].

"Ngày 15.7.1864, hai hiệp ước được phê chuẩn ở Huế. Ngày 20.7.1864, Aubaret rời kinh đô Việt Nam"^[35].

7

Nguyễn Trường Tộ nhận định tình thế sau khi có hiệp ước mới

Qua ngã báo chí và các nguồn tin khác, Nguyễn Trường Tộ đã nắm bắt được nội dung của hiệp ước mới, nên đã viết *Kế hoạch duy trì hòa ước mới* (Di thảo số 4) gửi tới Phan Thanh Giản khoảng ngày 18-24.3.1864, tức là khi Phan Thanh Giản từ Pháp về tới Sài Gòn và đợi tàu ra Huế. Chúng tôi xin trích dẫn bản điều trần này:

Tôi là Nguyễn Trường Tộ xin kính bẩm,

Sự thế hiện nay rất khó xử, phải tìm người giúp, bủa lưới bốn mặt, để họ không được hoành hành, thì bản mình ước mới lâu dài được, phải lấy kinh nghiệm các nước khác đã bị trúng ám kế của họ để làm gương, và bắt chước những mưu mô mà các nước khác đã chế ngự được họ. Hai lối ấy là việc rất gấp cho tình thế hiện nay. Tôi đã trình bày sơ lược với hai vị phó sứ (Phạm Phú Thứ) và bồi sứ (Ngụy Khắc Đản) rằng việc ấy mười phần chắc chắn không nghi ngờ gì nữa. Vì họ nghĩ rằng nước ta từ trước chưa bao giờ giao thiệp với nước ngoài, chưa hiểu rõ các mảnh khé nên họ mới dùng những kế đã thi thố ở

các nước khác ra thi thố với ta. Nếu đại nhân (Phan Thanh Giản) đã có mưu kế riêng rồi, thì tôi không dám bàn nữa. Còn nếu muốn mưu tính việc thiên hạ, khiến những bọn ghét nhau tự xâu xé lẫn nhau, để ta được nhân đó mà hưởng lợi, như xưa kia Anh mất Hợp Chúng Quốc là vì có nước Pháp xen vào; Khang Hy được chia bờ cõi với người Nga vì bị Hà Lan dụ dỗ; Nhã Điền khỏi bị thần phục Thổ Nhĩ Kỳ, vì có Anh, Pháp giúp đỡ; các nước Nhật Nhĩ Man (Đức) khỏi bị thôn tính là nhờ các nước lớn giữ cho. Lý do vì sao được như thế, trong tờ trình bày tháng trước tôi đã bẩm qua rồi. Cúi xin đại nhân soi xét tấm lòng thành đem việc chuyển tâu lên. Nếu ngày kia có việc, tôi xin được phụ giúp, tôi cũng có thể trình bày một vài ý kiến để chuộc tội trước.

Hiện nay tôi muốn đi qua kinh đô nước Anh. Nhân nước Anh có mở đại hội cách trí, họ thường sai người đi khắp các nước đến các đầu phố phỏng vấn về tình hình người phương Tây giao tế với các nước khác như thế nào (việc này có tương quan đến đại thế tung hoành, phân hợp của các nước). Người này đến Gia Định, phỏng vấn người Pháp gần đây thế nào, Đại Nam thế nào, nhưng người Pháp không chịu nói sự thật. Ý nghe tiếng tôi, tự đến hỏi thăm. Thật tình có bụng muốn gặp nhau nên nhân ý muốn mời tôi cùng đi, tôi mừng thầm cho đó là cơ hội tốt khiến tôi có thể đến tận nước Anh, như trong tờ mật bẩm ngày trước tôi đã nói lý do cần đi nước ngoài là vì thế...

Tháng trước, tôi đã bẩm lên quan Thượng thư bộ Binh (Trần Tiến Thành) biết rằng: Họ muốn làm kế bưng tai ăn trộm chuông, cho nên gấp rút phái thuyền đến Kinh xin hoàn thành công việc. Đây là mưu kế độc ác. Có hai lẽ (hai lẽ ấy tôi đã bẩm rõ rồi). Vả lại trong tờ hòa ước họ có buộc một điều kiện là: "Có thuận cho thi hành mới được thi hành", chính là mưu ngăn chặn người khác chia lợi với mình sau này vậy. Vì gần đây các nước ký hòa ước chung với phương Tây, phần nhiều đều có các nước cùng chứng vào, nên khó bề tự ý muốn làm gì thì làm. Chỉ có lần này họ đem kế ấy thi hành ở nước ta. Họ biết chắc chắn thế nào ta cũng sẽ vi phạm trước. Ý họ muốn mượn cơ đấy để phía Nam lấy Cao Miên, phía Bắc thông lên Vân Nam (họ nghe nói tư Vân Nam tốt nhất thiên hạ, lại nghe Hải Dương có mỏ than) chứ không phải chỉ vì ba tỉnh mà thôi. Từ 1864, đã thấy trước.

Họ trả lại cho ta một là vì danh nghĩa ép buộc (điều này ngày trước tôi cũng đã bẩm lên quan bộ Binh biết rõ. Xin đợi đến khi về Kinh xem lại kỹ càng).

Hai là để lấy lòng (điều này chưa dám nói rõ).

Ba là tạm mua hư danh, rồi sẽ thông thả thực hiện ý đồ (tôi đã

từng dò biết được chắc chắn không sai, họ cũng bàn bạc với nhau rằng: Sứ bộ nước Nam đã sang, mà ta cứ giữ khư khư không cho, sợ sinh sự không tốt đẹp, như mấy việc tôi đã nói ở trên. Vả lại họ giữ chưa được vững, sợ người khác giúp ta, âm thầm chẹn họng họ. Chi bằng bề ngoài giả tiếng là cho chuộc mà nâng cao giá lên. Nếu ta chịu hết điều kiện, thì hiện nay họ được lợi. Ngày sau ta không khỏi trái ước. Lúc ấy hai mối lợi họ đều được, mà ta thì không có lời lẽ gì để bộc bạch với thiên hạ, họ mới có thể giữ được bền vững lâu dài, như việc người nước Anh trước kia. Hoặc là muốn ta cho sự thề ước quá nặng, lại tưởng ta không biết đường lối, khó tìm được người giúp đỡ, chỉ cứ lúng túng lấy nặng nhẹ làm điều, kéo dài ngày tháng. Hoặc ta nghi ngờ mà không chịu, hay chịu mà không theo đúng lời họ yêu cầu, thì họ sẽ có lời lẽ với thiên hạ, mà cái cớ để lấy lại càng thêm vững chắc...

Vậy một là phải tìm được ngoại viện để phá mưu của họ (điều này có nhiều chỗ cơ yếu, khó nói vắn tắt được).

Hai là phải tìm những tội du côn của nước nào có giao hiếu với họ, âm thầm đến nước ta (tuy bọn chúng cũng có nhiều người muốn theo ta nhưng ta chưa biết tìm đường đấy thôi. Còn như bọn vô lại các nước, ở tản mát khắp nơi, cũng có nhiều người rất là mạnh khỏe gan dạ. Nếu ta biết khéo dùng thường thường được chúng ra sức liều chết. Tôi đã biết hạng người ấy mang tội phiêu lưu, không cần gì ở trên đời này cả. Chỉ cần được no ấm khoái lạc thì dù có chết cũng không từ. Nếu ta dùng được thì có lợi rất lớn để gieo lòng nghi hoặc cho họ.

Ba là phải học hết các món khôn khéo của họ, mà trong khi qua lại giao tế, phải nhượng họ ba phần. Đại phạm đem chuyện phi lý mà buộc cho người, tất nhiên phải có dựa vào một lý lẽ nào đó. Nếu ta không có điều gì để họ có thể chấp lý được thì chắc chắn họ phải im không dám hành động gì. Cứ bủa vây bốn mặt rồi chờ khi có tề (tề này tôi đã dự đoán không sai, mười năm sau sẽ thấy) mới có thể mưu đồ được...

Tôi xét thấy sự thể hiện nay chỉ người Anh có thể cộng tác được với ta. Vì Anh và Pháp có mối thù truyền kiếp. Nay người bác của vua Pháp bị người Anh đày ở ngoài một đảo xa xôi, người Pháp lấy làm xấu hổ.

Người Anh mất Hợp Chúng Quốc do Pháp hắt cẳng; người Pháp sở dĩ tạm thời hợp tác với người Anh vì người Anh giỏi về đường biển. Nay nếu có đánh nhau thì người Pháp chỉ giỏi về đường bộ,

không thể biến hóa được (khoản này có nhiều điều lợi hại, nhưng không quan thiết đến ta nên không nói kỹ làm gì). Vả lại, người Anh hiện đã làm chủ được tỉnh thế phương Đông, hơn gấp mười Pháp, cho nên Pháp phải miễn cưỡng hòa thuận với Anh. Nhưng tính người Pháp hay kiêu điệu, lại hay nghe dèm pha, nên cũng dễ ly gián. Người Anh tuy giữ được nhiều nơi, nhưng chưa chỗ nào hiểm trở bằng Gia Định. Nay nếu Pháp lấy được Gia Định thì sẽ bất lợi cho mình. Nên nếu có cơ hội thuận tiện, lẽ nào người Anh bỏ qua. Nay nếu ta tỏ ý cầu viện người Anh, thì cũng dễ nói. Đây là một điều lợi...

Người Pháp với ta, sự việc chưa biết đến đâu là cùng. Gần đây, nhiều khi người Pháp cũng mời người Anh cùng đi đôi với họ. Nếu nay ta không gấp rút thông hiếu với người Anh trước, vạn nhất ngày sau lại sinh chuyện, mà Pháp với Anh đã đi đôi với nhau rồi, thì ta chịu sao nổi? Nay nếu ta biết liệu trước sẽ có thể giao hảo được với người Anh, thế thì dù sau này có xảy ra việc gì ắt họ sẽ một là sợ danh nghĩa, hai là vì cảm tình mà hòa hoãn, đây là bốn điều lợi.

Người Pháp tuy tự khoe khoang giàu mạnh, nhưng so lực lượng cũng đã chịu nhường người Anh. Nay nghe ta thân thiện với người Anh, ắt biết ta sẽ lập mưu ngăn cản họ. Nay nếu người Pháp đem nhiều lời ly gián, thì lại sợ người Anh thấy rõ tâm địa mà chê cười. Tuy người Anh chưa công khai giúp ta, nhưng người Pháp cũng đã biết, nếu có hành động gì, chắc người Anh cũng sẽ ngầm báo tin cho ta. Và mối thù ngày trước, to như núi; lúc nào người Pháp cũng lo ngay ngáy sợ người Anh kết hợp với ta. Lần trước Pháp giao kết với Nga toan để ngầm chống Anh, nhưng nay đã sinh hiềm khích và tự biết bị cô lập. Lúc bấy giờ nếu muốn được họ chuyển nặng sang nhẹ cho ta, thì cơ hội cũng dễ. Đây là năm điều lợi.

Trước đây vào khoảng năm Gia Khánh (1796-1820) nhà Thanh, bác vua Pháp bấy giờ gọi là Napôlêông xuất thân từ trong binh lính nổi lên, giam Y Pha Nho, hãm Áo Đại Lợi, đốt Nga La Tư, phá Hà Lan, hiếp Ý Đại Lợi, đánh Ách Nhật Đa, cướp Nhật Nhĩ Man, xâm lăng Anh Cát Lợi. Các nước phương Tây không nước nào không bị độc hại. Đến nay các nước vẫn còn tức giận. Vả lại, người Anh tuy nói cộng tác với Pháp, nhưng chỉ vì lợi ích mà hợp tác thì làm sao lâu dài được? Gần đây, nước Anh lại sắm sửa binh thuyền, gấp ba người Pháp trong ý luôn luôn muốn trả mối thù mất Hợp Chúng Quốc. Giả sử thời cơ đã đến mà có ta ở trong đó nói ra nói vào, khéo điều đình khêu gợi, vạn nhất nổ chuyện ra thì Anh Cát Lợi chặn đường thủy, Mặc Địa Lợi áp đảo đường bộ, Y Pha Nho bọc phía Nam, để trả cái giận làm chung mà chiếm lợi riêng một mình. Hà Lan, Bỉ Lợi thì đón phía Bắc,

Nga La Tư theo sau tiếp ứng. Ở phương Đông người Anh đem binh lính Ấn Độ chặn đường về, còn ta thì ngồi mà hưởng lợi. Đây là một mối lợi rất to.

Sáu món lợi kể trên là tôi hãy tạm lấy cái dễ thấy, cái công dụng lớn mà nói, còn như nhân việc này mà xoay dần, tùy cơ mà chuyển bất, thường thường nhân nhỏ mà được lớn, như các việc đã qua ở các nước Tân Thế Giới, khó có thể kể hết. Còn như sự sắp đặt của Triều đình, vốn không phải người ngoài thấy được.

Nhưng làm được sáu điều lợi trên, dĩ nhiên còn có nhiều đường lối, tùy sự thế mà xoay chuyển, không thể bàn nhất định trước được, sợ vướng vào gàn dở, không dám dài dòng.

Nay kính bẩm. ^[36]

Hiệp ước chuộc lại ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường được ký kết tại Huế ngày 15.7.1864. Năm ngày sau, "Aubaret rời kinh đô Việt Nam. Chỉ khi Aubaret đang ở ngoài khơi bờ biển Việt Nam, một phản lệnh (contreordre) của Paris yêu cầu đình hoãn việc thương lượng, mới tới tay

ông" ^[37]. Thế là việc chuộc lại ba tỉnh bất thành.

Về sự cố trên, sử *Thực lục* đã chép rõ: Tháng giêng năm Ất Sửu (1865), "chủ sứ nước Phú là Gia-lăng-đi-e (La Grandière) phái người là Sơ-Ba-Lê đi tàu chạy máy bằng hơi nước đến đồn cửa biển Thuận An, đưa thư xin vào châu và tàu bày định việc hòa ước... Ba Lê lại nói: lần này vẫn giữ ước cũ về năm Nhâm Tuất... Bọn Thanh Giản đem việc tàu lên. Vua giao cho phủ Tôn nhân và đình thần bàn định, đều nói: vua tôi nước ấy đã không chịu cho chuộc lại ba tỉnh (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa), nếu lại viết quốc thư để hỏi thì họ lại cố chấp lời nói trước, sợ có tổn đến quốc thể chẳng? Xin sai quan Thương bạc viết thư gửi cho đại học sĩ nước ấy là Anh Đê Luy và chủ sứ nước Phú ở Gia Định, thông tin phân trần cặn kẽ, họ có chút động lòng nghe chẳng, sau sẽ dần dần mưu tính. Vua nói: bọn Khanh liệu tính thế nào, chả nhẽ theo ước cũ mà nỡ bỏ đất cát ba tỉnh ấy ư?" ^[38].

Nguyễn Trường Tộ dâng kế
hoạch cho dân giàu nước mạnh

Vận mệnh nước ta lúc ấy thật bi đát. Vua quan triều chính chẳng biết phải làm gì, chỉ trông chờ ở "chút động lòng" của kẻ địch, đồng thời cũng biết trước là La Grandière mưu tính chiếm nốt ba tỉnh miền tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên). Trong tình huống ấy, Nguyễn Trường Tộ mạnh dạn đệ đạt lên triều đình TỰ ĐỨC *Kế hoạch làm cho dân giàu nước mạnh* (Dự tài tế cấp bầm từ - Lược lợi từ) tức Di thảo số 5 khoảng 20.6 - 18.7.1864^[39] mà chúng tôi mạn phép trích dẫn rộng rãi như sau:

"Trộm nghĩ trong nước có nhiều việc, dân chúng phải lo gấp việc sinh sống mà ý trời giúp người lại ngoài ý muốn của người. Cho nên Mạnh Tử có thuyết: 'Địch quốc ngoại hoạn'; tiên nho có câu: 'Thiên tâm nhân ái'. Do từ việc người mà xem, các nước trong bầu trời, chưa nước nào không do có nhiều biến cố mà vượt lên xa được; từ đạo trời mà xem, lại càng kỳ diệu hơn. Tạo vật ban phúc cho con người, cái phúc đó cũng chỉ được dần dần, lớn dần dần, phải lâu ngày mới thấy.

Kể từ khi có loài người, loài vật, đến nay đã gần 7.000 năm, thống kê số lợi hưởng trên mặt đất của cả thiên hạ chưa đầy 4/10. Và lại, tạo vật sinh ra loài người đều do cùng một nguồn gốc như nhau cả. Thế mà ngày nay trên địa cầu, người văn minh thì ít người dã man thì nhiều, chẳng lẽ tạo vật lại có hậu đãi, bạc đãi khác nhau? Đó chẳng qua chưa đến thời mà thôi. Ví dụ như cha mẹ đối với con cái, đứa lớn bảo lập nghiệp làm ăn sinh sống, đứa bé phải dạy cho biết số mực, ứng đối... cứ tuần tự như vậy. Do đó suy ngược lại thì mọi ý định sắp xếp của tạo vật không có cái gì là không để tâm đến. Đấy chính vì muốn cho con người được mở rộng thêm tri thức, làm sáng tỏ thêm cái tinh anh của trời đất, tức là phú cho loài người một nguyện vọng không cùng, khiến loài người phải tìm kiếm những điều mới lạ hay ho. Tạo vật lại sợ con người yên phận thủ thường không chịu qua lại với nhau, nên về đất

đai mới sinh ra có thổ nghi khác nhau, tốt xấu khác nhau để nhân đó giao thông qua lại với nhau, để người biết trước bày kẻ biết sau, để dã man biến thành văn minh, để giúp vào những việc mà tạo hóa chưa kịp làm, để nêu rõ cái công dụng kỳ diệu của linh tính con người.

Nếu để cái thấy, nghe, ăn, nghĩ của con người, chỉ biết tuân theo tự nhiên như loài vật không có linh tri linh giác mà không giao cho con người quyền điều khiển vận hành thì làm sao phân biệt được con

người linh hơn muôn vật? Vì vậy ở trên lục địa năm châu lại có biển lớn bao bọc bốn phía, có các sông lớn thông suốt trong các châu, nối liền các đồng bằng để xe thuyền đi lại, nhưng cũng có những hang núi cản đường, đèo ải chắn lối, khiến con người phải tự khai đường để thông đến những chỗ đất đai có của báu. Ở trên mặt đất, sự sắp xếp kỳ diệu của tạo vật như vậy rất nhiều không thể kể xiết.

Nói tóm lại, loài người chúng ta có chung một trời che, chung một đất chở, chung một mặt trời chiếu, chung một mặt trăng soi, một không khí đầy tràn, một hơi nóng ấm áp, một thứ nước thấm nhuần, một ngọn gió mát mẻ, do một lý chi phối tất cả, do một tính chất đồng như nhau tất cả... buổi đầu do một mà sinh ra cuối cùng lại hợp lại làm một mới thành tựu cái công dụng to lớn của cả trời đất. Xem đây thì chúa tạo vật không nở để cái lý lẽ lớn lao của trời đất cuối cùng phải đến chỗ bế tắc, cũng không nở để cho cái dùng hằng ngày của loài người cuối cùng không phát triển được, nên đã bày ra nhiều cách để mở mang trí tuệ, dìu dắt nhau tiến lên con đường đại đồng... Trước đây 3.500 năm, phương Đông là nơi đầu tiên đã khai phá được cái phong khí thô sơ thuần phác, mà làm được hàng trăm công việc, cho đến thời trung cổ thì càng ngày càng thịnh. Lúc bấy giờ, phương Tây đang còn ở trong giai đoạn mông muội dã man, cho nên các rợ miền Tây Bắc phương Đông thường hay đến xâm chiếm các nước phương Tây. Do đó, phương Tây đã tiêm nhiễm được văn hóa phương Đông. Rồi nhân nạn binh đao xảy ra mà hai bên có sự qua lại, do thám tình hình của nhau. Những cái gì bên này chưa có thì nghĩ cách trèo non vượt biển để cướp về, còn bên kia bị kém thua thì cũng lo học cái phương pháp mà họ đã dùng để thắng mình để đối địch lại.

Xem như nước ta xưa bị Trung Quốc xâm chiếm tàn phá, việc đó tưởng như tạo vật gieo họa nhưng chính cũng là làm phúc. Vì nhân đó mà nước ta trở thành một nước văn hiến. Ở miền Nam Hải có ba nước: nước ta, Miến Điện, Xiêm La. Nhưng hai nước kia còn trong tình trạng kém cõi còn lâu mới đuổi kịp nước ta. Thế chẳng phải do những cơ đã nói trên đó sao? Thời nhà Chu, nho sĩ nước Phất Lâm đã qua Trung Quốc, đến thời Vũ Đế nhà Hán đã từ nước Thân Độc thông sang Đại Hạ, thời Nam Bắc Triều, rợ Bắc đã chiếm

sang cả phương Tây. Đến thời Thế Tổ nhà Nguyên trong lúc chưa cướp đoạt xong nước Kim Nguyên mà đã lo khai thông miền Tây bắc, miền Tây nam của phương Đông, miền Đông bắc của phương Tây và miền Bắc của phương Nam. Hễ nơi nào có hình thế đẹp để đất đai màu mỡ, là không khỏi bị chúng tiến chiếm, làm sao cho đường bộ hai bên Đông Tây thông làm một với nhau. Đến cuối đời Nguyên, có vị

phò mã Tát Mã Nhi Tứ Thiên của nước Cáp Liệt uy danh lan khắp Tây Vực, có người phương Tây đầu quân vào hàng ngũ của ông ta, nhân đây họ đã đem theo về thuốc súng và các thứ đồ vật kỳ lạ khác. Người Tây vì loạn lạc đã lâu nay muốn trị yên nên đã bắt chước phương pháp đó chế súng điều thương, để chống lại, và những thứ kỹ xảo khác đều lấy phương Đông làm kiểu mẫu. Về sau, việc học thuật, việc chế tạo những khí cụ ngày càng được tinh vi. Học thuật được tinh vi thì sinh ra kỹ xảo. Kỹ xảo đến cực điểm thì trở nên mạnh và đã làm thay đổi hẳn cái hèn kém mông muội trước kia. Cho đến thời Minh bước tiến Âu Tây ngày một lên cao vùn vụt, đến nỗi không có chỗ để thử cái tài dũng của họ nữa. Do đó, họ chuyển dần về phía Tây và bỗng nhiên tìm được Tây Châu (tức Tân Thế Giới) và chiếm lấy làm đất của mình, khai thác vùng đất đai mấy ngàn năm hoang vu, cải tiến phong tục tập quán mấy ngàn năm hủ lậu. Lúc đầu người dân bản xứ còn xem họ như thù địch, dần dần đã chịu gần gũi và ngày càng trở nên thân thiết, những người dân ở đây đã học được hết những cái kỹ xảo của người phương Tây, cho nên không đầy 100 năm sau đã đuổi được người phương Tây ra khỏi đất mình. Những nước phụ thuộc phương Tây xưa kia, nay trở thành những nước thân phương Tây. Các nước ấy đã nhờ phương Tây mà thay đổi những tập quán cũ để trở thành giàu mạnh, người phương Tây cũng nhờ vào nguồn lợi ở đó để chu cấp cho mình. Xưa thì ghê rợn căm thù, nay đã trở thành tình nghĩa anh em tốt đẹp bền bỉ.

Từ khi quyền lợi của người phương Tây ở các nước này giảm bớt, nhưng vì lòng tham không chấm dứt, họ bèn quay tàu trở súng hướng về các nước phương Đông. Các nước phương Đông tuy là ông tổ của trăm nghề nhưng bản tính lại mãi mê sự an nhàn vui thú không thích đổi mới. Vả lại ngày xưa đã từng xưng hùng xưng bá trong thiên hạ, tự mãn tự túc, nghĩ rằng thiên hạ không ai hơn mình. Cho nên chuyên chuộng hư văn phù phiếm, học lối xu phụ nịnh bợ để được cái phú quý mỏng manh trước mắt. Việc này đến buổi mạt vận thì lại càng quá lắm (đây là chỉ chung các nước). Khi có kẻ địch bên ngoài thoát đến, thì coi họ như là đồ kỳ dị, trí xảo lạ đời, mà không biết rằng những cái khôn khéo của người phương Tây ngày nay chính là lượm lặt được cái dư thừa của phương Đông mình ngày xưa đó. Chúa tạo vật trước kia đã

giúp ta cho ta thứ đó, mà ta chưa dùng hết cái hay thì tạo vật đem cái ta gây họa cho họ để giúp họ. Họ được cái dư thừa của ta thì họ rất trân trọng mỗi ngày mỗi trau chuốt ngày một đẹp thêm rồi lại đem bán cho ta để thu lợi lớn.

Thiết nghĩ, tạo vật sinh ra đất đai là cốt để cho cả loài người hưởng dụng chứ không phải để cho một người chiếm lấy làm của riêng. Cho nên lúc đầu cây cỏ bụi bờ chưa khai phá thì cho loài người phân tán cư trú rải rác khắp địa cầu, ở đâu thì khai thác phát triển mà hùng cứ ở đấy. Đến lúc núi sông đã thông, hiểm trở đã hết thì lại khiến có trao đổi buôn bán, nơi có đổi cho nơi không để việc sử dụng được thuận lợi, việc sinh sống được đầy đủ, để suy xét lai lịch mà dần dần nhận ra rằng nguyên xưa vốn là anh em, cùng chung một gốc mà biết thương yêu nhau, lấy chỗ dư thừa mà bù vào chỗ chưa đủ, thông công đổi việc, giúp đỡ lẫn nhau, rồi sau hợp cả thiên hạ làm một nhà để hưởng hết cái diệu dụng của trời đất. Nếu không như vậy thì người miền núi thiếu cá, thiếu muối, người miền biển thiếu thú, thiếu gỗ, nước ta thiếu thuốc, Trung Quốc thiếu gạo. Tạo vật là đáng nhân ái công bằng, coi mọi người như con, tại sao không để cho nước nào tự túc lấy đồ dùng của nước ấy không cần đến nước khác, người nào tự túc lấy đồ dùng của người ấy, không cần nhờ người khác giúp đỡ để khỏi qua lại cho thêm phiền phức?

Nhưng nhân tình trước trái sau hợp, thì sự hợp ấy mới càng thân. Việc đời trước gặp khó khăn mà sau thành công, thì sự thành công đó mới bền vững. Cho nên lúc sắp hợp sắp thành tất nhiên phải có cái hại của sự nghi hoặc và khốn đốn, rồi mới có cái lợi của sự yên ổn lâu dài. Vì đã có sự nghi hoặc thì cần phải được sáng tỏ, có khốn đốn vất vả mới nghĩ đến sự nghỉ ngơi. Cho nên lúc hiểu ra được thì mới biết đó là do sự sắp xếp cất đặt của tạo vật không được làm trái khác đi. Cho nên, theo lý lẽ ở phần trên mà nói ở phần dưới thì các vật đều giúp đỡ lẫn nhau để làm đồng đều những điều mong muốn cho nhau. Nếu không như thế, thì loài người là con của tạo vật, nếu cứ để cho người lớn mạnh chuyên được phần lợi mãi, mà không giúp cho người nhỏ yếu trong đó được sống còn mãi mãi, được hưởng lợi ích to lớn lâu dài để bù vào sự thiệt hại trước, thì sao gọi là chí công được?

Những điều nghị luận trên đây là một điều trong bài Thiên hạ phân hợp đại thế luận. *Đó là những sự thật, lý thực của trời đất. Từ thuở khai thiên lập địa đến lúc cáo chung cũng chỉ có thế mà thôi. Dù có người giỏi biện bác đến đâu cũng chỉ bài bác được tạm thời, chứ không thể bài bác mãi mãi được.*

Nay tôi trích ra trình bày như trên, là vì các học giả nước ta ngày nay phần nhiều cứ viện xưa chống nay, nói quấy quá làm rối loạn việc chính trị, đàm luận xì xào, để chia bè lập đảng mà bài báng Triều đình. Họ có biết đâu

thời thế đổi thay, có nhiều cái của đời xưa không thể áp dụng cho đời nay được. Cho nên bậc tiên hiền đã từng nói: Người tuấn kiệt là người biết việc đời nay, chứ không phải là người biết việc đời xưa. Bởi vì việc còn, mất, yên, loạn nếu không trí tuệ không thể nào biết được. Còn như việc ngợi khen người xưa thì dù ngu cũng biết thừa. Cho nên kẻ trí bàn việc đời cần phải thể hiện ở việc làm, cần nhắc sự việc mà lập ra mưu trí, tùy thời thay đổi để cho lòng người hợp với ý trời. Như ngày nay các vị đại nhân đem các điều ra hỏi kẻ thảo dã mà không câu nệ thường tình chính là vì vậy.

Nay tôi xin đem những điều các vị hỏi nói sơ qua vài nét trước và cuối cùng xin phụ thêm một đoạn của bài Tế cấp luận, *sau đó sẽ nói rõ sự lý của năm sáu điều lợi lớn. Đó là những điều cấp thiết hiện nay, mong rằng không nên xem qua rồi thôi...*

I. Xin kể ra các phương pháp làm hột nổ và đúc súng, đúc kim loại cùng các môn quang học, cơ học, hóa học, khai thác mỏ than:

Điều cốt yếu để thực hiện các phương pháp trên, trước hết phải có ví dụ. Các môn ấy phải được thi hành thực sự. Việc học lý thuyết thực ra không khó mà thực hành thì khó, hơn nữa phí tổn rất nhiều, nhưng thu lợi cũng rất lớn.

Việc học tập và sắm khí cụ phải thực hiện đồng thời, không thể thiếu một. Nếu đã được học qua loa như tôi mà không có khí cụ khi gặp khó khăn lại không có người chỉ vẽ thì cũng chỉ biết lý thuyết và công dụng mà thôi, và cũng còn khó đem ra thực hành được. Nếu đem ra thực hành cũng phải qua nhiều lần dùng thử, để loại bỏ những cái trở ngại mới tận dụng được chỗ tinh diệu.

Nay trước hết tôi xin hãy làm cho nước nhà giàu có (như trình bày ở đoạn cuối này) để chi dụng chi phí cho việc học tập và mua sắm khí cụ. Khi mua sắm được khí cụ rồi sẽ cùng thực hành với việc học tập lý thuyết. Như thế thì sự sử dụng máy móc lẽ nào lại không thành công, tài khéo lẽ nào lại không tiến lên được?

Nói tổng quát thì phương pháp đúc súng đạn và chế hột nổ cần nhất ở cơ học, và có cả quang học giúp vào. Còn phép đúc kim loại và khai thác mỏ than thì cần nhất về cơ học và có hóa học giúp vào. Về phép lái tàu thì cốt ở quang học và có trắc lượng học, toán học giúp vào.

Cơ học là nghiên cứu tất cả những gì dùng sức gia thêm vào thể chất để sinh ra động lực, mà không làm biến đổi bản chất. Đó gọi là cơ học. Cơ học có hai loại khí cụ chính: khí cụ đơn giản và khí cụ phức tạp. Hai loại đó lại chia làm ba: nặng, sức và điểm tựa. Tất cả

những khí cụ đều là phép tinh xảo để tạo nên trở lực. Có khi dùng phương pháp khiến các khí cụ phát ra sức kỳ xảo, tựa hồ như chính tự nó có một sức sống.

Khí cụ của trở lực có ba thứ: đòn bẩy, trục quay và mặt nghiêng. Đó là những vật dụng cơ bản. Ngoài ra lại có ba thứ nữa: bánh xe, máy cắt, đinh ốc. Đó là những vật dụng thứ yếu. Tất cả mọi công dụng thực sự của cơ học đều quy về mấy điều kể trên.

Còn quang học dùng để quan sát những chỗ cao chỗ sâu. Phàm tất cả những vật ở trên trời, trên mặt đất, dưới mặt đất, những quang sai, thị sai, phân vi và các động vật, thực vật mắt thấy được hoặc không thấy được và cả những bản đồ, địa mạch, sản vật, cái thật cái giả lẫn lộn... đều phân biệt được, đó là nhờ quang học.

Hóa học thì có thể làm cho các thể chất biến hóa. Khác với cơ học, hóa học được dùng để quan sát kim loại và chất nặng, chất nhẹ, chất cố định, điện khí, nam châm... để phân biệt những tính khác nhau của chúng, để thích hợp với công dụng của chúng, khiến cho các chất rắn, mềm, giúp nhau để làm thăng bằng sự vận động. Các ngành khai thác mỏ, thuyên máy, máy hơi nước đều thuộc về môn này.

Còn phép làm hột nổ thì cũng như phép đúc súng, tuy có phần dễ hơn, nhưng điều cốt yếu là ở khí cụ để đúc. Vì rằng người thợ muốn cho công việc làm được tốt trước hết phải có khí cụ tốt, nếu không có khí cụ thì lấy gì mà làm?

Nói tóm lại, những điều trên đây, những lý thuyết của nó đều không ngoài sức tự nhiên. Nếu trước hết không biết rõ cái sức đó là cơ sở, thì dù học suốt đời, cũng vẫn mù mờ không lần ra mối. Tuy cũng có thể dùng được một đôi cái nhưng chẳng qua là làm theo khuôn có sẵn mà thôi, chứ không biết biến hóa để nhân cái này biết cái kia, để làm được tinh xảo hơn. Cho nên sức tự nhiên là điểm đầu tiên phải học, không thể không hiểu trước hết. Các điều nói trên, đã có sách chuyên môn chép rõ.

Còn phương pháp khai thác mỏ than, trước hết phải biết rõ địa mạch, biết rõ các loại kim loại khoáng và các cách chuyển động của vỏ quả đất. Nếu bây giờ cho vài người như tôi đi khắp nước sưu tầm thám nghiệm khoảng ba, bốn năm mới có thể biết. Đó là vì mỏ than ở sâu hơn các mỏ khác, mà phần nhiều lại hay có ở miền đồng bằng, ít có ở nơi núi hang và nơi nước chảy. Nếu mỏ than lộ thiên thì than không tốt mà lấy cũng chóng hết. Và lại mỏ than thường có ở xứ lạnh, ít có ở xứ nóng. Nhưng ngày nay ở xứ nóng cũng đã tìm thấy một vài chỗ có mỏ than thì tôi tưởng rằng ở nước ta cũng có. Mỏ than lại hay

có nhiều ở chỗ gần mỏ sắt.

Phương pháp lấy than đá nói trên đây phải dụng công rất khó, nhưng lợi lớn gấp mười mỗ bạc, mỗ vàng, cho nên phải nghĩ hết mọi cách để lấy. Cách làm cho nước mạnh là ở chỗ tạo được nhiều cửa. Cửa cái nhiều thì lương thực đủ, khí giới tinh, thành trì vững, công quỹ dồi dào, các việc lợi ích do đấy sinh ra, các việc tai hại do đấy giảm bớt. Một khi có biến cố lớn xảy ra, chỉ cần lấy cửa cái trong kho nhà nước, khỏi phải phiền lụy đến dân. Lợi ích đó không thể kể xiết.

Nay nước ta, cửa công chỉ nhờ vào thuế, mà thuế đánh có hạn, chứ không có cách gì để làm cho cửa cái được nhiều như phương Tây. Cái tôi gọi là làm cho có nhiều cửa ở đây không có nghĩa là nói bòn rút của dân để làm cho nước giàu, mà là nhân nguồn lợi tự nhiên của trời đất để sinh ra của. Do đó nước giàu mà dân cũng giàu.

Nước ta một bề giáp bể, một bề tựa vào núi, giữa là một dải đồng bằng, lại có nhiều sông chảy ngang qua, từ bờ biển đến tận cùng rừng núi mát năm, sáu ngày mà thôi, không như các nước khác xa biển, xa núi, hoặc biển ít núi nhiều, hoặc núi nhiều sông ít, hoặc nhiều cồn cát sa mạc, hoặc nhiều đất khô cằn, thật là một nơi địa thế tốt nhất trên quả địa cầu. Người các nước đã từng ngợi khen, chính cũng vì núi sông gần nhau, cân nhau, mỗi lợi của nó rất lớn. Hơn nữa người nước ta tầm vóc vừa phải, đã nhiều tài trí, lại khéo bắt chước tài kỹ xảo của người khác. Người nước ta có cái tính biết học tập cái hay cái tốt của người khác, không tự kiêu tự mãn như người Trung Quốc. Cho nên các nhà thông thái các nước khi bàn về đại thế trong thiên hạ đều cho rằng nước ta đã có địa thế tốt lại có nhân tính tốt ngày sau ắt sẽ phồn vinh vô cùng. Nhưng chỉ tiếc là người mình còn chấp nê tập tục cũ, bị lối học từ chương bó buộc, nên chưa thể tung hoành nơi bốn biển (Tôi sẽ viết dâng lên một bài về địa thế nước ta vài mươi trang. Xem sẽ thấy phần khởi).

Ngày nay nếu ta biết dần dần chỉnh đốn những thói cũ, nghĩ cách làm lợi cho công, làm lợi cho tư để ta có được phương pháp hay của mình lại có được cả những phương pháp hay trên thế giới mới sáng tạo ra nữa, hai cái cùng thực hành song song với nhau không trái ngược nhau. (Những phương pháp hay này nay chưa kịp trình bày được). Như thế những cái thiên hạ mới có, ta cũng đồng thời có. Còn những cái ta vốn có thì thiên hạ không có. Như thế ai còn dám khinh nước mình nữa?

II. Sau đây tôi xin đưa ra một khoản về việc làm sao cho nước nhà giàu có để cứu giúp lúc khẩn cấp:

Một là nguồn lợi về biển. *Về biển không có nguồn lợi nào lớn bằng cá và muối.*

Hai là nguồn lợi về rừng. *Rừng không có gì lớn bằng gỗ.*

Ba là nguồn lợi về đất đai. *Đất đai không có gì lớn bằng tơ gai.*

Bốn là nguồn lợi về mỏ. *Về mỏ không có gì lớn bằng đồng và thiếc.* Bốn nguồn lợi ấy, ngoài việc tùy theo thổ nghi mà thu thuế ra, còn phải

nghĩ những phương pháp hay như của Tây Âu để thu nhiều sản vật. Sau đó cho tàu bè nhà nước chở ra bán cho các nước, rồi lại chở về nước mình những hàng cần dùng mà nước mình không có. Cái lợi bán mua qua lại như thế thường được gấp ba. Trừ than đá ra, như đồng, thiếc giá ở Bắc Kỳ một quan nếu đem ra nước ngoài bán có thể được tám quan. Ngoài ra các thứ tơ, gai, cá, muối cũng thế. Vả lại, Bắc Kỳ nối liền Vân Nam, mà tơ của Vân Nam là tốt nhất thế giới. Người Pháp sở dĩ muốn từ Bắc Kỳ thông thương Lương Giang, từ Nam Kỳ thông đường Tiền Giang là vì thế. Việc ấy trước đây tôi đã nói rõ, nay xin thôi không nói nữa.

Phàm thế nhân càng suy thì thiên hạ không ai là không đuổi theo của cải mà tranh giành. Người đã giành lợi của ta, lẽ nào ta lại không biết lấy lợi của người? Đó là luật vay trả tự nhiên không thể tránh được. Hoặc có kẻ nói rằng bậc vua chúa cứ việc thi hành nhân nghĩa thì tự nhiên có lợi, cần gì phải khơi cái lòng ham lợi để cạnh tranh với dân! Sao không biết rằng nói như vậy là rất sai lầm về chính trị? Bậc tiên hiền có nói câu ấy thực, cốt ý để cứu vãn cái tệ hại thời bấy giờ, vì sợ rằng chỉ biết lo làm lợi mà không nghĩ đến nhân nghĩa. Những nho gia sau này vì không suy nguyên cái ý ấy nên bày đặt ra bàn luận những điều thể diện quá cao. Nhưng xem việc làm của họ thì thường thường lại vì điều lợi hại mà không giữ được tiết tháo trong sạch. Cho nên người ta đã bảo những kẻ ấy là lời nói đã đê tiện mà việc làm lại hèn hạ... Ăn trộm thì không gì lớn bằng trộm nước. Thế mà thành công thì làm vua, bao nhiêu nghĩa sĩ chen chân nơi cửa chư hầu. Cho nên dùng gặp thời tức là nhân nghĩa, thất thời tức là bạo ngược. Những nhà nho câu nệ không khéo biến hóa, thường hay uốn lười múa mồm, sau khi sự thành bại đã rõ như gương chiếu rồi mới bàn luận anh hùng.

Đại phàm sự tình trong thiên hạ mượn tiếng tốt để làm việc xấu là người ngu; chịu tiếng xấu để làm việc tốt là người khôn. Trong thiên hạ khéo biết dùng thì được tiếng hay, không khéo dùng thì mang tiếng dở. Khéo dùng hay không khéo dùng đó là gì? Chính là cái tài lợi. Về

tài lợi, nếu như biết khéo thu nhập thì được nhiều mà không ai trách oán, đã thu nhập được mà không ai oán trách lại biết khéo sử dụng của thu nhập ấy, đó là nền tảng của nhân nghĩa. Cho nên tạo vật khi chưa sinh ra người đã sinh ra muôn vật trong thiên hạ trước để làm nguồn của cải. Như Kinh Dịch nói: "Có trời đất muôn vật sau mới sinh ra trai gái". Chứng cứ về việc đó rất rõ ràng.

Thời thượng cổ khi loài người bắt đầu phồn thịnh thì buổi trưa đã có họp chợ để tiện việc trao đổi những thứ cần dùng, rồi sau việc giáo hóa mới dần dần hưng thịnh lên. Bởi vì tạo vật yêu người nên thềm dạy những việc cấp thiết trước, việc chưa cấp thiết thì dạy sau.

Tất cả những cái cần thường dùng thường làm hàng ngày của con người từ thượng cổ, trung cổ đến tận thế không có cái gì là không do tạo vật bày ra. Những cái mà tạo vật bày ra đó đều khiến vua nắm quyền để mở mang sắp đặt. Vua đã thay quyền tạo vật để chặn dân, làm lợi cho dân, thì những việc lợi ích nên làm trong dân gian lẽ nào vua không tự mình ra gánh vác lấy, tự mình xướng xuất ra? Thời trung cổ người ta chưa hiểu được lý ấy nên mới bậy bạ cho như thế là tranh lợi với nhân dân, nên mới có chuyện xưa kia đã làm đến quan đại phu thì không cho vợ dật cử nữa. Như thế là không biết rằng, có nước mà cứ để mặc cho của công tư bị thiếu hụt, đến phải yếu nhược không chấn hưng lên được, chính là vì có đó. Sao không suy xét xem vua muốn làm giàu có phải để cho riêng một mình không? Nếu không thế thì một mình tiêu xài cũng có hạn dù xa hoa phung phí cùng cực cũng không hết được. Vậy của đó để làm gì nếu không phải để cho dân cho nước? Ví như cha mẹ làm ăn khó nhọc để có của cải, là muốn để lại cho con cháu. Người không biết thì cười chê cha mẹ, cho rằng làm những việc vất vả khó nhọc ấy là đê tiện, thế chẳng phải là trái với lòng thương của cha mẹ lắm sao?

Nay nói về việc nước, khi đã có đủ của cải rồi thì lệnh trưng thu của cải trong dân chúng để cung ứng cho việc nước sẽ ngày càng giảm bớt mà sự nghiệp củng cố cho nước mạnh sẽ ngày càng tăng. Một khi xảy ra giặc giã cần phải đánh dẹp để yên bờ cõi an ninh xóm làng, quân đi đánh dẹp mỗi ngày tiêu phí hàng ngàn vàng thì lấy của công mà dùng để bảo vệ tài sản của dân chúng. Như vậy là không có nhân nghĩa ơn huệ nào lớn hơn thế nữa. Chỉ nói một việc này các việc cũng như thế thôi. Như thế mà còn có người đưa ra thuyết cùng dân tranh lợi để ngăn trở phá hoại việc nước, để cho bậc quân phụ mang tiếng này nọ, thế có phải là trung không? Thuở xưa Thái Công được phong làm vua nước Tề, chọn kẻ tài năng chuộng người có công và giết cao sĩ Đông Hải là vì thế.

Nay tôi xin hãy làm cho cửa cải nhiều thêm. Có nhiều lối làm giàu, nếu đem ra thực hành trăm năm cũng chưa hết. Nhưng tôi chỉ đưa ra bốn cách cấp thiết trước tiên để cấp cứu trong nhất thời. Tạo vật đã cho nước ta một địa lợi tốt để làm thì Triều đình phải có người đứng ra xướng xuất cho dân theo. Còn như những phương pháp nào hay ho thì Triều đình đã có ý định sắp đặt rồi tôi không dám bàn đến nữa. Nếu làm được như thế thì thật là vì chấn hưng lợi ích cho dân chứ không phải lấy của nhân dân. Ngày nay các nước trong thiên hạ đều theo phương pháp đó để làm giàu mạnh. Thiên hạ làm trước, mình làm theo sau, ai dám chê trách?

Lại xin để cho những nhà giàu ở gần cửa bể có thể mua tàu lớn vượt bể để chở những đồ vật nước mình dư không dùng đến đem bán ở các nước, rồi lại chở về những thứ thiết dụng cho nước mình và đánh thuế xuất nhập để tăng thêm những thứ cần dùng trong nước. Nếu người nào mua về được nhiều thứ có lợi cho nước thì cần nhắc mà ban thưởng để khuyến khích họ cố gắng thêm. Đây là một điều lợi lớn. Vì rằng, những hàng hóa mình có, trừ số cần dùng ra, còn thừa đem chở bán cho họ, họ lại bán cho nước khác, như thế họ không cần phải đến nước mình làm gì. Nếu họ muốn đưa hàng hóa sản vật của họ sang thì đã có tàu của nước mình đem về để mua bán trao đổi với người cùng quê hương xứ sở, chẳng dễ hơn mua ở nước họ hay sao? Như thế tự nhiên họ không cần phải tìm đến mình nữa. Sở dĩ họ tìm đến cầu thông thương với mình là vì người mình không thể đi xa mà thôi.

Có người nước ngoài nói rằng kẻ ấy rất độc. Nếu làm được thì không ngoài vài năm người Tây tự nhiên bỏ đất mà đi không cần phải đánh chác gì nữa. Vả lại họ đã dựa vào việc ta không ra khỏi cửa, nên dùng thế lực cướp lợi của ta, nay ta theo công lý để ngăn lòng tham của họ, lấy lợi của họ thì chắc rằng trong khoảng u u minh minh ấy trời sẽ thà lặng giúp ta vậy. Vì rằng, tạo vật quý trọng sự sống vô cùng, đã cho ta địa lợi tốt, lại cho ta nhân vật tốt, ắt sẽ giúp ta thịnh vượng để hợp thành ra sự đẹp tốt lớn trong vũ trụ. Vậy ta nên thuận theo chúa tạo vật đã mở đường chỉ lối mà biết lo lắng để chuyển tai họa thành hạnh phúc, chuyển thất bại thành thành công, đem hết cái trí khôn trời cho để khai thông mọi cái bí mật trên trời dưới đất. Kẻ hủ nho sao không biết thời thế biến chuyển, cứ câu nệ vào nghĩa lý sách vở, nói bừa bãi rằng: Triều đình mở cửa ngõ đón kẻ cướp vào. Sao không biết rằng: Lúc thời thế đã đến, không thể ngăn được, lúc thời thế đã đi, không thể chặn được. Tạo vật đã sắp đặt như vậy sao ta

không biết liệu cách tạm thời lưu thông với họ, để tự phấn đấu cho hợp với ý của tạo vật? Cửa bể của khắp các nước phương Đông tạo vật đã khai thông cả thì tại sao một mình nước ta lại có thể đóng kín được? Huống chi, việc lợi ích của một nước, quyền lực hành vi do vua nắm, và cùng với quốc dân chia sẻ mọi sự vui buồn. Mà trên đã có tạo vật thàm sai khiến, vua chỉ cần theo ý trời để làm mọi việc. Những việc lớn như lấy đi hay là cấp cho, biết đâu chẳng phải do tạo vật ngầm sắp đặt. Tạo vật đã nhân ái đối với vua để từ đó mở rộng đến muôn dân. Thế mà trước mắt, hơi thấy việc bất bình thì kẻ hủ nho biết gì mà dám chê bai trách

cứ? Tôi nói như vậy không phải để hòa với địch mà chính vì sợ bọn hủ nho không biết ý trời việc người. Trước đây bọn họ đã có những ý nghĩ sai trái, làm hỏng công việc, nay thời thế đã đến thế lại còn không biết giúp đỡ Triều đình, hợp lực đồng tâm để lo việc nước khiến Triều đình đã lo ở ngoài lại phải lo cả bên trong, thử hỏi như thế thì còn lòng dạ nào? Thử xem 5 xứ Ấn Độ năm Càn Long thứ 17 (1752) vì không chịu cho nước Anh một thành mà sau phải mất trọn cả nước, Miến Điện năm Đạo Quang thứ 4 (1824) vì không chịu cho Anh một mảnh mà sau phải mất nửa nước. Tất cả đều vì không biết người mình nên đến nỗi hỏng việc nước như thế. Sở dĩ, năm xưa tôi đã không sợ tội mà dâng lời bàn hòa, chính là vì có ấy.

III. Hiện nay cục diện chưa biết sẽ diễn biến đến đâu, tôi xin kính dâng điều khẩn cấp nhất trong bài Tế cấp luận, là tìm sự trợ giúp, có sự trợ giúp sẽ được sáu điều lợi lớn. Tôn tử nói: Dư sức đánh thì giữ, dư sức đánh mà lại có người giúp thì đã có sức mạnh. Huống chi nước ta nay đã không đủ sức đánh lẽ nào lại không cần sự giúp đỡ sao?

Trong tờ bẩm năm ngoái, tôi đã trình bày rõ ràng tình hình các nước phương Tây hiện nay giống như thời Chiến Quốc. Đó là một điều trong bài Phân hợp luận. Vua Đạo Quang nhà Thanh có nói: "Cái kế hay nhất để đánh địch không gì bằng lấy địch đánh địch". Theo tôi, nhìn chung các nước trong thiên hạ từ ba trăm năm trở lại đây tuy có nhiều cách có thể làm cho kẻ địch lâm nguy, nhưng cái cách bắn một phát trúng ngay, thì phải là lấy địch đuổi địch. Đó là lý do mà trong tờ Trần tình năm trước tôi nói việc khôi phục không phải tìm ở trong nước mà phải tìm ở ngoài thiên hạ. Bởi vì từ 15 năm nay tôi đã biết rõ chắc chắn phải có mối lo như ngày hôm nay, nên tôi đã ra sức tìm tòi học hỏi trí khôn của mọi người để thêm sự hiểu biết cho mình, chứ không phải chỉ mới một ngày.

Tóm lại, nói gộp trong một lời mà đủ ý tức là: Chỉ có lấy cái việc thiên hạ đã bị trúng quỷ kế của địch làm điều răn, để phòng địch, rồi lại lấy cái phương pháp mà địch đã bị trúng quỷ kế của thiên hạ để mà đuổi địch, thì không thể không thắng lợi. Vì rằng kẻ địch đã từng đi khắp thiên hạ, đã đem cái kế đó thi hành ở nước này mà trúng, thì lại đưa ứng dụng sang nước khác nữa. Nhưng thường thường cái kế của địch rất cuộc rồi cũng làm hại địch. Người hay lặn dưới nước tất phải có ngày chết chìm, đó là lý đương nhiên. Tạo vật là cha là mẹ của tất cả các nước, thì không nở để một đứa con nào đến phải chịu khốn khó. Nay tôi xin đem sáu điều lợi lớn trình bày như sau:

Thứ nhất là nhờ kẻ khác để ngăn chặn họ. *Anh và Pháp xưa nay vốn thù hằn nhau. Trước đây hai bên đã đánh nhau hàng trăm năm mãi không thôi.*

Cho đến nay hai bên vẫn chê cười khích bác nhau, cả nước đều như thế cả. Hiện nay vua Pháp đang ngấm ngầm tìm kế độc để báo thù việc vua Anh trước đây đã bắt đày vua bác (Napoléon) của họ ra tận đảo xa xôi. Người Anh lẽ nào không biết việc đó? Nhưng họ vẫn ỷnh nhẫn cộng sự với người Pháp vì họ còn e ngại nước Nga chực sẵn sàng sau đó. Hai con trâu không húc nhau ở bên cạnh con hổ, vì cái thế còn ngại hổ. Lại vào cuối đời Càn Long, nước Anh đánh nhau với Hợp Chúng Quốc (Mỹ), người Pháp đã dồn cả binh lực vượt biển sang giúp Hợp Chúng Quốc. Do đó người Anh đã không giữ được phải bỏ. Mối thù đó đã khắc thấu xương chưa tiêu. Vì vậy năm trước khi Pháp lèn vào Quảng Nam, Anh hay tin, cả nước xôn xao kêu ầm rằng Pháp uy hiếp ta, cho như vậy là không đúng. Hơn nữa ta từ xưa đã từng đi lại ân nghĩa với người Anh, sao không nhân đấy thông tin tức cho họ, rồi nhờ họ thông báo đến nước Nga, nước Áo nhờ các nước giải quyết giúp ta? Tuy nhất thời chưa chắc các nước làm ngay được, nhưng cũng nhân đó có thể ngấm ngầm tìm cách giúp ta hại Pháp. Pháp hại thì ta lợi. Đó là điều lợi thứ nhất.

Thứ hai là xui kẻ khác gây sự với họ. *Ở phương Tây thế lực hai nước Anh Pháp đại khái tương đương nhau. Pháp lợi về đường bộ, Anh lợi về đường thủy, không bên nào chịu nhường bên nào. Anh từ khi mất vùng đất Hợp Chúng Quốc, thì lại may mắn được nguồn lợi ở Ấn Độ. Nhân đó chiếm được năm cảng của Trung Quốc, nửa nước Miến Điện và các thương cảng lớn ở biển Đông, tự nghĩ có thể dùng thế lực đó trấn áp được Pháp. Duy có nước ta là hòa mục với Anh, Anh không có cơ để cướp nước ta. Pháp hận vì những miếng béo bở đã bị Anh phỗng trước nên nhân lúc Ấn Độ chưa hoàn toàn thuộc Anh,*

người bỏ thì mình lấy, cũng đã kiếm chác được năm thương cảng nhỏ. Nhưng những nơi đó không phải là hang rồng ngách hổ nên cũng khó đứng vững. Một mai có việc gì xảy ra ở phương Đông thì cũng khó thắng nổi Anh. Do đó, Pháp đã bắt chấp danh nghĩa, đột nhiên chiếm Gia Định và tự cho là tìm con rồng mà được ngọc. Hơn nữa, Gia Định vốn là nơi thiên nhiên hiểm trở, suốt một dải bờ biển đều là bưng biển rậm rạp, hiểm trở hơn nhiều so với các chỗ khác ở phương Đông, chiếm được chỗ này là đủ sức khống chế thiên hạ. Tóm lại, nguồn lợi ở phương Đông, đều đã nằm trong tay người Anh, chỉ vì đi sai một nước cờ mà thế lực bị phân tán. Điều đó chưa bao giờ người Anh quên được!

Nước ta phải dùng lời lẽ thật từ tốn và tiền bạc thật hậu sang nước Anh, nói hết những điều sai trái của Pháp, như trong bài bầm trước đây tôi đã nói rõ. Lại phải dùng những lời ngọt ngào viện dẫn các lý lẽ cứu nhược phù suy

để tán dương thế mạnh của Anh xem ý hướng họ thế nào. Nếu những lời nói đó được họ nghe thì sẽ nói tiếp rằng: Người Pháp không nói lời lẽ gì minh bạch trước mà tự nhiên đột nhập lên đánh chúng tôi một cách bất ngờ. Nay người Anh đến giúp chúng tôi một tay khôi phục lại, chúng tôi sẽ vui lòng nhường quý quốc một thương cảng lớn, ký thác vĩnh viễn và sống như anh em với nhau, như Trung Quốc với Bồ Đào Nha trước đây vậy. May mà trời cho gặp cơ hội, Anh sẽ nhân lúc Pháp chân đứng chưa vững, đem những lý lẽ phải trái tuyên truyền sâu rộng khắp các nước làm chứng cứ, thì sẽ mau chóng ép buộc được Pháp. Thế của Anh thì mạnh, mà thế của Pháp thì yếu. May ra việc thành ta và Anh đều có lợi, còn không thành thì họa đã có chỗ chịu. Nếu bảo rằng cái kế đó cũng chỉ là cách rước sói vào cửa sau mà thôi, như thế tức không biết rằng ở đời nếu phải tai họa thì hãy chọn lấy cái họa nhỏ. Mất dê mà được trâu thì ai không thích cái mất ấy? Người Anh tuy thích vùng vẫy xâm lược phương xa, nhưng cũng thường giữ lễ nghĩa, chứ không hay phản phúc bất thường như người Pháp. Vả lại khi họ đuổi được Pháp rồi họ cũng khỏi lo bị chèn ép nữa. Dù không được thương cảng nào họ cũng vui lòng, huống chi ta cam kết giữ lời hứa, lẽ nào họ lại được thế hại ta? Mà giả sử điều đó xảy ra thì biết đâu Pháp sẽ chẳng tự họp các nước để đánh lại Anh? Như thế, Anh sẽ phải theo lời giao ước mà dừng lại, chẳng phải chỉ vì lý mà còn vì cả chính họ nữa. Hơn nữa tâm địa người Anh rộng rãi, không biết chừng còn trả lại cho ta mà không cần lấy đất nhượng, để được tiếng thơm trong thiên hạ. Như năm xưa họ đã từng làm năm, sáu việc giống như vậy. Tuy đến nay họ còn hết sức bảo hộ là vì

không bỏ người ta nửa đường. Anh đã đối xử với các nước như vậy, lẽ nào lại không đối xử được với nước ta? Nhưng điều đó cũng còn tùy thái độ nước ta đối đãi với họ như thế nào trước đã. Nếu việc này thành công, đó là điều lợi thứ hai.

Thứ ba là nhờ người khác để ly gián họ. Anh và Pháp xưa nay vẫn ghen ghét nghi ngờ nhau, tuy tạm thời cộng tác với nhau, nhưng Anh vẫn giành phần hơn: về các phép dùng binh, trị dân và bất kỳ các việc lớn nhỏ hai nước đều xung khắc nhau. Hễ vì lợi mà hợp nhau thì khi lợi hết ắt phải lìa nhau. Cứ mỗi khi Pháp có mưu đồ gì khác thì Anh tìm cách ly gián (Có nhiều việc không thể kể hết). Anh lại khéo giao thiệp, còn Pháp thì ít chơi thân với ai. Ít chơi thân thì đa nghi, đó là lý tất nhiên. Nay nếu ta năng đi lại với người Anh hoặc thăm viếng, hoặc mua bán, hoặc học tập những văn hóa lễ nghi của họ một cách nhiệt tình thân thiết hơn đối với người Pháp thì người Anh cũng sẽ đối xử với ta một cách xứng đáng. Cái kế của ta đó, chưa chắc người Anh đã nhất nhất giúp ta hoàn thành, vì còn tùy cơ hội khó hay dễ. Nhưng dù sao

người Pháp thấy ắt sinh nghi, cho rằng người Anh đã đem hết những mưu mô quỷ quyệt, những việc làm ác độc của họ nói cho ta biết rồi và còn bày vẽ cho ta những kế thâm độc (Có hai kế phương Tây đã lập minh ước với nhau là không bày vẽ cho người khác) để làm hại họ, để hả lòng căm thù. Họ còn lo sợ người Anh sẽ nhân đó dụ ta đem mối lợi của họ chia cho người Anh vì họ biết rõ người Anh khéo thu phục nhân tình họ khó bì kịp. Đó chính là lý do khiến cho tờ hòa ước năm trước có một điều nói rằng: Có bằng lòng cho cắt đất mới được cắt đất. Nhưng cái kế ấy của người Pháp là quá tham lam và có chỗ không thể thi hành được. Bởi vì ở phương Tây không có cái luật ấy, không có lý gì chưa lấy hết được đất mà đã có quyền như vậy. Nay nếu ta đem điều ấy nói với người Anh chắc người Anh sẽ giúp ta phân giải. Như thế, người Pháp lại tưởng rằng ta đã đem những việc làm sai trái của họ nói hết với người Anh, như việc năm trước họ đã lái tàu vượt biên giới bắt Quản Tiến đày ra ngoài đảo xa. Quan của họ đã từng nói đó là việc làm rất sai trái, nếu nước Nam đem chuyện này nói với người Anh, người Anh sẽ không tha thứ đâu. Như nay ta đã giao thiệp mật thiết với người Anh, tuy người Anh chưa hẳn đã táo bạo gây khó cho Pháp, nhưng cái thế rồi dần dần cũng sẽ đến. Như vậy người Pháp biết ta đã có người giúp tay, lại có trình thám dò xét mọi động tĩnh của họ; lại bị ta dùng kế bủa lưới bao vây bốn phía (Có nhiều điều, nay chưa kịp nói); lại biết lực lượng của ta dần dần đủ để chống lại họ; lại biết ta đã phá vỡ mưu kế của họ; lại biết ta phải mà họ trái thì phải sợ

mà chùn không dám hành động nữa. Sau đó sẽ nhân cái tệ của họ mà ta thực hiện mưu kế thì cũng dễ dàng thôi. Nếu không thì như bài bảm năm trước tôi đã nói đến hai con đường phía nam thông Cao Miên, phía bắc thông Vân Nam. Hiện nay ba tỉnh ngoài họ đã không trả, ba tỉnh trong lại lăm le muốn lấy, rồi tương lai sẽ gây biến động gì nữa, cứ suy việc trước ắt biết. Nay nếu thực hành cái kế đó người Pháp sẽ nghi ngờ mà xa lìa người Anh. Ta sẽ lợi dụng tình trạng đó mà xoay trở công việc. Đó là điều lợi thứ ba.

Thứ tư là nhờ nước khác lấy danh nghĩa mà áp chế họ. Cái kế mưu sinh lớn của các nước phương Tây quá nửa là do lấy từ nước ngoài. Bồ Đào Nha là nước khởi đầu việc đó, rồi các nước khác tiếp theo sau. Phàm trên thế giới, tất cả những chỗ nào có nhiều lợi lộc chúng đều trở mắt vén tay chực mưu tính cả. Mỗi lợi nào chưa vào tay thì sợ người khác phỗng, khi đã lọt vào tay rồi thì sợ người đến sau giật lấy. Mình có thì không muốn người khác cũng có như mình. Mình không có thì không muốn người khác có. Vì sợ rằng bên này lợi thì bên kia hại, bên này thịnh thì bên kia suy, cho nên cài mưu kế tung hoành không hện mà gặp. Phàm nước nào hiệp ước người vô lý thì các nước sẽ hiệp lực với nhau để đánh lại. Trước hết lấy danh nghĩa ra mà trách, nếu biết trái mà dẹp thì thôi. Hiện nay các nước nhỏ ở phương Tây và các nước khác trên thế giới đã từng bị phương Tây xâm lăng ngược đãi, không nước nào không dùng kế này để cầu an. Thường thường các nước lớn hay đánh lẫn nhau mà các nước nhỏ thì ngồi xem thành bại, không hề mất một mũi tên, những chúng có như thế rất nhiều không thể kể hết. Ngày nay, nếu ta biết qua lại giao thiệp với các nước lớn phương Tây, gây được mối tình cảm, rồi dùng cái xảo kế để ly nước này, hợp với nước kia. Người Pháp dù muốn thừa cơ hội nhưng nếu các nước chịu tuyên bố giúp ta một lời thì người Pháp cũng sẽ lo sợ không dám làm càn, sợ động đến sự phẫn nộ của các nước, họ còn sợ các nước sẽ nghĩ đến việc báo thù vua bác của họ trước đây đã tiến binh chinh phạt (ông vua này (Napoléon) đã diệt Hà Lan, phé Y Pha Nho, lấy Bồ Đào Nha, thôn tính Ý Đại Lợi, Thụy Sĩ, các nước Nhật Nhĩ Man (Germanie), quá nửa Phổ Lỗ Sĩ, lấy các nước Áo Đại Lợi, Ách Nhật Đa (?), Đan Mạch và xâm nhập thủ đô của người Nga. Những việc này xảy ra năm Gia Khánh thứ 10 - 1805). Nếu người Pháp vì quá tham mà không nhả thì các nước sẽ dồn lực để thực hiện lời tuyên bố trên. Tiếng là làm việc nghĩa nhưng thực ra là để báo oán đấy. Rồi ta lại qua nước La Mã thông hiếu với Giáo hoàng. Giáo hoàng tuy không dùng binh quyền nhưng thực ra là người chiết trung mọi việc tranh chấp của các nước và vốn được các nước khâm phục chiêm

ngưỡng. Nếu Giáo hoàng cũng cho việc giúp ta là phải, thì mọi người đều vui lòng thực hiện, ta không lo người Pháp không nghe. Nếu kể đó thi hành được, thì sớm muộn ta cũng thoát khỏi sự ràng buộc của người Pháp như các nước vậy. Đó là điều lợi thứ tư.

Thứ năm là nhờ các nước để đề phòng các nước. Kế này rất là lâu dài, cũng rất thượng sách. Không đầy mười năm sau ta lại có mối lo khác, cho nên nếu ngày nay sớm biết đề phòng, thì ngày sau mới có công hiệu. Bởi vì người phương Tây thường hay nhân lúc người ta có nội loạn mà cướp đoạt mối lợi ở ngoài cửa người ta. Cũng có khi vì xa không trông coi được mà dùng cách lấy xa đối gần. Những quyền lợi ở phương Đông hiện nay mười phần đã thuộc về nước Anh đến sáu, bảy rồi. Duy có Y Pha Nho chỉ còn Lữ Tống, Hà Lan chỉ còn Trảo Oa và linh tinh một số nhỏ nữa mà thôi. Còn người Nga thì đã bao chiếm tất cả miền Bắc của phương Đông. Nhưng sự thông thương sang phương Đông của người Nga phải theo đường bộ, nên chậm, còn người Anh thì theo đường biển nên nhanh. Hiện nay Đại Thanh đã cho người Nga phân nửa đất đai phía Bắc Cát Lâm. Các vùng thuộc Hồi giáo ở Tây Vực cũng đã nhập vào bản đồ nước Nga hết cả rồi. Ý đồ của người Nga sẽ còn muốn dòm ngó cả Ấn Độ nữa. Nói về lực lượng thì người Anh không bằng người Nga, nhưng nói về kỹ thuật thì người Nga không bằng người Anh, mà sau người Anh là đến người Pháp. Việc chiếm đoạt phương Đông, Anh, Nga đến trước, Pháp đến sau. Hơn nữa, hiện nay vua Pháp đang âm mưu làm một việc mà cả phương Tây rất ghét và tạo vật cũng rất kỵ. Ở phương Tây từ trước đến nay chưa nước nào phạm việc đó, mà không bị bại loạn cả. Vì vậy hôm trước tôi đã bầm với Phạm (Phú Thứ), Ngụy (Khắc Đản) hai đại nhân nên lấy kỳ hạn mười năm để khôi phục chính là vì lẽ đó. Nhưng ta với Pháp thì xa mà Anh với Pháp thì gần, nếu xảy ra việc gì thì chỉ trong một ngày có thể biết ngay. Đem binh lính hùng cường của phương Đông dồn hết lực lượng ra tranh hùng với người Pháp để bù lại sự thua thiệt trước kia, đó vốn là cái ngón thường dùng của người Anh. Tất cả những nước Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Y Pha Nho, Đại Ni Á có những thương cảng ở phương Đông và phương Nam xưa kia, nay đã thuộc về Anh đến 8, 9 phần 10 rồi. Ấy là do lấy cái này đổi cái kia, hoặc nhân lúc suy yếu mà nhường đất cho Anh để mong ngày sau sẽ chuộc lại, hoặc thấy người Anh có ý vậy nên không đánh nữa mà tự rút lui để giữ nhân tình. Ba trăm năm nay giữa các nước những chuyện trao cái nọ đổi cái kia, cướp đi giật lại, có khi một thị trường nhỏ mà thay đi đổi lại như thế đến mấy chục lần. Người Anh tuy thường giữ lễ nghĩa nhưng trong bụng vẫn thèm muốn cái thiên nhiên hiểm yếu Gia

Định của ta, ý đó chẳng phải mới một ngày đâu. Một mai, nếu người Pháp có việc gì người Anh sẽ lấy một thương cảng nào đó ở Tây Châu (Mỹ) gần thuộc địa của Pháp để đổi cho Pháp. Nếu không, xem ra cái thế có thể cướp được thì cướp đoạt luôn để bao chiếm hết cả những chỗ quan trọng của phương Đông. Thế là cả miền đất đai ấy không người này chiếm thì người kia chiếm. Nếu ngày nay ta biết giao hảo với người Anh trước để đề phòng đường biển, sau sẽ thông thương với nước Nga để đề phòng đường bộ. Cho dầu sau này thời thế biến đổi thì trước kia người Anh đã lấy cái việc người Pháp tìm có cướp nước ta cho là trái lẽ, mà nay lại thủ tiêu tình bạn bè để cướp nước ta mà cho là phải hay sao? Vả lại, trước kia người Anh đã có cảm tình nồng hậu đối với ta mà hết lời tán dương chính nghĩa của ta để giải thoát cho ta. Việc đó cả thiên hạ đều nghe thấy. Thế mà nay lại thấy lợi quên nghĩa. Thế thì trước kia người Nga cũng đã từng có cảm tình với ta, nay thấy việc bất bình như vậy biết đâu chẳng vì ta mà từ Tây Vực choàng ngay vào sào huyệt của Anh? Nếu sớm dùng kế này thì không những tính trước được lâu dài mà cũng do đây đạt được cái lợi gần như nói trong bốn điều trên. Nếu không, cứ sợ đuổi Tần này lại sinh một Tần khác, cứ nghĩ rằng một lần ngã còn được, ngã lần nữa thì bị thương. Đó mới thật là mối hại lớn. Mưu trí của người quân tử để lại chẳng riêng cho bản thân mình mà cốt để cho con cháu. Huống chi đây là việc nước vô cùng trọng đại lẽ nào không sớm lo liệu hay sao? Đó là điều lợi thứ năm.

Thứ sáu là dùng người khác để đánh họ. Ta đã thực hành năm cách trên đây để cầu giúp từ bên ngoài, như con rết một trăm chân không ngã là do có nhiều chân vậy. Sau đó mới nhờ người ngoài để giúp đỡ bên trong. Nay nhìn sang phương Tây thì dù đứa bé con cũng hiểu được cái tâm lý là hai nước mạnh không chịu thua nhau, chứ không phải chỉ riêng Pháp mới như thế. Nếu ta đi lại với Anh, biết rõ tính tình của họ rồi chiêu mộ những người Anh sống lưu vong ở hải ngoại, cho họ tiền của, cư xử tốt để được lòng họ, rồi nhờ họ huấn luyện binh lính quân ngũ cho ta (Binh pháp của người Anh rất giỏi). Những người này không suy nghĩ gì viễn vông cả, hễ được thỏa thích là họ xông lên, không như quân ta sợ trước ngó sau. Huống chi đây lại đối đầu với kẻ mà họ ghét, xuống tay với kẻ tương tranh. Cho nên trước đây khi Pháp nghe đồn nước ta thu nuôi người Anh, họ rất lo ngại. Vì họ vốn có bụng sợ quân Bắc Kỳ một vài phần, nếu có người Anh đốc suất điều khiển nữa thì họ càng thêm nao núng. Bởi vì họ đã biết rõ những người này có thể liều chết vì người khác, lại giỏi dụng binh, giữ thành. Các nước sở dĩ chống được với phương Tây cũng đều

dùng kế đó. Như trong thời Càn Long, người Anh đã lấn dần như tầm ăn cả bốn miền Đông, Trung, Tây, Nam của Ấn Độ, duy chỉ có miền Shikhs bắc Ấn Độ dùng người Pháp làm tướng, cho nên người Anh thu giáo về bàn chuyện hòa hiếu, chưa dám manh tâm. Đợi đến khi viên tướng Pháp kia chết người Anh mới đem quân xâm nhập cắt chiếm hơn nửa phần đất. Lại như các nước Tây Châu (Mỹ) giải thoát được bàn tay độc của phương Tây phần nhiều cũng dùng kế đó. Vả lại ngày nay ta dùng kế đó là cốt để tự cường bên trong. Con mãnh hổ có mặt trên núi thì bầy cáo không dám ngấp nghé. Nhờ đó việc dẹp giặc loạn bên trong không khó mà đề phòng hoạn nạn bên ngoài cũng dễ. Vì rằng người Pháp biết ta đủ sức phục thù tất sẽ tự hợp các nước khác để ứng viện. Nhưng ta đã được sự đồng tình của các nước rồi, thế tất các nước cũng nhân đó mà ngăn chặn lại. Nếu người Pháp thấy phải mà không chịu nghe cứ muốn cướp nước ta, thì sẽ bị cô thế không ai chi viện, còn lực lượng của ta thì đã được củng cố, như thế cũng chẳng đáng sợ. Huống hồ người Anh đã ở với ta thì chính phủ Anh tất phải theo giúp, nếu để thua sẽ tổn hại uy danh. Hiện nay Pháp đem thêm quân lính sang và tương lai những binh thuyền sở thuộc ở phương Đông cũng sẽ dần

dần tập trung về Gia Định để làm cái thế chiếm đóng chỗ trọng yếu. Thêm vào đó Y Pha Nho ngày nay đã mất hết quyền ở các nước thuộc địa Tây Châu, chỉ còn đảo Lữ Tống ở phương Đông mà thôi, đảo này lại ở gần Bắc Kỳ ta. Y Pha Nho là một nước rất sùng mộ đạo giáo, gần đây nghe tin ở miền Bắc việc giết giáo dân chưa yên, cũng sẽ nhân có đó mà trách ta không giữ đúng lời hứa, để rồi sẽ giúp nghịch đảng chống ta. Còn người Pháp nhân nay nghe tin quân Bắc vào Bình Thuận, mai nghe quân Bắc vào Gia Định (Tin đồn này do các thương thuyền phía Nam Quảng Nam vào Gia Định tung ra) thì tất cả những ông quan muốn lập công ở hải ngoại sẽ tâu lên loạn xạ để chứng minh cho lập trường của họ. Ngoài ra còn có bọn giặc ở phía Bắc luôn luôn qua lại hai nước, dùng lời xảo quyệt để thực hiện mưu đồ của chúng. Vậy nay ta phải xử sự cho khéo, bình tĩnh đề phòng đừng để hai nước tìm được chỗ hở nào của ta cả. Lại phải thông hiếu gấp đừng để chúng kết hợp lại với nhau, phải gấp rút chiêu mộ những tay vong mệnh để áp đảo khí thế của họ, trước hãy làm cách không thể thắng để chuẩn bị thắng địch. Đó là điều lợi thứ sáu.

Đã thực hiện được sáu điều lợi rồi, dần dần có cơ hội, tôi xin đem các điều ngầm ngầm làm tổn hại địch trong bài Tế cấp luận ra thực hiện dần dần thì sẽ như lấy trăm kim mà chích làm họ nằm ngòì không yên. Sau đó bời luôn cho một nhát dao thì thế nào cũng chết. Huống

chi Tế cấp luận là thâu tóm trí khôn của thiên hạ 500 năm nay, đâu phải chuyện một ngày có thể làm được hết. Một nước dùng kế trong một nước cũng đủ chả cần phải mượn tài ở nước ngoài. Nhưng muốn chế ngự thiên hạ thì cũng phải dùng mưu trí của thiên hạ mới được việc. Bởi vì đại thế trong thiên hạ thường cứ sáu, bảy trăm năm có một lần biến đổi lớn, thì cái trí thuật cũng theo thời thế mà tăng, việc làm cũng theo thời mà định liệu. Nếu lợi cho dân thì không cứ phải theo xưa, nếu thích hợp không cứ phải theo cũ, nếu học điều khôn thì không cứ là của địch hay của ta. Kinh dịch có nói: Khi con rồng đang nằm ẩn náu thì không nên dùng nó. Câu ấy có nghĩa là không nên trái thời.

Những điều trên đây là trình bày đại thế, nói chung là trước thuận theo sự đặt định của tạo vật, sau ra sức thực hiện để cứu vãn tình thế. Vậy muốn áp dụng kế này phải gấp rút khai thác các nguồn lợi và phải nhờ người khác giúp sức. Các mưu kế đó nếu được gấp rút ứng dụng thì dần dần sẽ thấy kết quả. Nếu chậm ứng dụng thì dù chậm đến đâu cũng không thể nào bỏ qua không dùng những kế đó, mà có thể chống lại được với địch. Còn như tự triều đình thấy mưu kế chước thuật gì hay hơn, điều đó tôi không dám biết. Nhưng theo kiến thức của tôi thu thập được trong thiên hạ, thì nếu bỏ kế đó sẽ không có kế sách nào khác nữa. Hơn nữa dùng kế này không những chống được Pháp, mà còn đề phòng được thiên hạ. Nếu cho rằng kế này quá phiền phức mà chậm, tức không biết rằng muốn thành việc lớn phải đấu tranh hàng trăm năm, chứ đâu phải một hơi mà được. Trên thế giới có nhiều nước nhỏ đã thực hiện được, sao ta lại không làm được?

Trong bài có nói về các điều khoản khai thác nguồn lợi dù kẻ địch có biết cũng không hại gì. Còn như các điều khoản nói về người giúp đỡ, nếu tiết lộ ra khiến họ tìm cách ngăn chặn ta sẽ khó thực hiện được ý muốn, cho nên phải hết sức cẩn thận. Còn như sẽ làm theo đường lối nào và sử dụng ngôn ngữ gì thì tôi sẽ cùng với ông Nguyễn Hoàng xin hết sức làm để giúp muôn một.

Nay kính bảm. [\[40\]](#)

Trương Định, Trương Tuệ và bản thảo thư gửi Tây soái của Nguyễn Trường Tộ

Dưới triều Nguyễn, đất nước ta lâm cảnh rối ren tột bậc ở buổi đầu Pháp đến xâm chiếm: năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh phá Đà Nẵng; năm 1859, liên quân ấy vào đánh chiếm thủ phủ Gia Định (Sài Gòn); năm 1862, Phan Thanh Giản ký hòa ước Nhâm Tuất nhượng cho Pháp ba tỉnh Gia Định - Biên Hòa - Định Tường và Côn Đảo làm thuộc địa; năm 1863, sứ đoàn Phan Thanh Giản đi Pháp mưu cầu chuộc lại những tỉnh đã mất; năm 1864, Aubaret tới Huế thương lượng hiệp ước để Việt Nam chuộc lại ba tỉnh đã nhờ nhượng cho Pháp, nhưng sau chính phủ Pháp lệnh cho Aubaret hủy bỏ cam kết; năm 1865, thực dân Pháp âm mưu chiếm nốt ba tỉnh miền tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) và xúi giục những thành phần bất hảo mạo danh hậu duệ nhà Lê gây rối loạn ở Bắc Kỳ...^[41].

Đương thời nước ta theo chế độ quân chủ chuyên chính: vua là con trời, quyết định mọi việc quan trọng kể cả việc phong thần mang tính tâm linh, hướng là việc chiến hay hòa. Ở thời điểm này, vua Tự Đức đang ở tuổi 25-30, đích thân trị vì với sự bàn bạc hay tham gia ý kiến của đình thần mà chủ yếu là Viện Cơ mật gồm các thượng quan như: Trương Đăng Quế, Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, Đoàn Thọ, Vũ Trọng Bình, Trần Tiễn Thành, Nguyễn văn Phong, Phan Huy Vịnh, Phạm Phú Thứ, v.v... Tuy nhiên, quyết định tối hậu như hòa hay chiến, chiến thuật hay chiến lược... đều do Tự Đức khuyến dụ ban hành, đôi khi ngược lại đề án của Viện Cơ mật. Sau đây là mấy thí dụ: Tháng 7 năm Bính Dần (1866), sử *Thực lục* ghi: "Tuần phủ Thuận Khánh là Hoàng văn Tuyển tâu nói: gần đây nghe nói Võ Duy Dương và bọn Trương Tuệ (Tuệ là con Trương Định) ngầm đến Thượng du hội với bọn còn sót lại của tên Bướm (nhà Cách mạng Campuchia) mưu khởi nghịch. Vua bảo Viện Cơ mật rằng: lũ tên Dương lòng hấn thế nào chưa dễ biết rõ, nhưng cũng là do lòng công phẫn mà ra, có thể mới có thể ràng buộc lòng người, để dùng về sau, cho đi tuần bắt cũng chẳng qua để cho vui lòng nước Pháp mà thôi, giết đi thì cũng đáng

tiếc, người không biết thì bảo là phụ ân, trước bắt đắ dĩ đã mất một *Phan Huân (Thủ Khoa Huân)*, lòng trầm vẫn áy náy, chưa biết quan kinh lược và quan tỉnh cũng đã biết rõ ý ấy làm cho thỏa đáng hay không? Nếu nhận là việc thật, thì thất sách nhiều lắm. Bọn chúng quen đánh không sợ, tuy sức ít không làm nên việc, nhưng khí khái đáng khen, hưởng chi lữ tên Dương nếu được địa lợi, đủ quân đủ lương, biết đem dùng hấn thì người đã quen, tưởng cũng được việc, nếu vờ hấn đến xử trí cho khéo, ngõ hầu là lưỡng toàn. (*Huân* là người Gia Định, đỗ cử nhân ra ứng nghĩa)"^[42].

Về trường hợp *Trương Định*, sử *Thực lục* viết: "Cho ruộng thờ cúng lãnh binh đã chết là Trương Định. Khi bấy giờ Bộ chính sứ tỉnh Quảng Ngãi là Trà Quý Bình tâu lên nói một nhà Trương Định, cha con trung nghĩa trên soi xét đến biết đã lâu, xin cấp cho ruộng thờ cúng, để sung vào đèn hương, *Viện Cơ mật* xét lại, cho là người trong Nam mộ nghĩa như Trương Định thì có nhiều, chỉ thành tích chưa được hoàn toàn, nên đều chưa được xét đến, nghĩ nên đợi sẽ thi hành sau.

Vua không nghe, chuẩn cho ban cấp ngay 5 mẫu ruộng thờ cúng (Trương Định là người huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, nhưng trích ruộng ở nơi cận tiện chỗ ở để cấp cho) lấy người họ viên ấy là Văn Hồ làm thừa tự, trông coi cày cấy để phụng thờ, vợ của viên đã chết ấy (Thị Thường) tuổi đã già không nương tựa vào đâu được, chuẩn cho quan tỉnh cấp dưỡng cho đủ (mỗi tháng cấp tiền 20 quan, gạo 2 phượng), đến nay lại chuẩn cho sau khi chết cấp cho 100 quan tiền"^[43].

Thực dân Pháp truy lùng gắt gao nghĩa quân chống Pháp kể cả sau hòa ước Nhâm Tuất, như các lực lượng nghĩa quân Trương Định, Trương Tuệ, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực, v.v... Pháp cự nự triều đình Huế tại sao vẫn ngấm ngầm dung dưỡng nghĩa quân chống Pháp. Thượng thư Bộ binh Trần Tiến Thành đề nghị Nguyễn Trường Tộ soạn thảo một công văn trả lời Thống soái Pháp về vụ việc này. Tự Đức rất hài lòng và khen ngợi văn kiện ngoại giao lịch sử đó mệnh danh *Thảo thư gửi Tây soái* (Di thảo số 10). Xin trích dẫn nguyên văn^[44].

Trước đây chỉ vì bản triều chưa hiểu rõ sự thế phương Tây, mà quý soái trước kia (khi ở Đà Nẵng) lại đến đột ngột, không nói rõ ràng làm cho bản triều không hiểu, đến nỗi bắt đắ dĩ phải đem binh tôi ra chống đỡ. Đó cũng là do tình thế bất buộc. Mong quý quốc cũng không vì thế mà trách giận lâu dài. Kế đến khi gác giáo bàn việc giảng hòa quý quốc đòi phải tạm cắt đất bồi thường chiến phí, bản triều đã lập tức nghe

theo, chính vì muốn giương cao uy danh của quý quốc, mà cũng vì tin tưởng sau này quý quốc cũng sẽ hiểu rõ tình hình giao hảo của bản triều mà cho thương thuyết châm chước trở lại. Xưa kia, vua Anh Cát Lợi có nói: "Ta chưa lên giường ngủ thì chưa dám cởi áo". Chúng tôi nghĩ rằng quý quốc vì thấy bản triều hiện tại chưa rõ sự thế, nên tạm thời bắt phải cắt đất bồi thường để đợi khi nào bản triều hiểu rõ đại thế quý quốc, cùng nhau liên hợp lâu dài, cho nhân dân hai nước chung hưởng hạnh phúc hòa bình, thì quý quốc khi đó sẽ lấy tình mà cư xử, để bản triều và các nước thấy rõ tấm lòng quý quốc là đợi lúc "có thể cởi áo thì cởi" chứ vị tất đã có cái thâm ý mặc mãi chiếc áo đó. Nếu không, lẽ nào quý quốc chưa bao giờ mới đến xứ nào đã đối xử nghiêm khắc ngay với xứ ấy mà lại riêng đối xử với bản triều sao? Có lẽ tình không phải vậy mà thế phải làm như vậy. Hiện nay tình giao hảo của bản triều đối với quý quốc thật giả ra sao, dân sự nhân cái có đó mà bất an như thế nào, quốc kế chấp vá hao hụt như thế nào quý soái cũng đã rõ. Ba tỉnh thuộc quý hạt, dân chúng chưa đồng lòng, khó bề sai khiến. Tuy với thế lực của quý quốc, kinh doanh tổn kém lâu rồi mà còn như thế, thì tình hình ba tỉnh trong như thế nào cũng có thể suy ra mà biết được. Dân thuộc quý hạt đã am hiểu phong tục luật lệ bản triều nay bỗng chốc thay cũ đổi mới tất sẽ cho là chướng tai gai mắt. Hơn nữa lại có những kẻ dựa thế hại người, nay thì phao tin nói quý quốc sắp thi hành những chính sách tàn bạo hại dân, mai lại nói bản triều sắp tiến hành khôi phục để giết dân, khiến đến nỗi dân tình Nam Bắc nghi ngờ sợ hãi. Phàm những chuyện đồn đại như thế không phải ít gì, tưởng quý soái cũng đã biết rõ. Như thế thì chẳng những quý quốc khó bề quản trị, mà bản triều cũng bị hại lây. Dân ở quý hạt và bốn phía xung quanh đã từng được quý quốc dạy dỗ dẫn dắt lâu mà còn như thế thì những nơi xa xôi và ở những miền man mọt sẽ như thế nào. Roi dài vẫn không vươn tới được, đó là việc dĩ nhiên. Tuy quý quốc gấp rút việc đưa đuổi nơi xa ngự trị lâu dài để cầu đạt sự mong muốn lớn, tuy bản triều gấp rút xóa bỏ những lời gièm pha, mở lòng thành thật với quý quốc để cùng chung hưởng điều lợi, nhưng hai bên vẫn còn một đường ngăn cách. Không có cách giải quyết khéo léo để xóa bỏ đường ngăn cách ấy thì làm sao liên hợp với nhau được? Bản triều thiết nghĩ quý quốc phàm đến nước nào cũng trước dùng uy rồi sau thi ân, trước nắm lý

rồi sau cư xử bằng tình. Uy và lý là tạm thời, ân và tình là trường cửu. Uy và lý là để mở cửa cho ân và tình. Khi đã vào khỏi cửa rồi thì như một nhà sum họp vui vẻ cùng nhau, thế là lấy cái ân tình trường cửu mà bù lại cái uy lý bất đắc dĩ trước kia. Đâu có chuyện vì những lời

đồn đại vu vơ mà nở nở cái lòng chân thành thiện đạo vốn có của quý quốc? Bản triều thật đã thấy rõ như vậy, nên ngày đêm suy nghĩ mong sao mối quan hệ với quý quốc đã thân lại càng thêm thân, để chặt đứt đường ngăn cách ấy đi, và trong bụng cũng thành thật tin tưởng quý soái sẽ rộng lượng không vì những lời phao đồn mà mất tình hữu nghị. Thật như thế từ nay về sau, hai bên có thể lấy quyền lực của vua mà điều hòa sắp đặt, hóa khó thành dễ, biến dị thành đồng, nơi có bù nơi không, nhân dân tương trợ lẫn nhau, bản triều với quý quốc tuy hai mà như một. Thế lực của bản triều là thế lực của quý quốc. Sự cường thịnh của quý quốc tức là sự cường thịnh của bản triều. Con rết trăm chân thì không ngã. Như thế thì có nước nào dám khinh miệt được? Vì rằng người bình thường muốn giao đấm với nhau phải dựa vào tình bạn mới thành. Nếu cứ thù nhau mãi đời thì người ta phải tìm người bạn khác để làm kẻ thân thiết để giúp đỡ lẫn nhau, chứ có ai sống cô lập không cần sự giúp đỡ mà thành được việc đâu. Bản triều thiết nghĩ hiện nay các nước phương Tây đại loại đều như thế, cho nên thiết tha muốn được ít nhiều "gần đền thì sáng" ngõ hầu mãi mãi nhờ thanh thế của quý quốc mà mở mày mở mặt trong thiên hạ, và quý quốc cũng có thể nương cậy lâu dài vào bản triều như là phen giậu che chở cho quý quốc để gây ảnh hưởng rộng lớn ở phương Đông. Hai nước liên hợp với nhau lâu dài, chung nhau điều hay, món lợi, thì những điều sở cầu của quý quốc mới hợp với lương tâm, và giữ gìn được bụng ăn ở tốt đối với bản triều, để cho thiên hạ biết rõ quý quốc không phải lấy thế lực đàn áp người như các nước khác. Như thế thì bản triều sẽ tránh được cái tiếng xử sự hẹp hòi, khỏi phải chờ đợi gì nữa. Việc đó cũng do tự ý quý quốc thi hành ra trước đã. Bản triều lại thấy rõ người phương Tây phàm đến xứ nào thì trước hết dù có dựa vào thế lực của mình để chiếm cứ thị trường, nhưng cuối cùng cũng phải dựa vào quyền lực của xứ đó để kinh doanh khai thác, chứ chưa hề thấy đồn người cả nước mình đến đấy, bỏ cái gốc mà lo cái ngọn bao giờ. Giả sử vua xứ ấy không hiểu lẽ tương thông cứ dấy binh chống mãi thì cuộc tương tranh cũng không chấm dứt được. Cái thay vì để nuôi người giờ trở thành cái hại người. Cho dẫu có quyết đánh lấy người ta cho được thì cũng chỉ tạm một thời mà thôi và cái được cũng bù vào cái mất, người bị hại nhưng đâu phải ta chỉ có lợi mà không có hại? Cuối cùng vật gì quá cực độ của nó thì sẽ phản ngược trở lại. Đâu có thể nào an nhiên tọa hưởng mãi trên đất xứ người ta? Như các nước ở Tây Châu là những bằng chứng cho điều này vậy. Bản triều đã hiểu rõ lý lẽ ấy cho nên không chịu để mất cả hai, bản triều chẳng những muốn mình vẹn toàn mà còn muốn cho

người vẹn toàn nữa, vì thế cho nên mới có đoạn tâm tình trên đây. Mong quý soái hiểu cho lòng thành thật của bản triều. Vì rằng những sự thế này không thể đem miệng lưỡi giả dối ra mà nói được. Cách ngôn nói: "Biết trước đã rồi sau mới muốn". Bản triều đã biết rồi, nên mới muốn như vậy. Thiết tha mong quý soái đừng vì việc đã qua mà nghi ngờ việc sau này, để tăng thêm sự điều đình hơn nữa để bản triều giữ được vẹn toàn nghĩa liên hợp lâu dài, và quý quốc cũng mãi mãi tránh được cái tiếng lấy thế lực chèn ép người. Như thế thì hai triều đình sẽ có kết thông đồng, và đại hoàng đế quý quốc với đại hoàng đế bản triều mãi mãi giữ được tiếng thơm trong thiên hạ, nhân dân hai nước lấy tình thân ái lễ nghĩa đối đãi nhau, chung nhau mỗi lợi cũng như sự vui buồn, như người trong một nhà. Như thế là tốt đẹp, quý soái có nghĩ như vậy chăng?

Nay kính

Ngày tháng 2 năm Tự Đức 19

(17-3 - 14-4-1866)

Châu phê của Tự Đức:

Bài này lý lẽ rất mềm dẻo, không chống, không theo, cũng rất nghiêm chỉnh và trang nhã khiến cho họ biết rõ có thể cũng không ý thế được, thật là không thềm dạy mà dạy cho họ vậy.^[45]

10

Các đại thần của triều Tự Đức rất lúng túng trước tình thế nguy ngập của đất nước

Những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ đệ đạt lên triều đình Tự Đức đều nhằm mục đích góp ý vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, mà cụ thể đương thời trước mắt là cứu quốc và canh tân xứ sở, tức chống Pháp xâm lăng và cải tiến xã hội dân tộc về mọi mặt. Chính quyền Tự Đức phải ban hành những quyết định sinh tử, sinh tử cho cả dân tộc. *Lục bộ* (lại-lễ hình-hộ-công-binh) phụ trách nền hành chính và tư pháp. *Viện cơ mật* trực tiếp giúp nhà vua trong sứ mạng điều khiển quốc gia, ban hành những sắc dụ đối nội đối ngoại. Ta hãy

tìm hiểu một số nhân vật trọng yếu của Viện cơ mật khi ấy:

Phan Thanh Giản trước khi đi Pháp (1833) mưu việc chuộc lại ba tỉnh Biên Hòa - Gia Định - Định Tường, sử *Thực lục* ghi: "Tự Đức lại hỏi Phan Thanh Giản rằng: Khanh trước đây chuyên ý bỏ ba tỉnh ấy, hẳn là đã cân nhắc nặng nhẹ mà làm, hay có ý gì khác? Thưa rằng: thần xem thời thế đã kỹ, không làm thế không được. Nay thần vâng mệnh đi xứ, việc thành hay không thành là do ở hai nước kia (Pháp và Tây Ban Nha), thần chỉ biết hết lòng hết sức mà thôi.

Vua chảy nước mắt đoái bảo các quan rằng: đất ấy, nhân dân ấy, là công lao của triều trước họp tập, mở mang để lại..."^[46].

Tháng 2 năm Giáp Tý (1864), sử *Thực lục* ghi: "Sứ bộ sang Tây về tới Kinh, vua cho Phan Thanh Giản lãnh Thượng thư bộ Lại, Phạm Phú Thứ làm Tả tham tri bộ Lại: (Ngụy Khắc Đản lấy hàm Quang lộc tự khanh biện lý bộ Binh) đổi bổ Đỗ Quang làm Tả tham tri bộ Hộ"^[47]. "Cho lãnh Thượng thư bộ Lại là Phan Thanh Giản đổi lãnh thượng thư bộ Hộ. Vua cho rằng bộ Lại việc ít, nhân dụ đổi sang bộ Hộ để trừ tính mưu kế về việc đủ nước giàu dân"^[48].

Tháng 5, "Viện toàn quyền sứ thần nước Phú Lãng Sa là Hà Ba Lý đến Kinh định lại hòa ước. Sai Phan Thanh Giản sung chức toàn quyền chánh sứ. Trần Tiến Thành, Phan Huy Vịnh sung làm phó sứ để hội bàn"^[49]. Toàn quyền sứ thần nước Phú đó là Aubaret. Thỏa hiệp mới gồm 21 điều khoản khá nặng nề cho chuộc ba tỉnh đông Nam Kỳ". Sử *Thực lục* ghi thêm: "Đến khi chọn sung chức Toàn quyền đại viên, thì Phan Thanh Giản cố từ và nói: gặp lúc nhiều việc này, nên chọn được bậc đại thần vững như cột đá, như Trương Đăng Quế đảm đương chức ấy, thì mới mong làm được thỏa thiếp. Vua nói: Khanh đáng lấy lời nói của Trương Đăng Quế làm thắc mắc trong lòng, có phần thiếu ý hèn hậu. Bày tôi thờ vua, cần nên hết sức làm những việc nên làm mà thôi, còn trái phải che sao được công luận của thiên hạ. Bèn cho Phan Thanh Giản sung làm chánh, và cho Phạm Phú Thứ, Ngụy Khắc Đản làm phó sứ, từng đã vâng mệnh đi sứ, hơi biết phong tục Tây dương..."^[50]. Ba vị đại sứ cùng với Aubaret thương thảo hiệp ước mới: điều kiện chuộc lại ba tỉnh khá nặng nề. Tháng 6 cùng năm, sử *Thực lục* ghi: "Vua bèn bảo bọn Phan Thanh Giản rằng: ba người bọn người nên biết công luận không bằng lòng đâu, phải hết sức làm việc, cốt sao cho không thẹn hổ và không nhàm lỗi mới được..."^[51]. Sử *Thực lục* ghi tiếp: "Toàn quyền sứ thần là bọn Phan Thanh Giản cùng sứ nước Phú là Hà Bá Lý đem sắc văn trao đổi cho nhau. Sứ

nước Phú xin vào từ biệt trước mặt vua về nước... Vua ngự điện Cần chính. Hà Bá Lý và hai viên thuộc quan, tới sân làm lễ ba lần cúi đầu. Vua cho vời lên điện, cho ngồi và ban nước trà. Vua nói: gửi lời thăm quốc chúa được mạnh khỏe, từ nay đến trăm năm về sau, mọi việc đều được tất cả. Thừa rằng: không dám không vâng mạng. Bèn cúi đầu từ tạ lui ra. Khi sứ nước Phú đã về, bọn Phan Thanh Giản dâng sớ xin nhận lỗi. Nội các thần tâu nói: bọn Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản, trước kia vâng mạng đi sứ, sự thể quan trọng, đã không hết sức đòi trở lại, lại nhận tục ước mà về, đến nỗi sinh ra nhiều chi tiết, kịp khi khâm sai họp bàn, không hay bàn cãi giải; mà Trần Tiến Thành, Phan Huy Vịnh giảng nói cũng không được việc gì; đều là không làm trọn chức vụ. Xin chiếu tội lịch chức phân biệt kết nghĩa. Vua sai đợi khi cùng giao lẫn cho nhau có thỏa thuận nên việc hay không, sẽ bàn tội cả một thể"^[52]. Khi Aubaret trên đường về, thì nhận được mật lệnh của chính phủ Pháp không chấp thuận thi hành hiệp ước mới, nghĩa là không cho chuộc ba tỉnh miền Đông mà còn hàm ý sẽ cưỡng chiếm nốt ba tỉnh Tây Nam Kỳ.

Nguyễn Tri Phương là một tướng tài ba: năm 1845 đã giải phóng Campuchia khỏi nạn xâm lăng của Xiêm La; năm 1850 được cử làm Kinh lược sứ Nam Kỳ và thiết lập chế độ "đồn điền"; năm 1858 xây dựng tuyến phòng thủ chống Pháp và Tây Ban Nha xâm chiếm Đà Nẵng; năm 1860 được cử làm thống tướng xây đại đồn Chí Hòa chống liên quân Pháp - Tây xâm chiếm Sài Gòn,...

Đầu năm Giáp Tý (1864), sử *Thực lục* ghi: "Vua bảo tổng đốc Nguyễn Tri Phương rằng: Khanh nên chọn lựa nhiều người giỏi được việc tâu xin cất dụng, để đủ người phân phái, mới có thể phòng bị chu đáo được. Khanh là bậc đại thần, là người của trăm nươg cậ, là người giữ tính mạng cho ba quân. Tuy việc mạnh bạo tự mình đi trước quân binh cũng là một việc giỏi của người làm tướng, nhưng đó chỉ là trách nhiệm của bọn tướng tá nhỏ thôi... Từ nay trở đi, nên phải thậm thận, để lòng trừ tính làm việc, cốt mong sớm trừ bọn giặc tàn, để thư sức quân, đáp lại ơn tri ngộ, đền lại chí nguyện xưa, rồi về triều giúp đỡ, sửa sang mọi chính sách, đó là lòng ta rất mong mới"^[53].

Trương Đăng Quế phục vụ đắc lực bốn triều đại Gia Long - Minh Mạng - Thiệu Trị - Tự Đức. Trong thời gian Pháp đến xâm chiếm Nam Kỳ lục tỉnh, Trương Đăng Quế là vị đại thượng quan lão thành, được Tự Đức tham khảo ý kiến trong các điều kiện chi tiết hòa hay chiến và chỉ chịu nhượng bộ tới đâu. Tháng 3 năm Giáp Tý (1864), trong khi sứ

bộ Phan Thanh Giản cùng Aubaret làm hiệp ước chuộc lại ba tỉnh Biên Hòa - Gia Định - Định Tường, sử *Thực Lục* ghi: "Vua đem tờ ước thư và các bản đình nghị, sai trung sứ đến hỏi (khi ấy đã về nghỉ việc). Đấng Quế tâu nói: trong tờ hòa ước, chỗ quan trọng nhất duy khoản thứ 2 về việc cắt bỏ giới hạn ba tỉnh, cho họ đóng ở các xứ ấy, và khoản thứ 19 số bạc bồi thường chia làm hạn năm, hai khoản ấy mà thôi. Về khoản cắt bỏ xin theo lời hoàng thượng phê bảo: giảng bàn cốt ở ý thành thực của mình để cảm động họ, khiến cho được phu thỏa. Đến như khoản bạc bồi, thì kẻ kia biết ta rất chú trọng về đất đai... đại thần nước ấy là Anh Đê Luy trước tiên đòi giao ba tỉnh (An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long) mới có thể khỏi phải bồi bạc để rung động sứ thần của ta. Kịp khi sứ thần ta không chịu nhận lời, thì lại thay đổi ngay, mà về khoản bồi bạc, lại đòi nhiều quá, nếu lúc đó mà ta nhất định cố ý phân tách biện bác lại, thì bọn kia sẽ châm chước giảm nhẹ xuống, như thế việc hoặc có thể xong được. Bỏ mất cơ hội ấy rất là đáng tiếc. Nay sứ thần ta hiện đã nhận đem bản sao về, sứ của họ lại đến bàn định, chỉ sợ kẻ kia cố chấp là đã có mệnh vua để làm cơ nói, không khỏi lại sinh ra chi tiết khác, khó giải quyết được. Thần đã nghĩ kỹ đến việc ấy, rất lấy làm lo ngại. Xin khi toàn quyền họp bàn, nên y theo như ta đã định, cố giữ bền lòng, chớ bị họ làm lay động, cứ lấy lẽ là dân nghèo của ít làm cơ nói, hoặc không thấy họ cự lại, may ra việc ta được xong. Bằng kẻ kia

đòi lấy hàng năm hơn 33 vạn bạc thực là khó chịu nổi, nhất định không theo là phải"^[54]. Tháng 2 năm Ất Sửu, sử *Thực Lục* còn chép "Cổ mệnh lương thần, thái bảo, Cần chính điện đại học sĩ, sung Cơ mật viện đại thần, Kinh duyên giảng quan, Tuy thịnh quận công, trí sĩ là Trương Đăng Quế chết. Tháng trước, vua nghe tin Đăng Quế ốm, sai đưa cho sâm, quế và phái viên thái y đến điều trị. Rồi sai tỉnh thần Quảng Ngãi đến thăm hỏi nếu có muốn nói việc gì lợi ích cho quốc kế thì sao đệ lên. Đăng Quế thưa rằng: trải thờ mấy triều tới nay, từng đội ơn tri ngộ duyên phận đến như thế, còn nói gì nữa. Còn như việc nước, về đại đoạn như việc giảm bớt quan lại, thì về năm đầu Tự Đức đã trình bày cả rồi. Lại như việc dùng người, tìm người hiền, cũng đã trình bày những điều cốt yếu, tưởng không còn việc quan yếu gì nữa. Gần đây lại đem ba việc lớn, bí mật trình bày (chép ở tháng 6 năm trước), không dám có ẩn giấu..."^[55].

Mấy đoạn trích dẫn trên đây cho thấy vua quan đương thời rất lúng túng trong sứ mạng bảo vệ lãnh thổ của tổ quốc và cho thấy những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ dâng lên triều đình thật là sâu

Tự Đức bắt đầu tín nhiệm Nguyễn Trường Tộ

Mấy năm đầu khi Nguyễn Trường Tộ đệ đạt các bản điều trần tâm huyết, Tự Đức còn dè dặt, sau tín nhiệm dần và trao cho một số công tác. Tóm tắt có ba lần, sử *Thực lục* ghi lại như sau:

- Tháng 5 năm Bính Dần (1866), "Sai lang trung là Hồ văn Long cùng với dân đi đạo là Nguyễn Trường Tộ, đi từ Quảng Bình trở ra bắc đến địa phận núi Hải Dương (có lẽ là Hòn Gay) để tìm kiếm than mỏ"^[56].

- Tháng 7 năm Bính Dần (1866), "Sai giám mục nước Phú Lãng Sa là Hậu (Gauthier) với đồ đệ là lũ Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Điều, sang nước Tây thuê thợ và mua máy móc"^[57].

- Tháng 10 năm Canh Ngọ (1870), "Dân theo đạo ở Nghệ An là Nguyễn Trường Tộ mật tâu hai cách về việc đối với nước Tây:

1) Xin sai người đi đến Gia Định dò thám, dâng kế khiến cho tướng Pháp trả lại sáu tỉnh, mang cả quân về nước, để dẹp nạn (Cách mạng) trong nước, rồi lại sang ở buôn bán như người Anh ở Hạ Châu (Singapore).

2) Cần chơi thân với người Anh, nước ấy thấy ta tìm đến người Anh, mới dễ nguôi lòng và bàn định hòa ước. Lại phái người sang thủ đô nước Anh thăm dò, tùy tiện bày kế. - Trần Tiễn Thành nhân xin sai Nguyễn Hoàng (người bên đạo theo sai phái) đi sang nước Pháp bảo là cho người đi học rồi nhân tiện cho Nguyễn Trường Tộ theo sang để trình bày lợi hại với viên cố đạo Tây và xem sự thể tình hình các nước Anh, Nga, Úc, Phổ. Và nước Pháp vẫn trông cậy hai viện Công hầu (tức là viện Quý tộc hay viện Nguyên lão) và Thứ dân (tức Hạ viện) nên ngầm thương thuyết với hai viện đó, có cơ hội gì, lần lượt tâu về. Vua nghĩ Trường Tộ tâu về việc quân quốc hệ trọng, cho triệu về kinh để hỏi. (Trường Tộ trước đã sang Tây du học lâu ngày)"^[58].

Sử *Thực lục* chỉ ghi ba sự kiện kể là quan trọng như trên, rút từ

kho lưu trữ *Châu bản* cực kỳ phong phú. Tiếc rằng sau năm 1945, các văn kiện Châu bản bị mất mát nhiều. Trong số mất có nhiều bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ. May nhờ học giả Đào Duy Anh sưu tầm tìm kiếm được một số đáng kể. Rồi *Nam Phong* phiên dịch được vài bản rất sớm. Sau là sử gia Chương Thâu giới thiệu khá tổng quát những bản điều trần gom góp được và cuối cùng là Linh mục Trương Bá Cần soạn thảo chú giải những điểm cần thiết toàn bộ 58 bản điều trần - cũng gọi là di thảo của Nguyễn Trường Tộ trong một tác phẩm kỳ công đứng đắn. Chúng tôi xin mạn phép chỉ đưa ra một ít bản điều trần có thể nói là tiêu biểu cho tinh thần *Nguyễn Trường Tộ - tấm gương sáng ngời của người Công giáo tốt cũng là công dân tốt* mà thôi. Tất nhiên từ mỗi bài chúng tôi cũng cố trình bày bối cảnh đương thời để hiểu được tầm nhìn sáng suốt và khoáng đạt của Nguyễn Trường Tộ. Sau đây là Di thảo số 13 mệnh danh *Ngôi vua là quý, chức quan là trọng* - điều trần đệ đạt lên triều đình vào tháng 5 năm 1866^[59]:

"Kính thưa,

Trong bài Khai hoang từ trước đây, ở điều thứ hai tôi có nói: *Người Pháp xưa nay lấy ngôi vua làm quý, chức quan làm trọng. Trong phần cuối điều đó cũng nói: Vua các nước thường giao việc nước cho các quan đại thần để chu du các nước, mở rộng kiến văn, mà không phải bận tâm việc trong nước nữa. Vì việc yên trị lâu dài là do liên kết giao thiệp với các nước, khác với thời xưa chỉ biết lấy bùn trét cửa để tự giữ là thế... Trong bài ấy, có 5 điều, nhưng điều này là căn bản. Các việc phúc lợi trong nước đều do đó mà ra.*

Tôi sở dĩ khinh bỏ danh lợi cốt để Triều đình tin nghe, vì thâm ý của tôi là đi sang các nước xem nắm tình hình, không những nôn nóng để chứng tỏ mình là người không có hại, có thể làm được những việc chính nghĩa cho vua mà còn để trở thành một kẻ mưu trí gấp lo chống đỡ hoạn nạn cho nước nhà nữa. Cho nên bây giờ lại bộc bạch tâm huyết một lần nữa cho hết từ đầu đến cuối. Sau này dù có ngàn vạn lần nữa cũng không có gì thêm.

Người xưa có nói: "Dân là gốc của nước". Nói như vậy cũng chưa đúng. Tôi cho rằng vua quan là gốc của nước. Vì không có vua quan thì chẳng bao lâu dân sẽ loạn, tranh nhau làm trưởng giành giạt lẫn nhau, tàn sát lẫn nhau, oán thù lẫn nhau. Cho nên nước dù có vua bạo ngược còn hơn không vua. Trong kinh thánh xưa của đạo giáo có nói: Tuy vua bạo ngược dân cũng không thể hài lòng. Vì nếu dân dấy

loạn thì chưa tổn hại đến vua mà trước hết là hại dân.

Ngũ luân thì vua quan đứng đầu. Đạo giáo coi vua hơn cha, cho nên gọi *trung phụ* là để cho đạo vua được tôn nghiêm hơn. Vì nếu không có đạo vua thì không thành thế gian. Phương Tây gần đây không có ai phạm tội giết vua,

không có hành vi khinh thị quý tộc. Tuy những xứ man mợi như Trâu, Cử (tên hai nước nhỏ đời Xuân Thu, Trung Quốc) cũng không khinh lờn, vì đã hiểu rõ ý chỉ của kinh thánh. Trong kinh xưa còn nói: Tọa vật đã từng vì tội của vua quan mà trừng phạt dân ở đời này. Lại nói: Vua tuy vô đạo cũng không được gọi bằng thẳng, và sát hại bừa bãi. Bởi vì phạt dân thì trong nước chỉ bị hại nhỏ, còn phạt vua trong nước sẽ bị hại lớn; mà thường khi hại dân có tội, Chúa cũng đặc biệt mượn vua quan làm roi vọt để thay Chúa mà trách phạt. Cho nên giết vua chẳng khác gì giết Chúa. Vua được coi trọng đến như vậy. Cái lý này xưa nay các sách Nho chưa từng nói rõ. Như Mạnh Tử có nói: "Dân là quý, rồi mới đến vua". Câu nói này đã từng mở đường cho vô số bọn hủ nho sau này lấy cớ mượn việc công để làm điều tư. Thành Thang giết Kiệt. Võ Vương giết Trụ. Thang, Võ đã từng là bề tôi của Kiệt, Trụ thế mà lại giết Kiệt, Trụ. Nếu để cho người khác giết rồi sau cướp lấy thiên hạ trong tay người đó thì mới không hại danh nghĩa. Nếu bảo đó là nguyện vọng của nhân dân thì giả sử dân bảo làm điều bất nghĩa cũng làm hay sao? Phạm nhân thì phải thuần hậu, nghĩa thì phải cho trọn vẹn. Trong lúc giao phong phải cứu người vô tội. Như thế là giết người mà cứu người. Nếu mạo danh giết vua để được cái nghĩa cứu dân thì cái nghĩa đó cũng chưa trọn vẹn. Thế mà xưa nay các bậc thánh hiền đều ngợi khen Thang, Võ là hết sức nhân nghĩa. Đến như Khổng Phu Tử mà cũng không chỉ rõ điều sai đó để làm sáng tỏ cái nghĩa vua tôi, để cho Thang, Võ không có chỗ trốn tránh trong khoảng trời đất này nữa. Nay Thang, Võ đã có chỗ trốn tránh rồi. Mối ấy một khi đã khơi ra khiến thiên hạ đời sau dòm ngó ngôi vua, rồi thêm nhiều tiếng ác cho bậc quân phụ để che giấu cái xấu của mình..."

Nguyễn Trường Tộ viết trên đây: "Đạo giáo coi vua hơn cha, cho nên gọi *trung phụ* là để cho đạo vua được tôn nghiêm hơn". Khi đạo Công giáo mới truyền sang Việt Nam, người ta gọi nhầm là đạo Hoa Lang để thờ vua Hoa Lang! Các vị thừa sai liền dịch gọi là Đạo Đức Chúa Trời (cũng như Việt Nam kính thờ Ông Trời). Đạo Công giáo cũng tôn trọng tinh thần trung quân ái quốc và coi vua là cao cả nhất. Vua là Thiên tử tức con trời. Nên đương thời Công giáo đặt ra lý thuyết *tam phụ* nghĩa là trời là thượng phụ, vua là trung phụ, cha mẹ

là hạ phụ. Tinh thần hội nhập văn hóa như vậy thật đáng kể!

Cho nên trong bài Lục lợi từ, tôi có nói: Mọi quyền lực hành vi trong một nước phải do vua nắm, và cùng với quốc dân chia sẻ nỗi vui buồn. Ngoài quy luật này ra đều là tội cả. Tôi xem khắp các nước trong thiên hạ, hễ nước nào

có một họ được bề tôi đòi đòi giúp rập thì tuy có đôi khi suy vi nhưng trong nước cũng không đến nỗi có loạn lớn. Như Nhật Bản đã mấy nghìn năm, Thổ Nhĩ Kỳ đã nghìn năm, các nước phương Tây đều như thế cả, ở Nam Tây Châu cũng vậy. Sở dĩ dân ở đấy phần nhiều chỉ có loạn nhỏ mà không có loạn lớn là vì danh nghĩa đã xác lập ngôi vị đã ổn định, nghe thấy đã quen ít xảy ra việc thoán đoạt làm loạn. Bởi vì nếu tục lệ dễ dãi lơ lửng, thì nhân dân một khi thấy có điều không như ý, không biết tự hỏi lại nói bừa là vua quan không xứng đáng, rồi chê trách lung tung, bàn chuyện thị phi, mưu đồ một họ khác lên thay, hoặc hy vọng có một sự thay đổi nào đó, đứng núi này cho núi kia là cao hơn,... nhân tình đại để như vậy. Từ đó bịa ra đủ thứ những câu sấm, bảo là có điềm ứng hiện để gây phiền động trong dân chúng. Do đó dễ sinh ra họa loạn. Các nước phương Tây đã hiểu rõ cái lý đó. Kẻ làm vua biết rõ cái điều trời phó thác cho mình là nặng nề, mọi phúc họa đều do trách nhiệm ở vua, cho nên tự hạ mình ghép vào vòng pháp luật. Người làm dân biết rõ ngôi tôn quý đã định rồi, quyền hành đã có người nắm rồi, phận sự đã được đặt để rồi, cái thế đã có người giữ, cho nên quy tiếng đẹp lên trên. Mỗi người tự lo lấy danh nghĩa của mình không dám manh tâm gây chuyện họa loạn. Họ biết rõ mình có nhiều tội ác, Chúa dùng nhiều tai biến để răn đe, nên mới có những sự chênh lệch không đồng đều, chứ không phải do vua quan gây ra nên không dám oán giận bề trên. Những điều hay đẹp này là do tình vua với dân hợp nhau hoặc xuất phát từ tình cảm đó mà ra. Kẻ làm dân chỉ có một điều giúp đỡ vua, kính trọng quan mà thôi. Vua quan nếu có điều sai thất, thì cả nước đều đau đớn khổ sở. Vì thế mà thành thói quen, họ đều lấy việc giương cao uy tín của nước, bảo vệ thế lực của nước làm trọng, chạy ngược chạy xuôi chống giặc như sợ không kịp, lăn vào những nơi nước sôi lửa bỏng như đi vào nơi bình thường, cả nước có một tiếng xấu thì coi như do tự mình mà ra. (Những điều tốt đẹp trên đây là nói về toàn thể, là chỉ về đại dụng, tuy nhiên trong đó cũng có vài điều nhỏ nhặt không phải vậy).

Đối với những điều này, là sĩ phu bé phải học, lớn phải làm. Là người thôn dã, trong nhà ngoài xóm phải bàn luận khuyên bảo nhau. Nhờ đó dần dần trở thành truyền thống, thuần phong mỹ tục được lưu truyền. Ví dầu ai có lòng dạ nào khác, cũng không thể không theo đại

thế, không thể không theo cái chung. Bởi vì trí xảo con người ta do tập tành mà được, thiện ác bắt nguồn từ học thuật và phong hóa cũng do từ học thuật sinh ra. Trong sách dạy như thế nào, thầy giáo chỉ vẽ như thế nào thì người học phải làm sao cho hơn những gì sách đã dạy thầy đã chỉ. Trong nước ai ai cũng phải có thái độ học tập như thế, và hành vi như thế. Bất kỳ Đông Tây, đó là cái lý lẽ chân xác không bao giờ thay đổi. Bởi vì:

1. Các nước đã có thuần phong mỹ tục rồi mà các vua quan lại biết khéo nhân thời lập thế, biết rõ phép tung hoành để kiềm chế lấy nhau, để dựa vào nhau, các nước đầu liên hợp với nhau, mở toang các lớp cửa thì ta và người đều biết rõ mọi vật đều có chủ.

2. Đi lại giao hảo thân tình với nhau, tính kế ăn ở lâu dài với nhau, không chịu giúp họ khác lên thay ngôi vua mà mình chưa biết tình ý họ ấy như thế nào.

3. Bề trên lo giữ pháp độ, lo việc nước thì chỉ dùng người hiền, đã theo công lý giữ pháp luật thì lệnh trên sẽ hợp điển chế không ai dị nghị, sự nghiệp không suy đốn.

4. Kẻ làm dân thấy thiên hạ ca tụng vua mình, so sánh người và ta, thì hết lòng làm sao cho thiên hạ kính trọng vua mình hơn.

5. Các bề đảng biết rõ danh phận của vua quan đã định, thì vị tất trong một lúc mà các nước đều giúp cho mình làm bậy.

6. Các nước Tàn Tán Tề Sở sức lực đều mạnh ngang nhau không chịu để cho ai lợi mà mình hại.

7. Người ở thế lực trọng yếu biết rõ nhân tâm đã có chỗ chuyên hướng, những người đồng liêu đã liên kết ngoại giao, thì làm sao có thể thuyết phục hết người này đến người khác, cần gì phải ngấm ngầm kết bè đảng riêng nữa, bởi vì chỉ sợ tổn hại cho mình mà không được lợi gì cả.

8. Nếu lập một họ khác thay ngôi thì phải có một sự thay đổi lớn, may mà được người khác giúp cho toại ý riêng, thì như thế là làm hại cho những người an phận thủ nghiệp, lợi riêng thì ít mà hại người thì nhiều, e rằng mọi người sẽ oán giận khó mà làm được.

9. Các nước đều bắt chước nhau, tranh mạnh lẫn nhau, tự phần đấu cho tài xảo ngày càng thịnh.

10. Chỗ có và chỗ không giao thông trao đổi với nhau, chung nhau cái hay, đồng nhau cái lợi, bắt chước lẫn nhau để cho đạo đức phong tục được đồng nhất.

11. Điều thẳng lẽ công đều công bố ra cho thiên hạ, việc sai đúng phải cho mọi người bàn luận, không dám tự mình che giấu bào chữa cho

cái xấu. 12. Vua có bốn phận của vua, quan có bốn phận của quan, dân có bốn phận của dân. Danh phận mỗi người đều có cái quý trọng riêng. Người quý kẻ tiện không cướp đoạt ngôi thứ nhau. Cho nên người nối nghiệp, từ nhỏ đã không dám làm sai bốn phận của mình, lớn lên thì hành phận sự tất phải tinh thuần, cũng không dám vượt qua phận sự mà cải đổi sự nghiệp, vì e rằng trong bụng không có cái chí báo phục, thì một khi có việc gì cấp thiết sẽ khó bề chống đỡ. Hơn nữa, mỗi bốn phận có một cái cao quý riêng, không được có ý tưởng được voi đòi tiên.

13. Mỗi người đều được đặt để một vị trí. Khả năng nào thì vào nghề ấy. Trách nhiệm nhỏ thì dễ đền bù. Chức vụ nhỏ thì dễ giữ. Nghề tinh thì không sai. Dùng chuyên thì không bị xâm lấn. Việc bình thường thì không đến nỗi bỏ phé.

14. Mỗi người tính một nghề. Mỗi nghề có cái kỳ diệu đáng quý của nó, đều có tiếng hay tiếng tốt đáng khen của nó, không có sự so bì bên khinh bên trọng. Như cái áo, có cái rộng cái hẹp, cái dài, cái ngắn khác nhau để thích dụng cho hình vóc từng người. Người thấp thì không ghét áo dài, người nhỏ thì không chê đai rộng. Mọi việc có cái quý trọng riêng của nó, khi thành công thì đều giá trị như nhau. Như tay chân trong thân thể người ta, tuy có cao hạ quý tiện khác nhau nhưng cũng không vì thế mà ghét bỏ làm tổn thương lẫn nhau. Cho nên một người có cái kỹ xảo thì mọi người đều thêm vinh, một người có tài thì cả nước được tăng phần kính trọng. Mọi người tài giỏi đều cảm thông nhau thì không có cái hận ta hơn người thua, không có tình trạng ta mạnh người yếu. Cho nên trên dưới đều hết lòng với việc làm của mình, không có cái bệnh ghen ghét kẻ tài hiền.

Trên đây là mười mấy điều đại cương rút trong cái thuật tung hoành mà ra. Ngoài ra trong nhân dân còn có những sự liên kết với nhau để phụ giúp lẫn nhau như là kẻ đứng bên cạnh giúp vào, để giúp thêm vào mười mấy điều kia thì không thể nào kể hết được. (Còn như có những đường lối chính trị như thế nào đúng với tình cảm và lý lẽ này mà hợp với chính trị nước ta thì càng không thể kể hết, không cần phải nói rõ ở đây).

Đó là những điều mà sách kinh đời xưa đã ghi chép như vậy, các bậc hiền triết đã làm khuôn phép như vậy, những người khai sáng đã tạo lập quy mô như vậy, phong tục đã kết thành như vậy, các nước đã noi theo trật tự như vậy, mà một mai có người muốn lập lại một cái gì khác, thật cũng khó có thể làm được. Cho nên, bậc làm vua biết rõ cái thế trường cửu đã có, không có bụng nghi ngờ bề tôi ở dưới, kẻ làm

dân biết rõ cái lợi hại của việc trị việc loạn nên không có cái chí phạm thượng. Trên dưới tự mình không nghi cũng không ngờ lẫn nhau. Mọi việc gì đều có sự phó thác rõ ràng, người nhận lãnh vui lòng, không có điều gì tối tăm, lo lắng, cho nên dễ đi đến chỗ đúng đắn, dễ bày tỏ, dễ cởi mở, dễ phân giải, tất cả đều là do thật lòng tin tưởng nhau, cho nên dù có sự bất bình cũng tin nhau, không nở trách cứ hà khắc. Được

như vậy là đều do không nghi kỵ gì nhau mà ra. Nếu đã nghi thì hại đến lòng tin. Không tin tưởng thì đa kỵ, đa kỵ thì hại đến trí khôn, trí bị tổn hại thì dễ bị hồng việc, việc hồng thì sinh hại, hại sinh thì có lắm điều lo buồn, lo buồn nhiều thì tâm loạn rồi sinh ra lắm sự sợ hãi, sợ hãi nhiều thì khí chất kém đi mà sinh ra nhu nhược, nhu nhược thì mọi việc chần chừ do dự không dám quyết đoán. Nếu trong bụng không có định kiến chủ trì thì khi có ngoại hoạn nổi lên tấn công ta, ta sẽ không có cái gì đối phó lại, tất sẽ tán loạn tan tành, đại thế sẽ ngày càng giảm. Những cái đó đều do chỗ ta với người nghi ngờ nhau mà sinh ra cả.

Tôi nhìn chung thấy cái thế các nước trong thiên hạ xưa nay, các nước phương Đông phần nhiều bị cái hoạn ấy do tích tụ lâu ngày thành thói quen. Nhưng về học thuật thì cũng có cái giống nhau cái khác nhau. Nhưng hùng biện hay mà làm rối rắm điều phải trái khiến người ta có cái ý bỏ đây theo kia. Đó là do cái tệ quá đề cao hoặc quá hạ thấp mà ra. Có phú quý rồi mới thấy có tật: vinh nhục đã định rồi mới thấy điều tranh chấp, nhân tình là như thế đấy. Nghệ Tổ có nói rằng: "Ở địa vị như thế thì ai mà chẳng muốn làm". Cho nên khi được gia ân lớn thì chiếm giữ lấy chỗ quan trọng để rồi họa loạn sinh ra từ trong tay áo. Đã có trị tất có loạn, đó là lẽ trường tình. Người hay sinh chuyện thì lại mượn có người ta nói vua thất đức, trời sinh tai biến làm thực chứng, để ôm lấy cái ước vọng sai lầm của mình. Làm quan khi có điều gì sai thất, thì người ta sẽ nhân lúc bề trên nghi ngờ mà dèm pha vu khống, khiến người ta bắt chước làm con trượng mã, sợ nó hý lên một tiếng thì có người bị đuổi. Người nào cũng lo giữ lấy mình, không dám có phát minh sáng kiến gì. Người thợ không tính kỹ xảo, người học trò không lo học để mai sau ra làm quan. Hễ có nhiều những truyện trục xuất, giáng chức, đổi chức, điều động thì những mối lo được lo mất luôn luôn hiện ra trước mắt. Những tuồng đây người ta để tiến mình lên, rình mò sau lưng, đương chức mà như là ngồi trên đệm có kim chích, làm việc thì lo như là bị gai đâm, không được thung dung để phát triển điều hay. Kẻ đắc thời biết có con đường có thể tiến thân, có thể thừa cơ được, cho nên cứ muốn vượt người ta mà ngoi

lên. Như người xưa nói: "Thà làm đũa chần trâu đầu đàn, chứ không làm ông quan lớn hạng nhì trong triều". Biết có chỗ phục thù, bọn người đắc chí, cứ hờn hờ mà đi để quyết hả cái hận "được làm vua thua làm giặc", như người xưa nói: "Không lưu tiếng thơm muôn thuở, thì để tiếng xấu vạn năm". Lại có một loại người, động một tí là mượn thánh hiền, hễ có việc bất bình thì vội đòi phé lập. Có cái chí như Y Doãn cũng nên. Sao không biết rằng người đâu phải ai cũng là Nghiêu Thuấn cả mà việc gì cũng làm được hay được tất cả.

Theo lẽ thường tình mà nói, thì vua quan đều có phận sự riêng, ai chẳng muốn ở cho yên hưởng cho lâu. Cho nên ra làm điều gì thì muốn việc cho được, công cho thành, đó là bản chí của mọi người. Nếu có làm điều gì sai lầm ngoài ý muốn, hoặc cơ hội làm lần thì lo thay đổi gấp để cho người ta không sửa đổi kịp. Như thế là giáo dưỡng người rất khó mà vứt bỏ người thì quá dễ. Đường tài đức xét ra không cùng dấu muốn đoạt lấy hết tài đức trong thiên hạ cũng không lấy hết được. Như uống nước sông, tùy lượng chứa của mình rộng hẹp, nhưng tất cả đều được no đủ, không cần phải đoạt lấy của người để làm dồi dào cho mình. Hơn nữa, hiền tài là sinh lực của quốc gia, sinh lực con người ta mà mạnh thì mọi gân cốt trong người đều mạnh. Thế thì tại sao lại không nghĩ đến lợi ích chung, không lo đến hạnh phúc chung? Mình đã không tốt lại còn muốn người khác xấu để chia cái xấu với mình. Như ngôn ngữ Trung Quốc có câu: "Kéo người ta xuống vũng nước dơ mong cùng lấm như mình". Mình đã không có tài thì không muốn cho người có tài để khỏi lộ cái dở của mình ta, rồi làm đủ cách để chôn vùi người ta đi. Như người ta thường nói: Tài là hay đi với cái họa, thật là cái họa của sự có tài vậy. Kẻ sĩ bất kỳ có tài giỏi hay không, cứ vào triều là sinh tặc cả. Thế thì nước nhà còn mong gì mà dành tài được? Sĩ phu tội gì mà ôm tài để hại thân? Lại có một loại tặc hơn, tiếng là đào tạo tài, nhưng thực ra vứt bỏ tài. Sở dĩ được thành tài phần nhiều là do tích lũy thuận đạo, như người ta thường nói: Con nhà tướng ra cửa nhà tướng. Nay hễ nghe khen thì mời về, nghe chê thì đuổi đi. Việc chứa giữ tài nguồn gốc của nó thật sâu xa, mà việc dùng hay bỏ tài thì lại bỗng chốc tạm bợ. Như vậy chẳng những cô phụ việc cầu tài của trên mà kẻ có tài cũng vô dụng; khiến đến nỗi kẻ có tài sau này bế tắc không đường thăng tiến; khiến kẻ có tài mà không gặp hội phải vất bỏ hết bao công lao trước kia mà thay đổi nghề nghiệp như Hứa Hành, thật là chua cay, khiến đến nỗi sau này có cái hận làm điều thiện mà không được báo đáp, như người xưa có câu than thở "giận mình đã làm lỗ làm kiếp nhà Nho". Cho nên nhiều người tức tối thất vọng, thất chí không có nơi

nương tựa để phải mắc vào nhiều tội ác. Người ta đâu phải gỗ đá trợ trợ, ai không muốn sửa chữa tội lỗi trở thành người hiền lành. Dù có kẻ ngu ngốc không đổi nét thì cũng nên nghĩ đến công lao trước kia của người ta, để khuyến khích kẻ hậu tiến, để bù đắp cho hậu đạo, ai lại nỡ để mình làm quan đại thần mà con cái đi ăn xin. Đến nỗi khiến người xưa có câu: "Có thể làm quan thanh liêm được, nhưng không thể làm". Con cháu của Thang, Võ cũng không có đất cắm dùi. Như thế thì hiện nay ai chịu bỏ sự hưởng dụng cả một đời để đổi lấy cái cơ cầu ngày sau chưa chắc chắn ấy? Cho nên người xưa có câu: "Cười chê chưởi mắng mặc

thây, Quan to lộc hậu thì đây cứ làm". Những cái đó đều do biết rõ cái thế không được lâu dài, hưng vong chưa ổn định, thịnh suy không biết lúc nào, phải trái không đích xác, được mất bất thường thực hư không phân biệt, thượng phạt không lâu dài, ra làm quan hay ở lại nhà không định trước, tiến thoái không tính liệu, như nước trong ống xe đạp nước, như sóng nơi trường giang, như tiếng sáo diều, như hình mây cầu vòng. Kẻ thất phu lên làm vua thì không kể gì thế hệ. Vua xuống làm dân quê thì tính chi đến chuyện cao thấp. Từ trên xuống dưới không ai là không ôm cái quái thai ấy. Cho nên phải giải quyết cái căn bản là phải thấy được cái gì làm cho lòng người dao động.

Các nước lớn ở phương Đông, xưa nay lên xuống đại loại đều như thế cả. Là vì không tinh thuần đạo học, không đồng nhất tâm thuật, không có cái thế liên hợp, không coi trọng danh vị mà gây ra cả.

Còn như các nước Đại Tây, Tiểu Tây cùng các nước Nam Tây Châu thì trái lại, đúng như đầu mỗi bài kinh đã ghi, tuy có sớm muộn khác nhau, nhưng đến nay đều đã dần dần biến đổi cả rồi. Khi chưa biến đổi, các nước ấy còn tệ hơn ở phương Đông, điều đó sử cũ đều có ghi chép, chỉ nhìn qua cũng thấy rõ. Nhưng những việc đó đã thuộc về dĩ vãng không nói làm gì, bây giờ chỉ nhìn vào sự tân tiến của họ cũng đủ chứng tỏ sự xưa và nay khác nhau rất xa. Người ta ai cũng lo gấp phòng bị hoạn nạn, mà không biết cách làm sao cho hoạn nạn đừng sinh ra, không biết làm sao cho hết hoạn nạn, mà chỉ lo sắm những công cụ phòng bị hoạn nạn. Như thế thì dù có xua hết thiên hạ ra làm cũng không đủ. Nếu biết dựa vào sức và nhờ vào thế của nhiều người, sao cho mọi người đều quan trọng việc công và lòng người đều tôn kính bề trên, như Giả Nghị nói: "Gieo vào lòng người sự tôn kính" thì thiên hạ không có loạn. Vì rằng danh đã định, vị đã lập, lý đã chính, thế đã đồng, các nước đều như vậy cả; lẽ nào một nước lại có thể trái với các nước mà đứng riêng một mình một cõi được sao?

Tôi đã hiểu rõ cái chính lý của đạo trung ái trong kinh, biết rõ danh vị là lợi ích cho nhân dân, thấy thiên hạ có sự yên trị lâu dài, lợi ích to lớn là do chỗ một họ cầm quyền, do chỗ đời đời truyền nối. Mà chế ngự được nhân tâm là do trị lý về kinh tế, và duy trì được đời đời dài lâu là nhờ ngoại giao. Cho nên tôi thiết tha muốn cho nước nhà cũng được hạnh phúc tốt lành như thế.

Kính bảm". [\[60\]](#)

12

Các đại thần xin tạ lỗi, còn Nguyễn Trường Tộ dâng kế canh tân và tiên liệu đối phó với Pháp trong việc thôn tính cả Đông Dương

Cuối năm Ất Sửu (1865), sử *Thực lục* ghi: "Đốc thần tỉnh Vĩnh Long là Trương Văn Uyên, mật tâu lời nói của chủ sứ Pháp [\[61\]](#) và tình hình ba tỉnh (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) tâu lên. (Thư của chủ sứ Pháp nói: nếu muốn hòa phải nã bắt tên Bướm (tức Á Soa) giao để xử trị. Lại nói tỉnh An Giang dung chứa tên Bướm. Lại đi tàu thủy chạy hơi máy, đậu ở An Giang, bức bách phải bắt giao). Vua nói: nơi biên cương xa xôi trợ trợ, thực khó gìn giữ, nếu được người nào Tây dương vốn tin phục, họa chẳng mới êm được. Bọn Đoàn Thọ và Trần Tiến Thành đề cử Phan Thanh Giản. Vua bảo Phan Thanh Giản rằng: đường xá xa xôi ngăn trở, sự biến không thường..., duy có chọn được người giỏi... Hôm trước ta từng bàn định trước mặt với khanh, vẫn biết khanh quyền luyện không nở bỏ, lại vì già yếu xông pha đi xa...

Lại bảo bọn Đoàn Thọ và Trần Tiến Thành rằng: bọn khanh nên nghĩ kế hay để giữ nước, vào tâu cho biết, há như loài chim yến sẻ, ở trên thềm nhà không lo gì ư? Thanh Giản tâu: ngồi mà trấn tĩnh, không phải lo ngại, thực không có mưu kế gì khác... Vua nói: ta vẫn biết

muốn giảng hòa để yên dân, nhưng hết thầy đều nghe theo họ, thì tựa hồ bó tay nghe mệnh lệnh mà thôi, không kể trăm năm sau này ra sao? Ngay trong ngoài mười năm cũng chưa có thể chắc. Ý kiến của bậc lão thành... phải nên tự cường như thế nào chứ?

Đoàn Thọ và Trần Tiến Thành tâu nói: Cái nghĩa lo nhọc lòng đâu dám quên; duy nay tài lực chưa được thụ, dềnh dang ra nhiều việc, chi bằng chĩnh đốn dần dần, để đợi thời cơ. Vua nói: ta lấy các người như chân tay, để nhờ cậy, nước an hay nguy có quan hệ đến lời nói của các khanh không khéo theo không được, há có tự khoe khôn một mình ư?...

Thanh Giản, Đoàn Thọ, Trần Tiến Thành và bọn Phan Huy Vịnh tâu nói: bọn chúng tôi chỉ có tâm, không có tài, biết là xấu hổ, biết là có tội. Vua nói: Sao lại nói suông đến như thế để xong việc được ư? Nếu không nên vội cũng phải dần dần mà làm, trong mười năm, hai mươi năm, để có thể mưu tính được, mới tỏ rõ cùng lòng cùng chí... Bèn sai Thanh Giản lấy hàm Hiệp biện đại học sĩ, lãnh thượng thư bộ Hộ... sung làm Kinh lược đại thần ba tỉnh (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên)"^[62].

Đoạn trích dẫn trên đây cho thấy vua quan triều Tự Đức rất lúng túng trong việc điều hành đất nước: làm hòa không xong, thúc thủ không ổn, chiến đánh không được. Tự Đức tỏ ra rất ý thức trách nhiệm mình, giới văn thân toàn quốc thì tư tưởng phân tán, Cơ mật viện đại thần thì chỉ có tâm không có tài... Trong lúc ấy, Nguyễn Trường Tộ đã có mặt ở Huế, được tin nhiệm hơn trong việc đề nghị *Mua và đóng thuyền máy* (di thảo số 6), *Đào kinh Sắt* (di thảo số 16), v.v... Có lẽ thượng quan thân thiện nhất với Nguyễn Trường Tộ là Trần Tiến Thành. Hai người có nhiều tâm tình với nhau, nên sau lời tự thú *chỉ có tâm không có tài*, Nguyễn Trường Tộ đã mạnh dạn viết bản điều trần *Kế hoạch khai thác tài nguyên đất nước* (Khai hoang từ), tức Di thảo số 8 viết sau thời gian có đoạn trích dẫn khoảng vài tháng, chúng tôi xin sao chép lại như sau^[63]:

Kế hoạch khai thác tài nguyên đất nước
(Khai hoang từ)

Kính dâng mấy lời trình bày những điều mắt thấy tai nghe về đường lối cố hữu trong việc khai hoang của người phương Tây. Nước ta phải gấp rút tính liệu mưu kế trước để chiếm ưu thế, để mưu đồ lợi ích vĩnh viễn, để giảm bớt những việc bức thiết hiện nay.

Nguyên phương Tây 500 năm nay, tất cả những nơi nào họ đã vững chân và không có gì trở ngại thì trước hết họ dùng lời mềm dẻo

cầu xin. Những sự tình trong lời xin của họ tôi đã nói rõ trong tờ bẩm trước. Nếu việc xin của họ gặp khó khăn trở ngại họ cũng không cưỡng ép mà cứ dần dần thi hành các âm mưu quỷ quyệt để mưu chiếm lấy hết. Nhiều nước đã bị như vậy rồi.

Hiện nay họ đã sai người^[64] đi theo Tiền Giang dọc thẳng lên các đường đến tận Vân Nam. Những nước nhỏ ở phía Tây ven sông thuộc Xiêm La thường bị họ dùng kế ly gián để dễ bề sai khiến. Họ còn lên tiếng xin nước ta cho họ sai người dọc theo đường núi từ Bình Thuận ra Bắc đến Tuyên Quang để dò đường trước, rồi sẽ sai binh thuyền dọc theo ven biển từ Bình Thuận đến Quảng Yên qua các cảng khẩu và mặt biển, để dò nông sâu, vẽ vào bản đồ. Sở dĩ họ cần làm như thế là không những chỉ mưu lợi mà còn dụng ý rất thâm, tôi đã mật bẩm rồi, nay không dám nói rõ nữa.

Nhìn chung các nước trong thiên hạ phàm nước nào chiếm được ưu thế thì một là do có người giúp hai là do phân rõ chủ khách. Nếu ta tính toán trước công việc để trấn áp họ thì không những hiện tại có thể được hưởng lợi bảy, tám phần mười mà về sau có thể được cái lợi vĩnh viễn vô cùng như Hợp Chúng Quốc ở Tây Châu. Cho nên gần đây các bậc có trí trong thiên hạ bàn về lý và thế đã nói rằng: Thà làm khách làm chủ chứ không làm tôi làm tớ. Câu nói đó thật là đúng. Thường tình con người ta khi làm khách làm chủ với nhau thì mạo diện tất phải cung kính, ý tình phải nồng hậu. Giả sử có lời lẽ phân trần cảnh cáo để lấy việc trước cảnh giác việc sau thì chẳng qua là lấy tình bè bạn giúp nhau mà thôi, chứ không phải như phạm học trò phải bỏ sức ra phục dịch thầy. Nếu trong khi giao thiệp có điều gì xích mích trái ý thì vì thế diện hai bên sẽ dần dần tìm cách giải quyết. Còn như thầy trò thì có nhiều điều bị xử ức phi lý lắm chứ không phải một mà thôi đâu. Hiện nay các hội buôn của họ sang nước ta có hội muốn xin mở đường xe lửa suốt cả Nam Bắc; có hội muốn xin khai thác mở dọc theo các núi, có hội muốn xin cho thuyền đi dọc theo biển để tiêu phí, có hội muốn thông đường buôn bán. Các người này một mặt xúi giục các quan của họ, sớm làm cho thành chuyện, một mặt đánh tiếng xin dần để dò xem như thế nào. Vả lại vua quan của họ cũng có thâm ý riêng. Từ quan đến dân không ai không chú mục vào nước ta. Tôi đã biết rõ tình hình này, cho nên trong các tờ trình trước tôi đã nhiều lần đề cập một cách tế nhị, nhưng vì là những việc hiểm nghi hủ kỵ nên chưa nói rõ hết được mà thôi. Năm trước tôi đã nói với họ rằng những phần đất phía Đông từ Tiền Giang thẳng đến Vân Nam xưa nay đã thuộc về ta, dân ở đây hoặc nạp cống, hoặc nạp thuế. Bản ý của tôi là

muốn ngầm cho họ biết trước để sau này không thể không để cho ta cùng hưởng lợi. Rồi sau dần dần dùng kế dụ dỗ dân ở đây theo về ta theo lối nước Nga đã dùng kế lấy các bộ ở Tây Bá Lợi Á.

Tuy chưa thực hiện, nhưng thâm tâm mật kế tôi đã dự định đường đi nước bước như thế rồi. Cho nên từ bàn hòa năm trước tôi có nói: "Mất bên Đông thu lại bên Tây" là đã ngầm phục sẵn sự việc ngày nay vậy. Nay nếu biết đề phòng trước có thể được lợi lớn sau này. Vậy xin trình bày mấy điểm sau đây:

1. Nước ta có một dải núi chạy dài từ Bắc xuống Nam lại thoải dần về phía Đông. Đó là một thế núi tốt nhất trên địa cầu. Nền của nó rất cổ, do đó chứa nhiều kim loại đá quặng cùng các ngọc báu, các vật hiếm lạ. Những nhà địa lý các nước đã từng khen ngợi. Nhưng ta chưa hề khai quật, nở để điều mà tạo vật ban phúc cho ta thành ra vô dụng. Nay ta chưa có tài khai khẩn, lại chưa có đủ phí tổn nhu dụng thế là ôm của báu mà chịu nghèo mãi, lẽ nào không biết tận mà còn đem cái lợi bày đường mách nước cho người ta? Nếu không biết khởi phát trước để chế ngự họ, không để cho họ thừa thế, thì sẽ cam chịu cho họ sai khiến để được một phần lợi, như trường hợp một vài nước nhỏ ở Tây Châu. Hơn nữa, ven núi phía Tây theo họa đồ của họ đều thuộc về ta. Như tôi đã lấy những người mình từng đi lại nhiều biết rõ phong tục tình lý ngôn ngữ của thổ dân ra làm chứng. Ngày nay nếu ta đưa ra những chứng cứ có thực đó bảo họ trở lại cầu ta giúp đỡ, nếu ta thành thực giúp họ để chia nhau nguồn lợi phía Tây, nhờ uy để chiêu dụ những dân man mọi thì họ càng sung sướng vì hợp với thâm ý của họ. Ta cũng để lộ cho họ biết nếu họ bị lộ chuyện gì ta sẽ ngầm giúp họ một tay. Như thế họ sẽ vui thích và hết sức giúp ta, để mong ta giúp họ sau này. Nếu thực hiện kế đó thì từ ven núi ra phía Đông, họ nở nào chiếm đoạt? Còn từ ven núi đến phía Tây ta với họ cùng có lợi, tuy có mất mát phần ít cũng chẳng qua là lấy của ngoài đường để mua cái tình người đấy thôi, ta có tổn hại gì đâu? Vả lại, họ lấy kế để cần ta thì ta cũng tựa kế mà chọi lại họ không được sao? Nhưng kế đó rất khó, phải khéo điều đình mới được, hãy đợi tôi từ từ dò xem họ, biết rõ chân tướng sự cơ của họ rồi mới làm.

2. Người Pháp xưa nay từng coi ngôi vua là quý, chức quan là trọng, và việc làm của họ thì cốt lợi cho dân. Nếu thấy nước nào còn theo tập tục cũ, đem lòng nghi kỵ đối với người khác không chịu thông hiếu với nhau, thì họ sẽ lấy câu "lợi mình là để lợi người" mà suy diễn ra cho rằng tạo vật sinh ra đất đai vốn để cho cả nhân loại hưởng

dụng, chứ đâu phải để cho một nước, một vua nào chiếm lấy làm của riêng? Lẽ đó ở đoạn đầu trong bài Lục lợi từ tôi đã nói rõ. Nếu hai bên không lưu thông trao đổi để cùng có điều hay, chung điều lợi thì ta bỏ người lấy không được sao? Nay nếu biết mở cửa mua bán với nhau, họ không ngăn cản ta qua, ta không ngăn cản họ lại, hòa hợp với nhau, đúng như thánh thượng đã minh dụ rằng: "Các nước bốn phương hiện nay đã liên kết giao thông với nhau". Như vậy là để liệu trước việc sẽ xảy ra, đón kịp thời thế khiến họ phải là khách mà ta là chủ. Như thế họ sẽ cho rằng ta biết rõ thời thế, nên đến đâu cũng sẽ yên phận giữ lời ước, giữ danh nghĩa, không dám có ý đồ khác mà cũng không cần có ý đồ khác làm gì nữa. Thường tình con người ta, cầu lợi mà không được lợi mới không kể gì nghĩa lý mà liều với tiếng xấu. Nhưng người ta cũng có nhiều cách che đậy để mong tránh tiếng tham ô xấu xa. Nay đã được cái lợi như ý, lại tránh được tiếng xấu nữa, mà còn mưu cái lợi khác để liều chịu tiếng như, lẽ nào có tình đời như vậy? Tôi đã xem xét hết các nước hễ ở đâu có người của họ cư trú mà nước đó ăn ở tận tình với họ, thì không những tránh được họa bên ngoài mà mối lo bên trong cũng hết dần. Vì rằng mối họa khốc liệt thảm hại nhất không gì bằng họa binh đao. Nếu họ đã ăn ở cùng ta thì khi có họa bên ngoài xảy tới họ cũng sợ bị vạ lây, buôn bán không thông, khi có hoạn nạn bên trong họ cũng sợ lụy đến thân gia đình khó bảo toàn. Vì vậy hai trường hợp đó ta không cần giúp tự nhiên họ cũng sẽ giúp. Nhìn ra các nước ở phương Tây và Tây Châu, vua các nước thường giao việc nước cho các đại thần mà chu du các nước để mở rộng kiến văn, không phải lo việc bên trong nữa, vì đã có nhiều người lo giữ cho rồi. Sở dĩ được thế vì danh nghĩa đã lập, ngôi vị đã định, lý chính, thế đồng, phải trái thiên hạ đều biết, xử sự hợp với công luận, tung hoành liên kết nước lớn nước nhỏ, hòa hiếu hợp với các nước, một người làm trái thì cả đám gỡ cho. Ngày nay việc cai trị được lâu dài yên ổn đều do ở sự biết kết hợp, khác với thời xưa lấy bùn mà trát kín cửa để tự bảo vệ là thế.

3. Ngày nay cái mà ta thiếu thốn nhất là tiền của. Vì không có tiền của cho nên trăm việc, việc gì cũng không làm được. Hơn nữa, đồ dùng khí cụ của ta chưa đủ, tài trí chưa vượn tới, lại chưa có tiền của để mua máy móc kỹ thuật. Nay nếu đem một nửa số nhân tài cả nước và một nửa của cải ra thực hành cũng phải đợi vài chục năm sau mới có hiệu quả. Huống chi trước khi chưa được lợi đã sợ có một biến cố gì khác xảy ra thì tài lực của ta có khi lại bị người khác dùng. Hơn nữa dân tình yêu ghét chưa giống nhau, ý kiến còn chưa thống nhất, thì vị tất đã hiểu rõ được ý nghĩa tạm thời tổn phí để được yên ổn mãi mãi.

Phàm việc gì chỉ tính đến cái lợi nhỏ trước mắt, thì vị tất đã tính toán kịp được cái lợi lớn đến con cháu. Cho nên, ai lo phận nấy, nhà ai biết nấy, thì vị tất đã hợp được công tư với nhau như dân các nước phương Tây. Tục ngữ có câu: "Muôn việc khó ở bước đầu". Hễ thấy việc lớn mà không có lợi ngay thì tâm thần ý chí mệt mỏi rồi không chịu làm xong việc. Đại đế trong một nước phàm việc dân như việc hưng lợi, tuy do người trên xướng lên, có khuyến khích hướng đạo rõ ràng, nhưng do cả nước ở dưới làm. Nếu như ở trên việc gì cũng cứ tự làm lấy cả thì sự phiền phức thật không kể xiết. Việc làm đó ban đầu thì lợi quy về dân mà cuối cùng là quy về nước như các hội ở phương Tây. Nhưng dù trước hay sau cũng đều có lợi chung giữa công và tư. Vấn đề này có nhiều chi tiết chưa kể hết ra đây. Nay ta nếu biết cân nhắc sự cấp thiết đó mà mời họ khai nguồn lợi cho, thì dân thấy việc làm của họ có lợi, sẽ hòa nhau mà theo. Đó là lẽ thứ nhất.

Phàm việc thuê mượn nhân công, trước hết họ sẽ thuê dân ta, những người nghèo khó không có kế sinh nhai thấy được lợi nhiều sẽ rủ nhau ra làm, như thế sẽ tránh được cái thói du thủ du thực trộm cướp, như người Tàu đổ xô đến Cựu Kim Sơn và Tân Kim Sơn trước kia vậy. Đó là lẽ thứ hai.

Phàm những điều lợi mà họ được tất phải qua dân ta trước, rồi mới đến nước khác. Phàm những đồ cần dùng mà họ xuất ra như các loại đồ uống, thức ăn, khí cụ, tất từ nước khác chuyên chở tới. Họ có những đồ cần dùng mà ta thiếu và cần thiết, thì cũng nhân họ có mà ta có. Đó là lẽ thứ ba.

Trừ các điều lợi đã giao ước, ngoài mấy phần thuộc về nước ta, còn họ được mấy phần thì dân ta cũng được nhờ, như nào là việc buôn bán các đồ tạp dụng cho đến mọi sự kinh doanh nhỏ khác linh tinh rất nhiều không thể kể hết. Rồi lại có công nhân các nước kéo đến đông đảo thế tất phải mượn đất ta dựng nhà, người thuê nhà đông thì thuế nhà cũng nhiều, ta lại được cái lợi như người Anh ở Hạ Châu, không đánh thuế thuyền buôn mà chỉ thu thuế nhà mà thôi, ấy là cốt ở chỗ người đông. Cho nên nước nào khai mở thì dân cư ở đấy giàu có đông đảo, như Tây Châu là chứng cứ rõ nhất. Đó là lẽ thứ tư.

Phàm chỗ nào họ đi đến thì họ đều dùng đủ mọi cách gây tình cảm để được lòng vua và tôi, để dễ bề thuê mượn nhân công và để được các sự bảo hộ trong khi ăn ở, sự phí tổn không thể kể xiết. Như thế không những ta được cái lợi thường tình để làm ích cho nước, mà dân chúng cũng được của cải lưu thông để tự cấp. Đó là lẽ thứ năm.

Nhân sự cần mẫn của họ làm phấn chấn sự ủy mị của dân ta; nhân cái sức lực đã thành thuộc của họ giúp cho cái sức lực đang nuôi dưỡng của ta; nhân cái lợi đã hiện có của họ giúp cho cái mới bắt đầu của ta; nhân sự qua lại các nước của họ mà mở mang các đường giao thông của ta. Đó là lẽ thứ sáu.

Phàm chỗ nào có họ đến, hơi yên dằm là họ đã lập các hội như nhà thương, viện dục anh, viện tế bần, viện bố thí, trường học miễn phí, dân ta sẽ được nhờ. Đó là lẽ thứ bảy.

Bảy điều trên đây đều có thể giúp ta bước đầu giải quyết nạn thiếu tiền của.

4. Hiện nay cái ta thiếu là sự học tập tài nghệ. Nay nếu ta mời họ đến, phàm chỗ nào có khai quật, thì có quan quân của ta ngồi thu thuế. Do sự đi lại nói năng và mắt thấy những điều có thể dùng được ta đều học lấy. Dân ta với họ cùng nhau làm việc, nơi ở gần nhau, ăn mặc giống nhau, trong khoảng mười năm thì tài nghệ trong dân gian chẳng gì khác họ nữa. Như thế nhà nước không mất một đồng tiền nào mà việc học của nhân dân vẫn thành đạt. Ta lại có nhiều cách để khen ngợi nhân dân, thì dân sẽ đua nhau theo học những cái thực dụng ấy. Trong khi học tập lại có tiền công của họ để tự nuôi mình. Sau khi học thành tài sẽ nghĩ đến kinh doanh việc khác để góp công với nước nhà. Như thế ai không hết sức, không tận tình? Và chẳng việc mà họ giúp được cho dân ta cũng chỉ là lúc mới đầu công việc chưa biết, kỹ xảo chưa tường, nói năng đối đáp chưa lanh, tính tình chưa hợp mà thôi. Đến khi mọi việc đã thông hiểu, đủ để tự lập rồi, thì ta sẽ rời bỏ họ mà trở về với ta, tất sẽ nghĩ đến chuyện cũ Bàng Mông. Dân là dân ta, họ không thể cưỡng ép đi theo họ được. Thế là lúc đầu họ dạy ta, chỉ vẽ cho ta những cái khó, mà cuối cùng là ta được hưởng cái thành tựu, ta tự điều khiển dễ dàng. Tôi thấy khắp các nước cũng như tình người đâu cũng vậy, khi thiếu thì phải dựa vào người, khi đủ rồi thì trở về với mình. Đó là lý thế đương nhiên, không đợi bày đặt mới biết. Cho nên nói rằng ngồi mà hưởng lợi là vậy.

5. Ngày nay cái khó của ta là ở chỗ bắt đầu. Nếu chần chừ không biết nắm lấy cơ hội trước, thì việc họ thềm thường nhỏ dãi không phải chỉ một ngày, thế tất họ sẽ dùng trăm cách cố làm sao nắm lấy cho được. Ví như trong nhà có một chỗ bí mật không hề mở cho ai thấy ắt sẽ khiến người ta sinh nghi. Bọn cướp không phải trên trời xuống, tất cũng là người trên đất này, chúng sẽ lấy kỳ được những thứ cất giấu đó mới thôi. Nay nếu ta mở toang các cửa, để cho họ thấy rõ mọi vật

đều có chủ, thì không thể thừa cơ gây hấn, chỉ có dùng lối mềm dẻo để xin mà thôi. Khi đó quyền định đoạt thuộc về ta. Ngày nay nếu ta nhân có họ xin mà mở các cảng khẩu để thuyền bè các nước ra vào, ta ngồi mà thu thuế để tăng quốc dụng, như ở Trung Quốc. Có thuyền máy qua lại trên mặt biển thì bọn cướp biển dần dần sẽ tiêu. Sự sinh sống của dân ta sẽ dần dần thịnh vượng. Hai con đường đó sẽ giúp ta chi phí một vài chỗ trong lúc đầu. Phàm họ đi tới đâu, mọi việc làm tất phải tự xuất tiền để mà lập nơi cư trú đồn trại và cầu cống đường sá, v.v... hoặc đào mương, hoặc xẻ núi để vận chuyển hàng hóa, lại còn phải thiết lập các thứ khí cụ để làm việc. Tất cả những xây cất tạo dựng đó đều ở trên đất của ta. Đến khi họ vừa lòng mãn ý rồi thì chán, hoặc vớt bỏ mà về, hoặc bán rẻ. Như thế là ta không khó nhọc gì mà được hưởng chiếm, không ra khỏi nhà mà mua được. Thật là nhất cử lưỡng tiện. Hơn nữa, họ xây dựng nhà cửa ở nước ta, thì những nơi trù mật đông đúc, hưng vượng thịnh lợi đâu phải chỉ riêng họ có? Kia, nguồn lợi vô cùng của núi biển chưa dùng hết, và các loại cây cỏ lúa má trên mặt đất sinh sản mãi mãi, hễ chỗ nào có dấu chân họ đến là họ khai thông đường sá cho ta, diệt trừ cỏ dại để tăng phần tốt tươi màu mỡ cho đất đai của ta. Đến khi mãn hạn rồi thì vật sẽ trở về với chủ, họ không thể cuốn hết núi, biển, đất đai của ta mà mang đi. Thế tức là họ vỡ hoang mà ta

hưởng thành quả, như các nước Tây Châu là một chứng cứ. Chứng cứ đó rất mới, cả thiên hạ cũng không thể bài bác. Đó là vì lý mà cũng vì cái thế nữa. Vì rằng tạo vật đã định sẵn mà nguyên tổ loài người cũng đã sắp xếp trước. Tuy họ tạm thời được hưởng nửa phần lợi, nhưng cuối cùng cũng không thể nào đổi khách thành chủ được. Chẳng qua là tạo vật dùng họ để chán hưng các nước. Xét đến cùng cũng không khác gì làm thuê cho người khác mà thôi. Ngày nay nếu ta biết đề phòng trước các ngõ ngách, lời nói phải nghiêm nghĩa lý phải chính, để đợi họ đến xin, như thế rõ ràng là ta làm chủ. Đợi khi họ xin, thì ta ưng thuận ngay để chặn mối hiềm khích. Dần dần ta cho họ một vài chỗ; lúc bấy giờ sẽ có nhiều thương nghị giao ước, nay chưa nói đến. Nay xin gấp rút mời vài người Tây có thể tin cậy được, hậu đãi họ, tức tốc cùng vài người của ta thông hiểu sự việc trước hết dọc theo ven núi ven biển tìm kiếm, chỉ định rồi sau chọn lấy những mỏ tốt nhất mà dễ lấy, dành lại về sau để tự khai thác. Trừ những mỏ nào mà ta đã khai thác, còn những mỏ nào mới tìm được mà khó lấy thì ta giao cho họ lấy, ta hưởng nửa phần lợi. Một mặt cầu ngoại bang giúp đỡ để trấn thủ ba tỉnh, bên trong thì khai nguồn lợi để chặn sự gây hấn, đề phòng họ lấy ngầm, để phòng giúp khi loạn, để chặn đường

bọn người rình mò xúi bẩy, để tương lai thu lại các lợi khác. Mặt khác, đặt lãnh sự để củng cố hòa nghị, thông thương thuyền bè để khỏi tranh chấp. Một mặt phải gấp rút chấn hưng những món lợi gần để giải cứu những bức thiết nhất thời; mặt khác phải gấp rút nói rõ cho cả nước biết cái đại thể kiên cố để tiêu trừ những ý nghĩ của bọn Thăng, Quảng, để thuận theo bụng muốn lập công của tướng Tây, mà cái ý muốn lấy ba tỉnh trong cũng nguôi dần. Vì tạo được sự thông hiểu với ta cũng đã là một công lớn rồi, mà còn không thể gây hiềm khích gì được nữa. Như trong tờ trình trước tôi đã nói: "Bốn phía vây bủa khiến cho họ không dám động tĩnh" là như thế.

Nay xem Triều đình của họ đã có mật nghị, muốn lấy trọn sáu tỉnh hợp với toàn xứ Cao Miên để làm cửa ngõ lấy vùng đất hai bên sông Cửu Long dọc lên tận Vân Nam làm nhà chính, phía trên lấy Vân Nam làm vườn sau, và lấy nước ta làm bờ giậu phía Đông, để chống giữ mặt biển. Những ý đồ đó đều nằm trong dự định của Triều đình họ như con thỏ đào ba lỗ hang là như thế. Các tướng Tây gần đây dự định trong vòng ba năm hoặc sẽ lấy toàn bộ sáu tỉnh và chiếm cả Cao Miên, hoặc khai phá đường phía sau để thông Vân Nam; hoặc sẽ thông thương chung lợi với ta để mở mang rào phía Đông. Ba việc đó thế nào cũng phải thực hiện được một. Nay nếu ta khéo đắp đê để nước rút về phía Tây, lấy Cao Miên và phía Tây làm chỗ trũng để họ chuyên ý vào đó. Ta lại làm cái cách đứng bên cạnh bồi vào, như ở đoạn trên tôi đã

nói thì mới có thể làm dẫn được tình trạng căng thẳng của ta. Còn ở ba tỉnh trong cứ để họ qua lại tự nhiên đừng đề phòng hạn chế gì cả xem như mình cùng với họ sống chung. Thế là tuy họ không lấy ba tỉnh trong, mà vẫn được thuận lợi cũng như lấy rồi. Có như vậy mới duy trì được ba tỉnh trong để làm kế sau này. Điều đó trong binh pháp nói: Tạo được tình hình thì địch phải theo.

Nếu Triều đình không nghi ngại gì mà thực hiện dần dần các kế đó thì đại sự sẽ không xảy ra. Nhưng điều tôi nói có thể có một vài cái không nghiệm, nhưng nếu không gấp rút lo liệu thì chẳng những tờ trình này mà các tờ trình khác trước đây cũng đủ chứng rằng lời tôi nói không sai. Điều mong muốn thiết tha của tôi là lời nói của tôi không nghiệm chứ không muốn để thấy rằng lời nói của tôi là không sai. Bởi vì biết đề phòng trước khi việc xảy ra, thì lời nói của tôi dù có chỗ không nghiệm cũng là điều phúc cho nước nhà, mà còn phúc cả cho anh em tôi. Còn bảo đó là vì công hay vì tư thì sau này sẽ có ngày hiểu rõ, không cần phải biện bạch.

Vậy kính dâng.

Ngày tháng giêng năm Tự Đức 19"^[65]

Tháng 9 năm Bính Dần (1866), sử *Thực lục* ghi: "Quan Khâm sứ thượng thư nước Phú Lãng Sa ở Gia Định là Vy An^[66] cùng với cố đạo là tên Dương^[67] về kinh, lại đòi lấy đất ba tỉnh Vĩnh Long - An Giang - Hà Tiên. Đình thần nói hình thế ba tỉnh ấy cheo leo, cũng khó giữ được, nhưng việc quan hệ đến đất cát nhân dân, đâu có thể một chốc dễ dàng, xin sai quan nha Thương bạc viết thư, đem tình lý hiểu bảo, đợi tính kỹ nghị định. Vua bảo rằng: việc ấy rất là trọng đại, không khinh thường được, sai Phan Huy Vịnh, Phạm Phú Thứ cùng đi đến sứ quán tùy cơ ứng đối cho khéo. Huy Vịnh, Phú Thứ thường thương thuyết với Vy An. Vy An nói nay không chịu cùng nhau giảng định, sợ bọn mộ nghĩa ngày càng làm càn, tưởng nước Pháp bắt nhất gây ra việc chiến tranh mà thôi. Vy An đã về, vua sai thân phiên đình thần hội bàn, và các tỉnh bàn lại tâu lên. Lại báo cho Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyên mật bàn với quan hai tỉnh An Giang - Hà Tiên xét xem sự thế nhân tâm ra sao, nếu cử động ngay, cũng phải nghĩ cách đối đãi, nhường nên châm chước cốt được hòa bình, tính kỹ mật tâu lại^[68].

Bản điều trần về *Kế hoạch khai thác tài nguyên* trên đây của Nguyễn Trường Tộ đệ lên triều đình Tự Đức hồi tháng giêng đã nói ý đồ xâm lấn của Pháp sẽ lan rộng hơn nữa bằng cách cho người đi khảo sát dọc sông Cửu Long từ Nam Kỳ tới Vân Nam (do Doudard de Lagrée) và vẽ đồ bản bờ biển suốt từ nam ra bắc. Nguyễn Trường Tộ cũng tiên đoán Pháp đang kiếm có để